SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

(PECC2)

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 29/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 09/11/2018)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Quyết định đăng ký niêm yết số 134/SGDHCM –QĐ do Sở GDCK TP.HCM cấp ngày 22/ 04/ 2019

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

EVNPECC2

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2
32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP.HCM
Tel: 84.28.22216468
Fax: 84.28.22210408
Website: www.pecc2.com

RONG VIET SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT
Tầng 1-2-3-4, Tòa nhà Viet Dragon
141 Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM
Tel: 84.28.6299 2006
Fax: 84.28.6291 7986
Website: www.vdsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:
Họ tên: Huỳnh Văn Quang Chức vụ: Thư ký Công ty
Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP.HCM
Tel: 84.28.22216468 Fax: 28.22210408 Website: www.pecc2.com

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2 (PECC2)
32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP.HCM
Tel: 84.28.22216468 Fax: 84.28.22210408
Website: www.pecc2.com Email: info@pecc2.com

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2 (PECC2)

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 29/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 09/11/2018)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mã cổ phiếu: TV2
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng niêm yết: 12.313.159 cổ phiếu
- Tổng giá trị niêm yết *(theo mệnh giá):* 123.131.590.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

RONG VIET SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT
Tầng 1-2-3-4, Tòa nhà Viet Dragon
141 Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM
Tel: 84.28 6299 2006
Fax: 84.28 6291 7986
Website: www.vdsc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

aasc since 1991

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC
Tầng 3, Tòa nhà Galaxy 9, Số 09, đường Nguyễn Khoái, P.1, Quận 4, TP Hồ Chí Minh
Tel: 84.24 3824 1990
Fax: 84.24 3825 3973
Website: https://aasc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:
Họ tên: Huỳnh Văn Quang Chức vụ: Thư ký Công ty
Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP.HCM
Tel: 84.28.22216468 Fax: 28.22210408 Website: www.pecc2.com

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 5

1. Rủi ro về kinh tế 5
2. Rủi ro về luật pháp 8
3. Rủi ro đặc thù 8
4. Rủi ro khác 10

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 11

1. Tổ chức niêm yết 11
2. Tổ chức tư vấn 11

III. CÁC KHÁI NIỆM 12

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 13

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 13
2. Địa bàn hoạt động của Công ty: 20
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 21
4. Cơ cấu cổ đông của Công ty 24
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết, những Công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết 25
6. Hoạt động kinh doanh 27
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016, 2017 và 9 tháng năm 2018 49
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành: 52
9. Chính sách đối với người lao động 59
10. Chính sách cổ tức 61
11. Tình hình hoạt động tài chính 62
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng 75
13. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty) 88
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2018 89
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 96

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành 96
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....96
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 97
1. Loại chứng khoán 97
2. Mệnh giá.....97
3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....97
4. Tổng giá trị chứng khoán niêm yết.....97
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành.....97
6. Phương pháp tính giá: 97
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....98
8. Các loại thuế có liên quan 98
I. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT 99
1. Tổ chức tư vấn 99
2. Tổ chức kiểm toán 99
II. PHỤ LỤC 99

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất,... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, trong đó bao gồm cả ngành điện và tư vấn xây dựng điện. Vì vậy, việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ làm rõ mức độ tác động của loại rủi ro này cũng như đưa ra được các biện pháp hạn chế, khắc phục mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

✦ Tăng trưởng kinh tế

Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất,... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế.

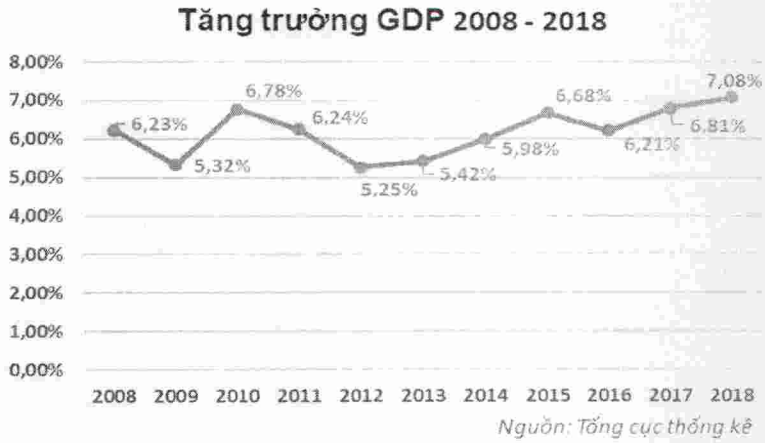

Nguồn: Tổng cục thống kê

Từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008, Việt Nam vẫn duy trì được mức tăng trưởng GDP trong những năm qua ở mức khá cao so với các quốc gia trong khu vực.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng này vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016. Trên thực tế, việc hoàn thành, thậm chí vượt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra từ đầu năm đã được chúng tôi lưu ý ngay sau khi GDP có mức tăng trưởng mạnh trong quý III. Trong quý IV, các động lực chính của nền kinh tế như sản xuất công nghiệp, xuất khẩu và tiêu dùng nội địa tiếp tục giữ vững được đà tăng trưởng tốt kết hợp với yếu tố mùa vụ cuối năm nên mức tăng GDP vẫn tiếp tục khả quan, qua đó giúp tăng trưởng trong cả năm nay về đích ngoạn mục.

Bước sang giai đoạn 2018, mặc dù chịu nhiều sự biến động của nhiều sự kiện kinh tế trên thế giới như việc Anh rời khỏi liên minh Châu Âu, chiến tranh thương mại Trung – Mỹ, sự bất ổn của đồng tiền ảo – Bitcoin,... nền kinh tế của Việt Nam tiếp tục có sự tăng trưởng khởi sắc và tạo ra những dấu ấn đáng kể.

Theo Tổng Cục thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2018 đạt 7,08%, mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 cho đến thời điểm hiện tại. Quy mô nền kinh tế theo giá hiện

hành đạt 5,54 triệu tỷ đồng, GDP bình quân đầu người ước tính đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD và tăng 198 USD so với năm 2017. Điều này cho thấy, nền kinh tế tiếp tục giữ được đà tăng trưởng, đồng thời, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng năm 2018.

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,6% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,3%; khu vực dịch vụ chiếm 41,2%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,98%. Đặc biệt, chất lượng tăng trưởng kinh tế cải thiện rõ rệt, mà cụ thể là đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp và năng suất lao động vào GDP ngày càng tăng. Năm 2018, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP đạt 43,5%, bình quân 3 năm 2016-2018 đạt 43,3%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,6% của giai đoạn 2011-2015.

Cơ cấu nền kinh tế năm 2018

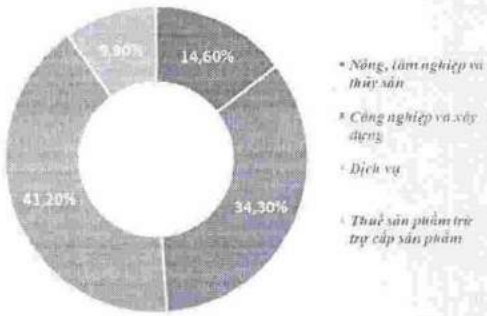

GDP năm 2019 ước tính sẽ đạt tốc độ tăng trưởng giảm nhẹ so với 2018, tại mức 6,7%. Động lực tăng trưởng GDP chủ yếu sẽ đến từ mảng hoạt động xuất nhập khẩu và hoạt động tiêu dùng cá nhân duy trì tốc độ tăng trưởng trên 10%. Kim ngạch xuất nhập khẩu sẽ giữ được tốc độ tăng trưởng trong năm sau do 3 yếu tố: (1) chiến tranh thương mại tiếp tục tạo ra lợi thế cho Việt Nam, trong đó 2 cấu phần được hưởng lợi chính là ngành công nghiệp (thiết bị cơ khí, điện thoại, dệt may) và ngành nông nghiệp (thủy sản); (2) Samsung tiếp tục triển khai các sản phẩm điện thoại mới. (3) Các dự án đầu tư công trọng điểm quốc gia được giải ngân nhằm hoàn thành kế hoạch 2019-2020 khiến mức tiêu dùng chính phủ cũng tăng trưởng đồng thuận. Với tốc độ tăng nhanh của nền kinh tế, nhu cầu về năng lượng cung cấp là một trong những nhân tố thiết yếu phải đáp ứng song song với mức độ tăng trưởng. Ngành điện nói chung và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện 2 sẽ nhận được tác động tích cực từ tăng trưởng kinh tế và ngược lại.

✦ Lạm phát

Lạm phát là yếu tố tác động rất lớn đến nền kinh tế Việt Nam và cũng là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp lẫn gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2008 – 2018, chỉ số lạm phát CPI đạt đỉnh 23,1% vào năm 2008 và có xu

Tăng trưởng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Việt Nam 2008 - 2018

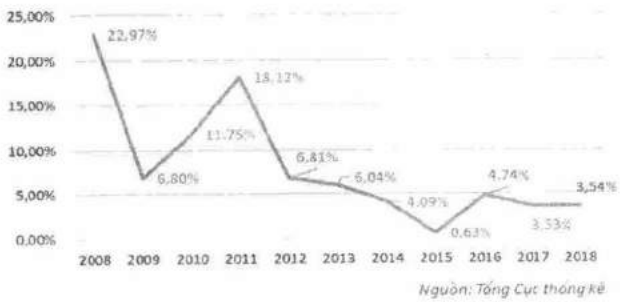

Nguồn: Tổng Cục thống kê

hướng giảm dần cho đến nay. Lạm phát sau khi xuống thấp kỷ lục vào năm 2015 lại tăng dần lên trong những năm 2017 sau những lần tăng giá các mặt hàng do nhà nước quản lý như dịch vụ y tế và giáo dục. Tuy nhiên, chỉ số lạm phát (CPI) năm 2017 vẫn được kiềm chế. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của 2017 bình quân tăng 3,53%, với chỉ số này, Chính phủ đã hoàn thành mục tiêu kiểm soát CPI dưới 4% trong năm 2017.

Năm 2018, chỉ số CPI bình quân của Việt Nam tăng 3,54% so với bình quân năm 2017, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. CPI tháng 12/2018 tăng 2,98% so với tháng 12/2017, bình quân mỗi tháng tăng 0,25%.

CPI năm 2019 được dự đoán sẽ tăng trở lại mức 4,0% do (1) giá dầu duy trì mức giao dịch hiện tại với giá Brent ước tính giao dịch trong mức 65-68 USD/thùng và giá WTI dự kiến sẽ giao dịch vùng giá 58-61; (2) Fed và ECB chuyển sang chính sách thắt chặt tiền tệ. Fed dự kiến sẽ tiếp tục nâng lãi suất 2 lần trong năm 2019 và ECB sẽ thu hẹp bảng cân đối kế toán vào cuối năm 2019 và nâng mức lãi suất vào nửa cuối năm 2019; (3) Với mức tăng trưởng GDP hai năm (2017 và 2018) liên tục vượt mức 6,8%, giá điện có thể sẽ tăng mạnh vào năm sau trong tình trạng thiếu điện khi ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng mạnh.

Mặt khác, trong 2 năm trở lại đây, giá điện được điều chỉnh tăng và giữ ổn định là một trong những lợi thế của ngành điện nói chung và ngành tư vấn xây dựng điện nói riêng, trong đó có Công ty Cổ phầnTư vấn xây dựng điện 2 trong điều kiện lạm phát có xu hướng tăng trở lại.

- **Lãi suất**

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Không phải bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng đều có một lượng vốn đủ lớn để tiến hành tổ chức sản xuất kinh doanh mà phần lớn đều phải huy động thêm từ các nguồn bên ngoài, trong đó một kênh phổ biến là thông qua vay vốn và chịu lãi suất sử dụng vốn vay. Sự biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến các chi phí lãi vay hàng năm của Doanh nghiệp.

Trong các năm trở lại đây, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2017, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm cuối năm 2017 đã giảm mạnh xuống, phổ biến ở mức 7 – 9%/ năm.

Bước sang năm 2018, trong bối cảnh cuộc chiến thương mại trên thế giới leo thang; dòng vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng đảo chiều tại các thị trường mới nổi,... , tỷ giá và lãi suất

trong nước đã có những phản ứng nhất định với những tác động lớn bên ngoài. Theo số liệu công bố của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, lãi suất trong năm 2018 đã nhích nhẹ so với năm 2017. Cụ thể, lãi suất tiền gửi bình quân tăng từ 5,11% năm 2017 lên 5,25% năm 2018. Lãi suất cho vay bình quân tăng từ 8,86% năm 2017 lên khoảng 8,91% năm 2018.

Theo Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, lãi suất có xu hướng tăng chủ yếu do kỳ vọng lạm phát tăng trong bối cảnh giá hàng hóa thế giới biến động và các Tổ chức tín dụng cơ cấu lại nguồn vốn nhằm đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong năm 2019 như tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn giảm xuống 40% và chuẩn bị tăng vốn cấp 2 theo Basel II.

Năm 2019, lãi suất có thể có những yếu tố thuận lợi do áp lực lạm phát có thể giảm bớt khi giá dầu thế giới không biến động nhiều. Cùng với đó, đồng USD dự báo suy yếu làm giảm áp lực từ phía tỷ giá.

Để hạn chế rủi ro do sự biến động của lãi suất, Công ty luôn có kế hoạch huy động và sử dụng nguồn vốn hợp lý, phù hợp với kế hoạch đầu tư và mục tiêu phát triển của công ty, đảm bảo chi phí tài chính thấp nhất.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây lên không ít khó khăn cho cả cơ quan chức năng lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện.

Hoạt động của Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp và chịu sự điều tiết của các văn bản pháp luật liên quan, do vậy những thay đổi về môi trường pháp luật sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế những rủi ro luật pháp phát sinh trong quá trình hoạt động, Công ty thường xuyên thực hiện cụ thể hóa các quy định của pháp luật thông qua việc ban hành các quy chế, quy định và hướng dẫn thực hiện; cập nhật các quy định của pháp luật, hướng dẫn các văn bản, chính sách mới liên quan đến hoạt động Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro nguồn nhân lực

Đối với những hoạt động trong lĩnh vực tư vấn nói chung và tư vấn điện nói riêng, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về chảy máu chất xám là một trong những rủi ro rất lớn đối với những doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Khi gia nhập vào nền kinh tế thế giới những nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu thế giới sẽ tham gia vào thị trường tư vấn điện tại Việt Nam. Những Công

ty nước ngoài có lợi thế về trình độ nhân sự, kinh nghiệm làm những công trình lớn với công nghệ tiên tiến. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến chính sách thu hút, đãi ngộ và đào tạo cán bộ cũng như xây dựng văn hóa doanh nghiệp năng động, chuyên nghiệp để duy trì nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao của Công ty.

3.2 Rủi ro thanh khoản:

Vấn đề nguồn vốn là một thử thách lớn đối với Công ty trong giai đoạn thị trường hiện nay. Một trong những trở ngại lớn nhất là Công ty hoạt động trong lĩnh vực khảo sát, thiết kế - là giai đoạn đầu của công tác đầu tư xây dựng phát triển các dự án nguồn và lưới điện. Do đó, Công ty có thể chịu rủi ro về chiếm dụng vốn do các chủ đầu tư chưa sắp xếp được vốn cho dự án, thanh toán chậm.

Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đưa ra các kế hoạch làm việc với các đối tác, thảo luận cụ thể về các biện pháp đảm bảo tiến độ dự án để tránh việc thanh toán kéo dài.

3.3 Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Công ty thực hiện giao dịch với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro về giá nếu yếu tố giá đầu vào của các dịch vụ cung cấp biến động như: chi phí thuê chuyên gia, chi phí sắt, thép đầu vào,....

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro cụ thể bằng các công cụ tài chính do thị trường mua các công cụ này chưa phổ biến. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chọn ký hợp đồng với các nhà cung cấp đủ khả năng cung cấp nguyên vật liệu với khối lượng và chất lượng theo yêu cầu và giá cả cạnh tranh nhất. Từ đó, Công ty có thể chủ động nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong mỗi năm và hạn chế được rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu trên thị trường.

3.4 Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty chịu ảnh hưởng rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD). Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Trong quá trình hoạt động, công ty có phát sinh giao dịch với các đối tác nước ngoài chủ yếu là các giao dịch ngoại tệ giao ngay để thanh toán hoặc tạm ứng theo tiến độ hợp đồng, thanh toán nguyên vật liệu sắt, thép ,... Do đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Hiện tại, công ty chưa áp dụng các công cụ tài chính cụ thể để phòng ngừa rủi ro lãi suất. Tuy nhiên, rủi ro từ tỷ giá hối đoái có thể được giảm thiểu bởi việc xây dựng mối quan hệ chặt chẽ và trao đổi thường xuyên về tình hình biến động tỷ giá hối đoái với các đối tác là tổ chức tín dụng có quan hệ lâu năm với công ty cũng như các thành viên trong tập đoàn Điện lực Việt Nam. Qua đó, Công ty có thể để triển khai được các phương án đối phó với biến động lãi suất xảy ra và chủ động được nguồn cung ngoại tệ khi cần thiết.

lực Việt Nam. Qua đó, Công ty có thể để triển khai được các phương án đối phó với biến động lãi suất xảy ra và chủ động được nguồn cung ngoại tệ khi cần thiết.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro trong quá trình vận hành máy móc, thiết bị, có thể gây đình trệ hoạt động tư vấn, khảo sát cũng như gia công cơ khí của Công ty, gây ảnh hưởng đến sự an toàn của máy móc, cán bộ công nhân viên. Để hạn chế tối đa thiệt hại cho người lao động và cho tài sản. Ban lãnh đạo Công ty đã nhanh chóng, kịp thời đưa ra những qui định về vận hành, chế độ sửa chữa, bảo dưỡng và kiểm tra định kỳ độ tin cậy của máy móc thiết bị. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động và dụng cụ an toàn cho công nhân. Trên cơ sở đó, Công ty luôn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ về bảo đảm an toàn lao động.

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, động đất, lũ lụt, dịch bệnh, chiến tranh... khi xảy ra có thể gây thiệt hại về tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

Ông Nguyễn Chơn Hùng - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bà Bùi Thị Ngọc Lý - Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hiếu - Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM	DIỄN GIẢI
Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính
Công ty, PECC2, TV2 Tổ chức niêm yết	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
TGĐ	Tổng Giám đốc
NLĐ	Người lao động
CTCP	Công ty cổ phần
SXKD	Sản xuất kinh doanh
EPC	Thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình
FS	Nghiên cứu Khả thi
PMC	Tư vấn quản lý dự án

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty:	**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**
Tên tiếng Anh:	**POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 2**
Tên viết tắt:	**PECC2**
Logo:	EVNPECC2
Trụ sở chính:	32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP.HCM
Văn phòng liên hệ:	Tầng 16, Toà nhà Báo Sài Gòn Giải phóng 432-434 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP.HCM
Số điện thoại:	028.22216468
Số fax:	028.22210408
Website:	www.pecc2.com
Vốn điều lệ:	**123.131.590.000 đồng**
Giấy Chứng nhận ĐKKD số:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 29/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 09/11/2018.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

+ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. *(Mã ngành: 7110).*
+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình nguồn điện. Đầu tư xây dựng công trình và kinh doanh bất động sản. Xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện, viễn thông, công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, giao thông, công trình ngầm, cơ sở hạ tầng. Đầu tư xây dựng công trình nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng. Xây lắp đường dây và trạm điện từ 35 KV trở xuống, nhà máy thủy điện nhỏ. *(Mã ngành: 4290).*
+ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Chế tạo thiết bị cơ khí. Mạ kẽm nhúng nóng cột điện thép, phụ kiện điện và các sản phẩm kim loại (không sản xuất tại trụ sở công ty). *(Mã ngành: 2592)*
+ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Đo vẽ, tính toán trữ lượng, khai thác các mỏ vật liệu xây dựng như: đá, cát và đất sét. *(Mã ngành: 0810).*

+ Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại. *(Mã ngành: 2733).*
+ Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất phụ kiện điện, các dụng cụ chuyên ngành điện (không sản xuất tại trụ sở công ty). *(Mã ngành: 2790).*
+ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh) *(Mã ngành: 5510).*
+ Hoạt động thể thao khác *(Mã ngành: 9319).*
+ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường. Nhận thầu khai thác, tinh chế, lọc nước phục vụ sinh hoạt và các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tư vấn về môi trường. Tư vấn giải pháp công nghệ sản xuất sạch, thiết lập cơ chế phát triển sạch. *(Mã ngành: 7490).*
+ Hoạt động thiết kế chuyên dụng. *(Mã ngành: 7410).*
+ Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng. *(Mã ngành: 4312)*
+ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. *(Mã ngành: 6810)*
+ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng. *(Mã ngành: 3510).*
+ Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. *(Mã ngành: 7120).*
+ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị điện lực, công nghiệp và dân dụng. *(Mã ngành: 4659).*
+ Xuất bản phần mềm. Chi tiết: sản xuất phần mềm. *(Mã ngành: 5820).*
+ Lập trình máy vi tính. Chi tiết: Viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của từng khách hàng. *(Mã ngành: 6201).*
+ Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính *(Mã ngành: 6209).*
+ Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu; Bán buôn sắt thép dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: phôi thép, thỏi, thanh, tấm, lá, dải, sắt thép dạng hình (chữ T, chữ L) (trừ mua bán vàng miếng). *(Mã ngành: 4662).*

+ Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Sân vận động bóng đá, sân cầu lông, sân bóng bàn, sân bóng chuyền, sân tennis. *(Mã ngành: 9311).*
+ Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phần mềm. *(Mã ngành: 4610).*
+ Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. *(Mã ngành: 4651).*
+ Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí (trừ súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ). *(Mã ngành: 7721).*
+ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật tư thiết bị xây dựng. *(Mã ngành 4663).*

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty được thành lập năm 1985 trên cơ sở sát nhập một số đơn vị của Bộ Năng lượng để tập hợp một đội ngũ đông đảo những cán bộ kỹ thuật giỏi và công nhân lành nghề có năng lực đảm đương việc khảo sát, thiết kế các công trình nguồn và lưới điện lớn tại các tỉnh phía Nam với tên gọi là Công ty Khảo sát Thiết kế Điện 2 (PIDC2).

Ngày 11/01/1999, Công ty Khảo sát Thiết kế Điện 2 (PIDC2) được đổi tên thành Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2) theo Quyết định số 02/1999/QĐ-BCN ngày 11/01/1999 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp.

Căn cứ theo Quyết định số 338/QĐ-BCN ngày 26/01/2007 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2 thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2, kể từ ngày 01/11/2007, Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2).

Ngày 13/10/2009, cổ phiếu của PECC2 chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 18/5/2017, PECC2 khai trương văn phòng đại diện tại Myanmar.

Lĩnh vực hoạt động của Công ty hiện nay là quy hoạch, khảo sát, thiết kế, giám sát và quản lý xây dựng các công trình điện, công nghiệp và dân dụng; chế tạo kết cấu thép, thiết bị môi trường phục vụ ngành điện, viễn thông và dân dụng; thực hiện và quản lý dự án EPC; đầu tư xây dựng các dự án; quản lý vận hành các nhà máy điện.

Sau hơn 30 năm, với nỗ lực và ý chí quyết tâm của các thế hệ người lao động, đến nay PECC2 đã trưởng thành vượt bậc về quy mô, năng lực tư vấn, nguồn nhân lực và các phương tiện chuyên dụng. Các mốc son đáng nhớ của Công ty gắn liền với việc xây dựng hàng loạt dự án trọng điểm quốc gia như: các nhà máy thủy điện Trị An, Hàm Thuận - Đa Mi, Đại Ninh, A Vương, Buôn Kuốp, Srêpok 3, Đồng Nai 3, 4, thủy điện tích năng Đơn

Dương; các Trung tâm điện lực Phú Mỹ, Ô Môn, Cà Mau, Nhơn Trạch, Vĩnh Tân, Duyên Hải, Sơn Mỹ, Kiên Lương; các nhà máy nhiệt điện Mông Dương 2, Sông Hậu 1, 2; các đường dây 500kV Bắc - Nam, Phú Mỹ - Nhà Bè - Phú Lâm, Sơn La - Hiệp Hòa, Đà Nẵng - Hà Tĩnh; Pleiku - Mỹ Phước - Cầu Bông; Nhà Bè - Ô Môn, Vĩnh Tân - Sông Mây, cáp ngầm 220kV Nhà Bè - Tao Đàn, cáp ngầm xuyên biển 110kV Hà Tiên – Phú Quốc; cáp ngầm ra đảo Cô Tô, các trạm biến áp 500kV Phú Mỹ, Nhà Bè, Tân Định, Ô Môn, các trạm GIS 220kV Tao Đàn, Hiệp Bình Phước,... và hàng trăm công trình đường dây tải điện và trạm biến áp 220kV, 110kV khác trên phạm vi toàn quốc.

HƠN 100 DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN
> 25.000 MW

HƠN 150 TRẠM BIẾN ÁP
> 28.000 MVA

HƠN 400 DỰ ÁN ĐƯỜNG DÂY
> 6.000 KM

Với những thành tích đã đạt được, Công ty đã được trao tặng:

- **Huân chương độc lập hạng ba năm 2005;**
- **Huân chương độc lập hạng nhì năm 2010;**
- **Huân chương độc lập hạng nhất năm 2015;**

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP
HẠNG BA - 2005

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP
HẠNG NHÌ - 2010

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP
HẠNG NHẤT - 2015

- Và nhiều bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, Bộ, chính quyền địa phương và Huân chương Lao động cho các đơn vị thành viên và cá nhân.
- **Cúp vàng Chất lượng Xây dựng Việt Nam (2010 - 2017)** do Bộ Xây dựng phối hợp cùng các Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ lựa chọn trao tặng cho 5 công trình:
  - Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 4
  - Nhà máy Thủy điện Đại Ninh
  - Nhà máy Nhiệt điện Cà Mau 1, 2
  - Nhà máy Thủy điện A Vương
  - Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn 1

- Cúp vàng Chương trình Đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp (2014): "**Doanh nghiệp có chỉ số hiệu quả kinh doanh tốt nhất nhóm ngành Tư vấn**".

- Một trong 200 doanh nghiệp có doanh thu dưới 1 tỷ USD kinh doanh hiệu quả nhất châu Á năm 2018 do Tạp chí Forbes bình chọn. ***(Forbes Asia's Best 200 Under A Billion 2018)***;

Phạm vi, loại hình và chất lượng dịch vụ của PECC2 cũng không ngừng được nỗ lực mở rộng và nâng cao, với các dự án EPC, PMC, các dự án điện hạt nhân, lưới điện thông minh, năng lượng tái tạo, ứng dụng các công nghệ mới trong khảo sát và thiết kế.

Vươn lên cùng với sự phát triển không ngừng của ngành điện trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, PECC2 luôn nỗ lực chinh phục từng vận hội, khẳng định một thương hiệu Việt uy tín trên các công trình Điện trong nước và khu vực.

1.2. Quá trình tăng vốn của Công ty

Trong quá trình hoạt động, PECC2 đã thực hiện quá trình tăng vốn như sau:

Thời điểm bắt đầu	Thời điểm kết thúc	VĐL tăng thêm (nghìn đồng)	VĐL sau phát hành (nghìn đồng)	Phương thức phát hành	Căn cứ pháp lý
	10/2007	VĐL theo giấy chứng nhận ĐKKD: 44.390.000.000 đồng.		Chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2 thành CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2	Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103008270 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 29/10/2007.
04/2016	07/2016	6.597.640	50.987.640	Phát hành 659.764 cổ phiếu trả cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 15%.	- Nghị quyết họp ĐHĐCĐ số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/04/2016. - Nghị quyết HĐQT số 4/2016/NQ-HĐQT ngày 13/5/2016 triển khai việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức . - Thông báo của UBCKNN số 3895/UBCK-QLCB ngày 29/6/2016 về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu . - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0300420157 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 15/07/2016.
03/2017	06/2017	7.647.060	58.634.700	Phát hành 764.706 cổ phiếu trả cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 15%.	- Nghị quyết họp ĐHĐCĐ số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2017. - Nghị quyết HĐQT số 03/2017/NQ-HĐQT ngày 01/04/2017. - Thông báo của UBCKNN số 3650/UBCK-QLCB ngày 5/6/2017 về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu. - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0300420157 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 28/06/2017.

02/2018	04/2018	58.634.700	117.269.400	Phát hành 5.863.470 cổ phiếu trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 100%.	- Nghị quyết họp ĐHĐCĐ số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/02/2018. - Nghị quyết HĐQT số 01/2018/NQ-HĐQT ngày 28/02/2018 triển khai phát hành cổ phiếu trả cổ tức; - Thông báo số 2076/UBCK-QLCB ngày 5/4/2018 của UBCKNN về việc nhận tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của PECC2. - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0300420157 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 23/04/2018
08/2018	11/2018	5.862.190	123.131.590	Phát hành 586.219 cổ phiếu tạm ứng cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 5%.	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/08/2018. - Nghị quyết HĐQT số 19/2018/NQ-HĐQT triển khai thực hiện kế hoạch tăng vốn ngày 30/8/2018. - Thông báo số 7058/UBCK-QLCB của UBCKNN về việc nhận báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức. - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0300420157 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 09/11/2018.

Nguồn: PECC2

2. Địa bàn hoạt động của Công ty:

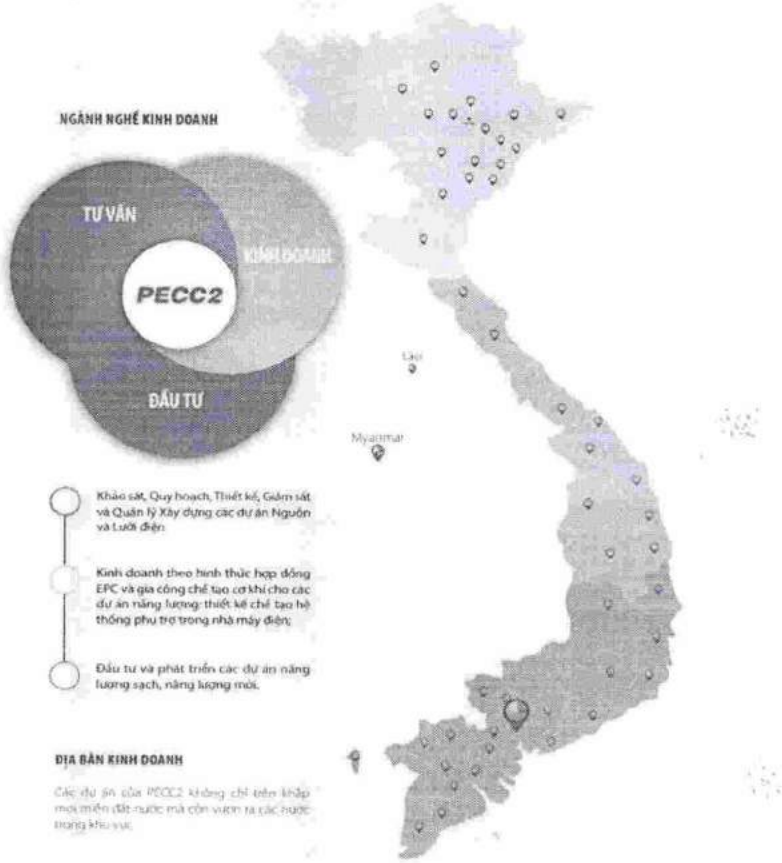

STT	Đơn vị	Địa chỉ
I	**Trụ sở chính công ty**	**32 Ngô Thời Nhiệm, P.7, Quận 3, TP.HCM**
II	**Văn phòng liên hệ:**	**Tầng 16, Toà nhà Báo Sài Gòn Giải phóng 432-434 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP.HCM**
III	**Chi nhánh**	
1	Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát tổng hợp Miền Nam	45 Dân Chủ, Khu phố 2, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM
2	Chi nhánh Xí nghiệp Cơ điện	45 đường số 2, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. HCM
IV	**Trung tâm/ Ban trực thuộc**	
1	Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân	32 Ngô Thời Nhiệm, P.7, Quận 3, TP.HCM
2	Trung tâm Tư vấn Lưới điện	131 Hòa Hưng, Phường 12, Q.10, TP.HCM
3	Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng tái tạo	131 Hòa Hưng, Phường 12, Q.10, TP.HCM
4	Ban Quản lý Dự án EPC	32 Ngô Thời Nhiệm, P. 7, Quận 3, TP.HCM
5	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	32 Ngô Thời Nhiệm, P. 7, Quận 3, TP.HCM
6	Trung tâm Quản lý và Vận hành nhà máy điện	32 Ngô Thời Nhiệm, P. 7, Quận 3, TP.HCM
V	**Văn phòng đại diện tại nước ngoài**	**9FL, 192 Kabar Aye Pagoda Road, Bathan Township, Yangon – Myanmar**

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

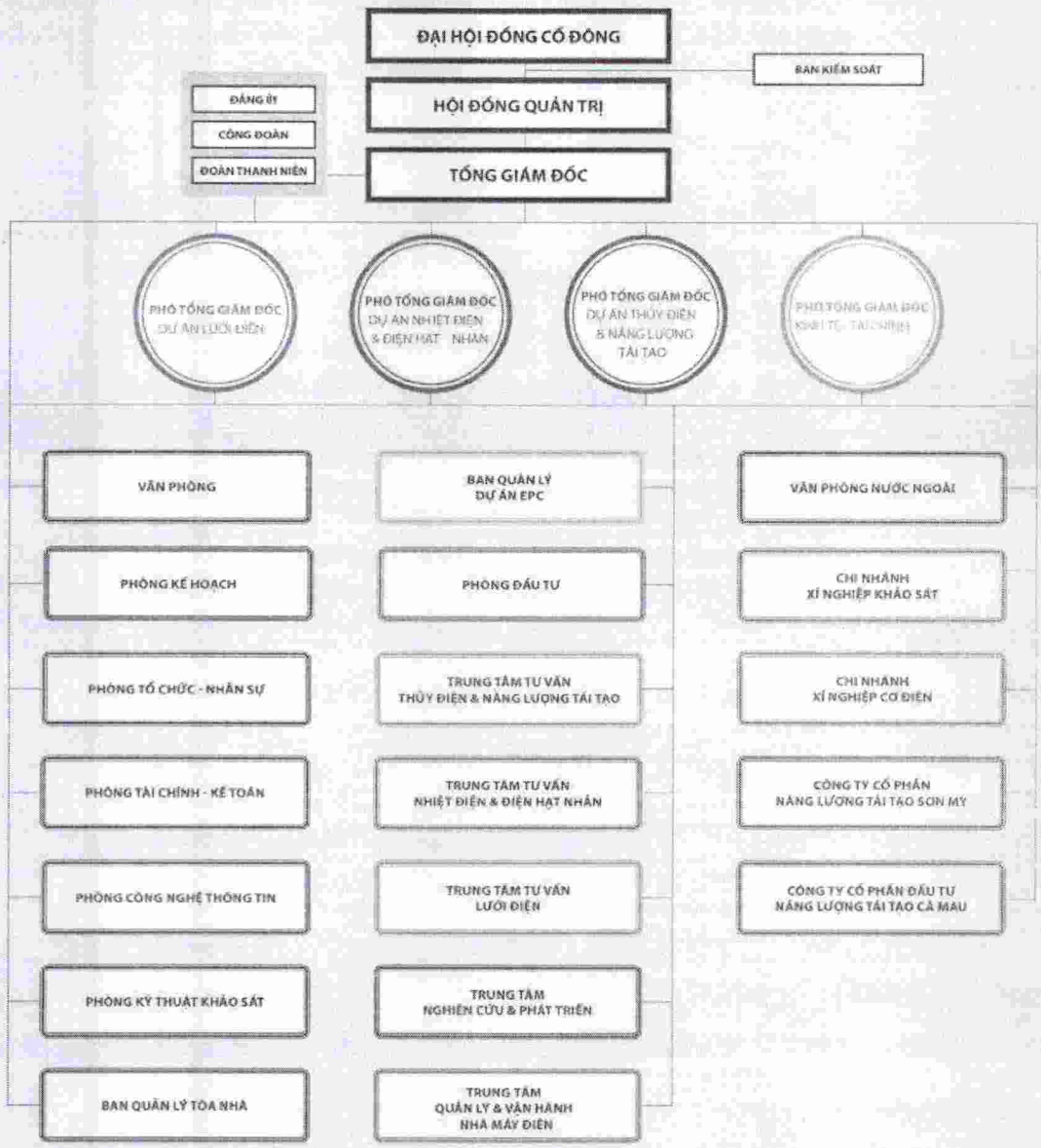

Bộ máy quản lý của Công ty nhanh nhạy trong tổ chức, chặt chẽ trong quản lý, giám sát, các bộ phận có sự phối hợp nhịp nhàng cùng nhau xây dựng doanh nghiệp phát triển vững mạnh. Chức năng cụ thể của các bộ phận trong cơ cấu tổ chức bao gồm:

3.1. Đại hội đồng Cổ Đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và Ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 lần.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên.

3.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hiện tại Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty.

Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

3.4. Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc.

3.5. Các phòng ban chức năng:

- **Văn phòng Công ty**

Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty và thực hiện các công việc trong lĩnh vực hành chính văn phòng: văn thư, lưu trữ, in ấn xuất bản tài liệu; phục vụ, hậu cần; đối ngoại, quan hệ cộng đồng, tổ chức sự kiện, văn hóa doanh nghiệp; quản lý và điều hành xe – máy; y tế - sức khỏe nghề nghiệp, vệ sinh - môi trường làm việc; quản lý trang thiết bị, phương tiện, cơ sở vật chất và thư ký Ban TGĐ.

- **Phòng Kế hoạch**

Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty và thực hiện các công việc hoạch định, xây dựng, tổ chức thực hiện, kiểm soát và cải tiến nâng cao hiệu quả chiến lược kinh doanh, kế hoạch SXKD, công tác hợp đồng, quản lý dự án, quản lý khách hàng, tiếp thị, mở rộng lĩnh vực hoạt động SXKD, quản lý đấu thầu các dịch vụ tư vấn và mua sắm, quản lý tài sản, vật tư trong toàn Công ty.

- **Phòng Tổ chức - Nhân sự**

Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty và thực hiện các công việc về xây dựng và triển khai hệ thống chính sách nhân sự và phát triển nguồn nhân lực, tổ chức bộ máy, bố trí lao động, pháp chế, thanh tra, bảo vệ, An toàn – bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai và thư ký Công ty.

➢ **Phòng Tài chính - Kế toán**

Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty và thực hiện các công việc về quản lý tài chính và kế toán trong Công ty.

➢ **Phòng Công nghệ thông tin**

Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty và thực hiện các công việc về phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin trong Công ty; quản lý và mua sắm thiết bị tin học, phần mềm; phát triển các phần mềm để phục vụ công tác quản lý, sản xuất cho Công ty.

➢ **Phòng Kỹ thuật Khảo sát**

Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty và thực hiện các công về khảo sát địa chất, địa hình, khí tượng - thủy văn và cung cấp tài liệu khảo sát công trình phục vụ thiết kế và thi công các công trình, dự án của Công ty.

➢ **Ban Quản lý dự án EPC**

Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty và thực hiện các công việc tìm kiếm, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án EPC đảm bảm chất lượng, kỹ thuật, đúng tiến độ và phát huy hiệu quả; quản lý sử dụng vốn, tài chính dự án.

➢ **Phòng Đầu tư**

Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty và thực hiện các công việc liên quan đến tìm kiếm và phát triển các dự án đầu tư, tổ chức thực hiện và quản lý đầu tư, đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư trong các lĩnh vực: dự án thủy điện; dự án năng lượng tái tạo; xây dựng cơ bản; đầu tư chiều sâu, mở rộng năng lực sản xuất công ty; dự án liên doanh, liên kết.

➢ **Trung tâm Quản lý và Vận hành Nhà máy điện**

Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty và tổ chức quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp các nhà máy điện.

➢ **Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển**

Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty và thực hiện nghiên cứu, tính toán hệ thống điện; tổ chức nghiên cứu ứng dụng, phát triển khoa học kỹ thuật; xây dựng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng; phối hợp kiểm soát chất lượng hồ sơ thiết kế, quản lý thư viện, đăng ký sở hữu trí tuệ và sản phẩm.

➢ **Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân**

Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty và thực hiện các công việc liên quan đến công tác tư vấn thiết kế, giám sát thi công và quản lý xây dựng các công trình nhiệt điện và điện hạt nhân.

➢ **Trung tâm Tư vấn Lưới điện**

Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty và thực hiện các công việc liên quan đến công tác tư vấn thiết kế, giám sát thi công và quản lý xây dựng các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp.

- **Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng tái tạo**

Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty và thực hiện các công việc liên quan đến công tác tư vấn thiết kế, giám sát thi công và quản lý xây dựng các công trình thủy điện và năng lượng tái tạo.

4. Cơ cấu cổ đông của Công ty

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan đến cổ đông lớn

Tại thời điểm 18/03/2019, danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan như sau:

Stt	Tên tổ chức	Số ĐKSH	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ
I.	**Danh sách cổ đông lớn**				
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty TNHH MTV Trong đó các đại diện sở hữu: - *Nguyễn Chơn Hùng: 20,53%;* - *Trần Quang Lâm: 15,40%;* - *Võ Văn Bình: 15,39%.*	VSD0106000804	11 Cửa Bắc, Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	6.319.601	51,32%
2	America LLC	CA5883	PO Box F43031, Freeport, Bahamas	1.639.881	13,32%
	TỔNG CỘNG			**7.959.482**	**64,64%**
II.	**Danh sách người có liên quan với cổ đông lớn tại thời điểm 18/03/2019:**				
1	**Người có liên quan với Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty TNHH MTV**				
1.1	Nguyễn Chơn Hùng	023652202	159/66 Hoà Hưng, P12 Q.10, TP. Hồ Chí Minh	9.441	0,076%
1.2	Trần Quang Lâm	023424122	399/15 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP.HCM	8.694	0,071%

Stt	Tên tổ chức	Số ĐKSH	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ
1.3	Võ Văn Bình	025989720	309/2A Nguyễn Văn Trỗi, P. 1, Q. Tân Bình, TP. HCM	4.443	0,036%
	TỔNG CỘNG			**22.578**	**0,183%**
2	**Người có liên quan với America LLC:**				
	Không có người liên quan với America LLC sở hữu cổ phiếu TV2 tại thời điểm 18/03/2019				

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300420157 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 29/10/2007, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 09/11/2018, Công ty không có cổ đông sáng lập.

Theo Luật doanh nghiệp, trong thời hạn ba năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho các cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Đến nay, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông Công ty

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	**Cổ đông trong nước**	**949**	**10.534.511**	**85,55%**
	- Pháp nhân	13	6.324.490	51,36%
	- Cá nhân	936	4.210.021	34,19%
2	**Cổ đông nước ngoài**	**37**	**1.778.648**	**14,45%**
	- Pháp nhân	11	1.737.584	14,11%
	- Cá nhân	26	41.064	0,34%
@	**Tổng cộng**	**986**	**12.313.159**	**100%**

Nguồn: Danh sách cổ đông PECC2 tại ngày 18/03/2019

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết, những Công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

5.1 Danh sách Công ty mẹ và công ty con, công ty liên kết của PECC2:

Công ty mẹ:

- Tên công ty	:	**Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty TNHH MTV**
- Tên viết tắt	:	EVN
- Vốn điều lệ (đến hết năm 2018)	:	205.390 tỷ đồng (theo Nghị định số 26/2018/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 28/02/2018)
- Địa chỉ	:	Số 11 Cửa Bắc, P. Trúc Bạch, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội
- Lĩnh vực kinh doanh	:	Sản xuất, truyền tải, phân phối và kinh doanh mua bán điện năng; chỉ huy điều hành hệ thống sản xuất, truyền tải, phân phối và phân bổ điện năng trong hệ thống điện quốc gia;Xuất nhập khẩu điện năng; Đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án điện; Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, cơ khí, điều khiển, tự động hóa thuộc dây truyền sản xuất, truyền tải và phân phối điện, công trình điện; thí nghiệm điện. Tư vấn quản lý dự án, tư vấn khảo sát thiết kế, tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, lập dự toán, tư vấn thẩm tra và giám sát thi công công trình nguồn điện, các công trình đường dây và trạm biến áp.
- SLCP EVN sở hữu tại PECC2	:	6.319.601 cổ phần
- TL sở hữu của EVN tại PECC2	:	51,32%
- TL biểu quyết tại PECC2	:	51,32%

Các công ty con:

- Tên công ty	:	**Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Cà Mau**
- Địa chỉ	:	Cà Mau
- Lĩnh vực kinh doanh	:	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Tỷ lệ sở hữu của PECC2	:	50,5%
- Tỷ lệ biểu quyết của PECC2	:	50,5%
- Vốn điều lệ theo ĐKKD	:	163.400.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2018	:	0 đồng (PECC2 vẫn chưa thực hiện góp vốn vào Công ty tại thời điểm 31/12/2018)
- Giá trị khoản đầu tư	:	0 đồng

5.2 Giá trị các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết:

- Tên Công ty	:	**Công ty Cổ phần Thủy điện Yên Bình**
- Địa chỉ	:	Yên Bái
- Lĩnh vực kinh doanh	:	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Tỷ lệ sở hữu của PECC2	:	30%
- Tỷ lệ biểu quyết của PECC2	:	30%
- Vốn điều lệ theo ĐKKD	:	152.880.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2018	:	0 đồng (PECC2 vẫn chưa thực hiện góp vốn vào Công ty tại thời điểm 31/12/2018)
- Giá trị khoản đầu tư	:	0 đồng

- Tên công ty	:	**Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Sơn Mỹ**
- Địa chỉ	:	Bình Thuận
- Lĩnh vực kinh doanh	:	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Tỷ lệ sở hữu của PECC2	:	25%
- Tỷ lệ biểu quyết PECC2	:	25%
- Vốn điều lệ theo ĐKKD	:	20.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2018	:	86.039.590.000 đồng
- Giá trị khoản đầu tư	:	5.000.000.000 đồng (**)

(**) Hiện tại CTCP Năng lượng tái tạo Sơn Mỹ đang thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ phù hợp với tiến độ triển khai dự án. PECC2 sẽ góp vốn theo đúng tiến độ, đảm bảo tỉ lệ sở hữu 25%.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm, dịch vụ của Công ty

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là quy hoạch, khảo sát, thiết kế, giám sát và quản lý xây dựng các công trình điện, công nghiệp và dân dụng; chế tạo các loại kết cấu thép và thiết bị môi trường, phục vụ ngành điện, dân dụng và viễn thông; thực hiện và quản lý dự án EPC; đầu tư xây dựng các dự án,... được chia thành 3 nhóm lĩnh vực chủ yếu:

- Khảo sát, thiết kế và quản lý EPC
- Gia công chế tạo cơ khí
- Hoạt động bán vật tư và kinh doanh khác

6.1.1. Khảo sát, thiết kế và quản lý EPC:

+ Tư vấn thủy điện

Tư vấn kỹ thuật cho các dự án thủy điện là lĩnh vực khởi đầu cho sự hình thành và phát triển của PECC2 từ những ngày đầu thành lập, đưa Công ty phát triển mang tầm vóc một đơn vị chủ lực về tư vấn thiết kế thủy điện ở khu vực miền Nam và miền Trung Việt Nam. Trong hơn 30 năm qua, PECC2 đã thực hiện trên 50 dự án thủy điện có quy mô từ vừa đến lớn và hàng chục các dự án thủy điện nhỏ khác.

NMTĐ Thác Mơ (2x75 MW), H=90m. Lần đầu tiên TV2 làm Tư vấn Thiết kế chính

Đập RCC cao 80m đầu tiên của Việt Nam, công trình Thủy điện A Vương (2x105MW, H=300m)

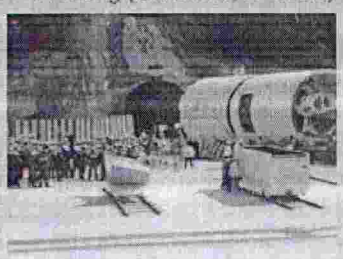

Công nghệ đào hầm bằng TBM lần đầu tiên tại VN, tại NMTĐ Đại Ninh (2x150MW, H=627m), đường hầm dài nhất VN (11km).

Công ty có đội ngũ tư vấn kỹ thuật mà tiêu biểu là Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng tái tạo, có nhiều kinh nghiệm qua quá trình thực tế thực hiện công tác tư vấn cho các dự án thủy điện, với đầy đủ các bộ môn chuyên ngành như: thủy công, tổ chức thi công, thiết bị công nghệ, thủy văn, thủy năng, địa chất, địa hình, dự toán, môi trường và tái định cư, v.v…

Các sản phẩm dịch vụ chủ yếu:

- ✓ Lập quy hoạch phát triển thủy điện theo dòng sông và Hệ thống sông (quy hoạch bậc thang thủy điện; Lập báo cáo quy hoạch xây dựng dự án thủy điện);
- ✓ Lập Quy trình vận hành hồ chứa cho công trình thủy điện độc lập và liên hồ chứa trong hệ thống bậc thang thủy điện; Lập quy trình bảo trì các công trình thủy điện;
- ✓ Điều tra và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập phương án đền bù, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư các dự án thủy điện;
- ✓ Thiết kế xây dựng các dự án thủy điện, thủy điện tích năng có quy mô từ nhỏ đến lớn bao gồm các giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi Thiết kế kỹ thuật, lập Tổng dự toán, lập Bản vẽ thi công và Giám sát tác giả;
- ✓ Lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá Hồ sơ dự thầu các gói thầu xây lắp công trình và Cung cấp thiết bị;
- ✓ Thiết kế mở rộng, phục hồi, nâng cấp công trình thủy công và hiện đại hóa các thiết bị công nghệ cho các nhà máy thủy điện;
- ✓ Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị; Tư vấn quản lý các dự án thủy điện;

- ✓ Thẩm tra thiết kế các dự án thủy điện;
- ✓ Lập báo cáo kiểm định an toàn đập; Kiểm định chất lượng xây dựng công trình và các dịch vụ thí nghiệm, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng;
- ✓ Tính toán, xây dựng phương án phòng chống lũ lụt hạ lưu công trình, có xem xét thêm kịch bản vỡ đập.

Danh mục một số các dự án tư vấn thủy điện PECC2 tham gia:

- ✓ Dự án phục hồi hệ thống điện Đa Nhim (2002): khôi phục và nâng cấp (sau 35 năm vận hành) 4 tuabin và máy phát điện (4x40MW), các tủ bảng và thiết bị phân phối, máy biến áp, các máy cắt và thiết bị phân phối tại nhà máy; các thiết bị cơ khí thủy công của đập và tuyến năng lượng.
- ✓ Dự án NM thủy điện Thác Mơ Mở rộng: Mở rộng thêm 1 tuyến năng lượng (từ hồ hiện hữu) để lắp bổ sung thêm 1 tổ máy.
- ✓ Các dự án nâng cấp/ mở rộng/ thay mới các tổ máy cho NMTĐ nhỏ như: Suối Vàng, Đắk Nông.
- ✓ Dự án mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim, mở rộng thêm 1 tuyến năng lượng và 1 tổ máy công suất 80MW;
- ✓ Dự án nâng cấp và hiện đại hóa thiết bị điều khiển, bảo vệ và đo lường cho nhà máy thủy điện Trị An và nhà máy thủy điện Hòa Bình.
- ✓ Lập FS cho Dự án thủy điện Hạ Sê San 1 / Sê San 5 (96MW) nằm giữa 2 nước Việt Nam và Campuchia.
- ✓ Lập Hồ sơ Mời thầu cho dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (400MW) tại Campuchia.
- ✓ Lập Quy hoạch cho cụm các dự án thủy điện (khoảng 90MW) trên sông Prex Ter và Prex Cho Long tại Campuchia.
- ✓ Nghiên cứu lập FS cho một số Dự án thủy điện tại nước CHDCND Lào và Vương Quốc Campuchia.

+ Tư vấn nhiệt điện và điện hạt nhân

Khởi nguồn từ các công trình nhiệt điện tại Phú Mỹ đầu thập niên 90, đến nay, PECC2 được biết đến là một trong những đơn vị tư vấn hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực Tư vấn Nhiệt điện, từ Nhà máy nhiệt điện công nghệ Tuabin khí chu trình hỗn hợp đến Nhà máy nhiệt điện than sử dụng công nghệ tiên tiến của thế giới và điện hạt nhân. Lực lượng Tư vấn Nhiệt điện của PECC2 không chỉ dừng lại ở vai trò tư vấn kỹ thuật mà đã thực hiện thiết kế (EPC) và quản lý dự án (PMC).

Công ty cung cấp đa dạng các công tác tư vấn kỹ thuật - quản lý trong từng giai đoạn phát triển dự án, nắm bắt và hiểu rõ nhu cầu của Khách hàng nhằm mang lại các giá trị có tính chiến lược lâu dài.

Các sản phẩm dịch vụ chủ yếu:

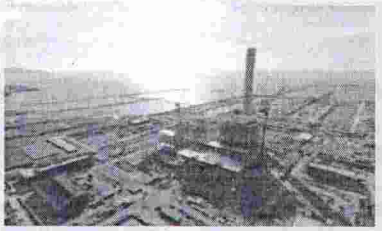

NMNĐ Vĩnh Tân 1, TV2 làm tư vấn quản lý dự án

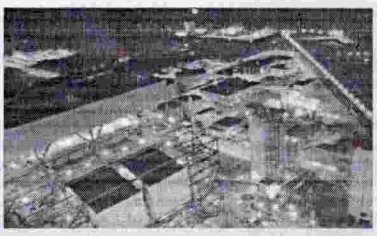

Mông Dương 2, Nhà máy nhiệt điện than BOT đầu tiên tại Việt Nam, TV2 làm tư vấn giám sát chính cho tập đoàn AES (Mỹ)

TV2 cùng Lãnh đạo Rosatom (Nga) thăm vị trí dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận 1

- ✓ Lập các báo cáo quy hoạch phát triển dự án nhiệt điện, tổng thể các trung tâm điện lực: phân tích so sánh lựa chọn địa điểm, qui mô công suất, các hệ thống kỹ thuật sử dụng chung, các công nghệ áp dụng, các điểm giao chéo và điều hành sản xuất trong các trung tâm điện lực;
- ✓ Thiết kế các công trình của dự án nhiệt điện phục vụ Nghiên cứu tiền khả thi, Nghiên cứu khả thi/ Báo cáo Dự án Đầu tư (Thiết kế cơ sở), Thiết kế kỹ thuật, Tổng dự toán; Thẩm tra Thiết kế;
- ✓ Lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá Hồ sơ dự thầu; Hỗ trợ chủ đầu tư trong thương thảo và ký kết Hợp đồng với nhà thầu; Tư vấn Phê duyệt thiết kế, Giám sát thi công và Quản lý xây dựng các dự án nhiệt điện (Tư vấn của Chủ đầu tư - OE);
- ✓ Thiết kế dự án EPC cho các hạng mục BOP quan trọng của dự án nhiệt điện;
- ✓ Tư vấn quản lý dự án (PMC) cho các dự án đầu tư theo hình thức BOT;
- ✓ Điều tra và lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập phương án đền bù và tái định cư các dự án nhiệt điện, đặc biệt là theo tiêu chuẩn quốc tế (ESIA);
- ✓ Lập thiết kế các phương án chuyển đổi nhiên liệu, cải tạo, phục hồi, nâng cấp các dự án nhà máy nhiệt điện; Thiết kế các Trung tâm dịch vụ sửa chữa thiết bị cho nhà máy nhiệt điện; và các dịch vụ tư vấn hỗ trợ khác.

Danh mục các dự án tư vấn nhiệt điện và điện hạt nhân PECC2 tham gia:

- ✓ Lập Nghiên cứu tiền khả thi, Nghiên cứu khả thi, Thiết kế kỹ thuật, lập Tổng dự toán, Thiết kế Bản vẽ Thi công một số hệ thống phụ trợ trong nhà máy: > 50 dự án;
- ✓ Giám sát xây dựng, quản lý xây dựng, nghiệm thu, chạy thử bàn giao công trình để đưa vào vận hành; Tham gia giám sát xây dựng cùng với tư vấn nước ngoài: 9 dự án
- ✓ Tư vấn giám sát chính: 7 dự án

- ✓ Cải tạo, nâng cấp, mở rộng: Cải tạo tổ máy S4 nhà máy điện Cần Thơ; Nâng công suất các nhà máy điện Bà Rịa; Phú Mỹ 2-1; Phú Mỹ 2-1 Mở rộng, Phú Mỹ 1 và Phú Mỹ 4, Nhơn Trạch;
- ✓ Thiết kế các trung tâm dịch vụ bảo trì nhà máy điện sử dụng công nghệ Tuabin khí chu trình hỗn hợp ở phía Nam và nhà máy điện đốt than ở phía Bắc;
- ✓ Thực hiện tư vấn dự án có công nghệ đốt dầu khí và Chu trình hỗn hợp: 16 dự án
- ✓ Thực hiện tư vấn lập DAĐT-TKCS, TKKT-TDT, HSMT dự án có công nghệ đốt than: 17 dự án
- ✓ Tư vấn quản lý dự án PMC: 2 dự án;
- ✓ Tư vấn giám sát chính (OE) cho 7 dự án;
- ✓ Cải tạo, nâng cấp, mở rộng cho 7 dự án;
- ✓ Thiết kế quy hoạch: 12 trung tâm điện lực lớn phía Nam (trong đó có trung tâm lớn với quy mô tổng công suất đến 6200MW);
- ✓ Thực hiện tư vấn, nghiên cứu cho 3 dự án điện hạt nhân

+ Tư vấn năng lượng tái tạo

PECC2 đã chủ động xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo để đáp ứng nhu cầu cấp bách về năng lượng và thực hiện **"Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050"** của Chính phủ.

PECC2 đang thực hiện Báo cáo đầu tư, bổ sung quy hoạch các dự án điện gió, điện trấu, điện mặt trời, đồng thời đánh giá tiềm năng các khu vực phát triển năng lượng tái tạo,...

Các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu:

- ✓ Lập quy hoạch phát triển điện mặt trời và điện gió cấp tỉnh;
- ✓ Lập Báo cáo và nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình các dự án điện mặt trời và điện gió;
- ✓ Lập Báo cáo điều chỉnh, bổ sung các dự án điện mặt trời và điện gió vào Quy hoạch phát triển điện lực cấp tỉnh và quốc gia;
- ✓ Lập các Báo cáo đánh giá tiềm năng, Báo cáo cơ hội đầu tư, Báo cáo nghiên cứu đề xuất đầu tư các dự án điện mặt trời, điện gió;
- ✓ Tư vấn lập Hồ sơ mời thầu các dự án điện mặt trời và điện gió;
- ✓ Tư vấn lập thiết kế trạm đo bức xạ mặt trời và cột đo gió cho các dự án điện mặt trời và điện gió.

Danh mục các dự án năng lượng tái tạo PECC2 tham gia:

- ✓ Lập quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Cà Mau giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030 đã được phê duyệt;
- ✓ Lập quy hoạch phát triển điện mặt trời tỉnh Bình Thuận và Bình Phước giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030 đang thực hiện;
- ✓ Lập Báo cáo điều chỉnh, bổ sung các dự án điện mặt trời Sơn Mỹ 3 – Giai đoạn 1 và Bình An – Giai đoạn 1 vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Thuận;
- ✓ Lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi các dự án điện gió: Thái Hòa (82,5MW) và Thái Phong (52,5MW). PECC2 phối hợp Công ty CP Tập đoàn Thái Bình Dương, Công ty đầu tư Mainstream Renewable Power thực hiện lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và thực hiện đầu tư các dự án này;
- ✓ Lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và Báo cáo điều chỉnh, bổ sung dự án nhà máy điện trấu Hậu Giang (10MW) vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh;
- ✓ Cùng tư vấn DNV-GL lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và tiến hành thủ tục đầu tư dự án điện gió Tân Thuận – Giai đoạn 1;
- ✓ Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình dự án điện mặt trời TTĐL Vĩnh Tân – GĐ1;
- ✓ Lập Báo cáo Nghiên cứu đề xuất đầu tư các dự án điện mặt trời và điện gió tỉnh Sóc Trăng;
- ✓ Hoàn thành Báo cáo đánh giá tiềm năng các khu vực phát triển năng lượng tái tạo: TTĐL Vĩnh Tân, hồ thủy điện các nhà máy thủy điện: Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srepok 3,...
- ✓ Hoàn thành tư vấn thiết kế lập bản vẽ thi công và mua sắm thiết bị cột đo gió dự án điện gió Tân Thuận – Giai đoạn 1, hiện đang vận hành ổn định.

Tư vấn lưới điện:

Trung tâm Tư vấn Lưới điện (TLĐ) trực thuộc PECC2 đã và đang cung cấp các dịch vụ cho các công trình lưới điện khắp cả nước, đáp ứng mọi yêu cầu khắt khe về kỹ thuật và chất lượng, trong đó có nhiều công trình áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên phong tại Việt Nam.

Các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu:

- ✓ Tư vấn, thiết kế, thẩm tra hồ sơ thiết kế các công trình đường dây, trạm biến áp truyền tải và phân phối cấp điện áp đến 500kV thuộc các giai đoạn: Quy hoạch; Báo cáo Nghiên cứu Tiền khả thi; Báo cáo nghiên cứu khả thi Đầu tư xây dựng; Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán; Lập bản vẽ thi công, Hồ sơ mời thầu, Đánh giá Hồ sơ dự thầu; Giám sát tác giả;

- ✓ Báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập kế hoạch đền bù tái định cư; kế hoạch quản lý môi trường,... theo yêu cầu của các tổ chức cho vay vốn;
- ✓ Phối hợp với tư vấn nước ngoài thiết kế các dự án đường dây và trạm biến áp, bao gồm đường dây cáp ngầm xuyên biển, trạm biến áp GIS;
- ✓ Giám sát thi công các công trình đường dây và trạm biến áp trong và ngoài nước;
- ✓ Tổng thầu EPC;
- ✓ Tư vấn quản lý dự án đối với các dự án đường dây và trạm biến áp;
- ✓ Tham gia xây dựng quy trình quy phạm xây dựng và nghiên cứu các vấn đề liên quan.

Một số công trình lưới điện tiêu biểu của PECC2:

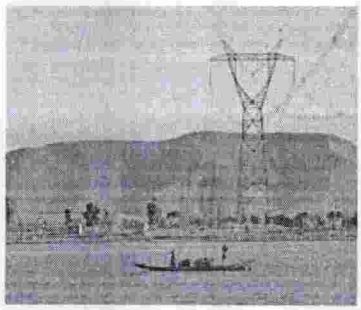

ĐD 500kV Bắc - Nam vượt sông Gianh

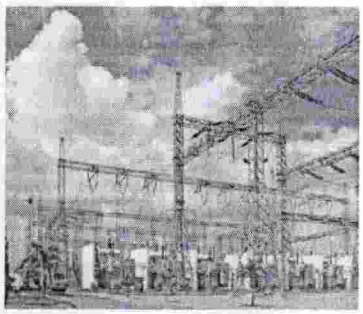

Trạm biến áp 500kV Nhà Bè

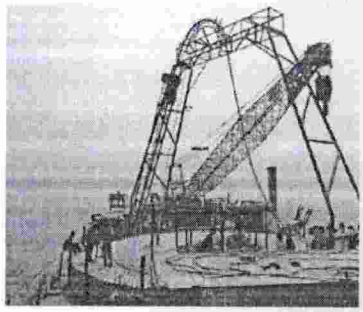

Xà lan kéo cáp ngầm 110kV xuyên biển Hà Tiên - Phú Quốc

Đường dây 500kV Pleiku - Mỹ Phước - Cầu Bông

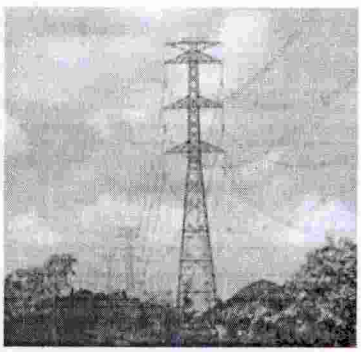

Đường dây 500kV Vĩnh Tân – Sông Mây

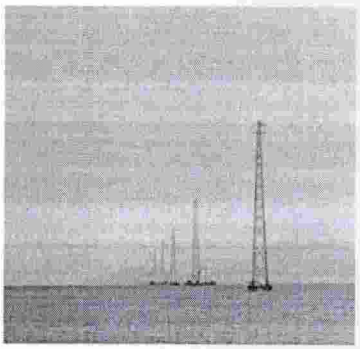

Đường dây 22kV vượt biển ra đảo Hòn Tre, huyện Kiên Hải

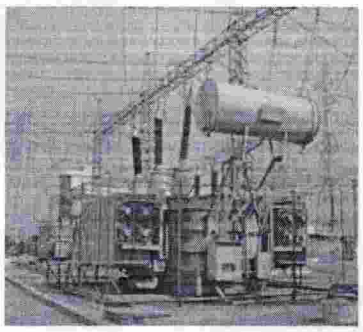

Trạm 500kV Phú Lâm, niềm tự hào đóng góp xây dựng thành công hệ thống điện 500kV đầu tiên

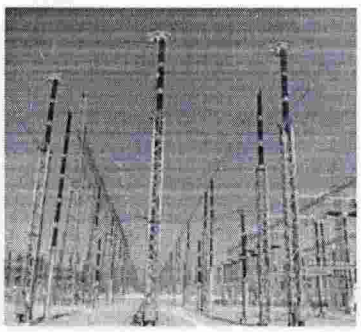

Sân phân phối 500kV Vĩnh Tân (Thanh cái cứng 500kV)

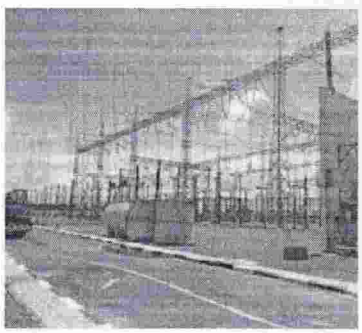

TBA 500kV Mỹ Tho

- **Hoạt động đầu tư và phát triển các dự án thủy điện và năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời ...)**

PECC2 định hướng Đầu tư là lĩnh vực chính bên cạnh lĩnh vực tư vấn điện truyền thống và hoạt động kinh doanh, nhằm mang lại tăng trưởng và phát triển bền vững cho Công ty trong tương lai. Ngoài việc đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty, PECC2 đã và đang tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư, hợp tác vào các dự án điện. Với lợi thế chuyên môn của công ty tư vấn, các dự án đầu tư của PECC2 đều mang tính khả thi cao.

Hiện nay, Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm thúc đẩy phát triển nguồn điện từ năng lượng tái tạo, nhằm bảo đảm an ninh năng lượng, giảm nhẹ biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, thông qua việc ban hành một loạt các chính sách hỗ trợ phát triển điện gió, điện sinh khối, điện mặt trời,... Do đó, được sự đồng ý chủ trương từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam – cổ đông lớn nhất của PECC2, trong những năm gần đây, bên cạnh việc đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty, PECC2 đã thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án như : Dự án Thủy điện Thác Bà 2, Dự án Điện mặt trời tại TTĐL Vĩnh Tân, Dự án Điện gió Tân Thuận, Dự án Điện mặt trời Sơn Mỹ 3,....

- **Thực hiện & quản lý dự án EPC:**

Từ năm 1995 đến nay, với mục tiêu từng bước tham gia thực hiện các dự án EPC, PECC2 đã tạo dựng được sự tín nhiệm từ khách hàng trong công tác thiết kế EPC và các dịch vụ liên quan trong các hợp đồng EPC xây dựng các nhà nhiệt điện, điện mặt trời, điện gió, lưới điện ở Việt Nam.

Các hạng mục thuộc dự án EPC xây dựng NMĐ Vĩnh Tân 4, NMĐ Vĩnh Tân 4 Mở rộng, cải tạo nâng cấp Hệ thống lọc bụi tĩnh điện cho NMĐ Vĩnh Tân 2 đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong chiến lược phát triển PECC2 nhằm mang lại những lợi ích thiết thực lâu dài cho khách hàng; các hạng mục thuộc dự án Điện mặt trời Sơn Mỹ, Điện mặt trời Ninh Phước.

Các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu:

- ✓ Hệ thống lọc bụi tĩnh điện (ESP);
- ✓ Hệ thống khử lưu huỳnh (FGD);
- ✓ Hệ thống bốc dỡ than (CHS);
- ✓ Hệ thống khí nén (CAS);
- ✓ Hệ thống xử lý nước bao gồm bồn bể;
- ✓ Hệ thống xử lý nước thải;
- ✓ Đường ống thải nước làm mát;
- ✓ Ống khói;

- ✓ Cảng than bao gồm hệ thống bốc dỡ than;
- ✓ Kết cấu thép phụ trợ;
- ✓ Sân phân phối/Trạm biến áp 500/220/110kV;
- ✓ Đường dây truyền tải 500/220/110kV;
- ✓ Hệ thống cấp điện MV/LV;
- ✓ Hệ thống Thu thập dữ liệu và điều khiển giám sát (SCADA) / Hệ thống Công tơ đo đạc;
- ✓ EPC nhà máy năng lượng tái tạo.

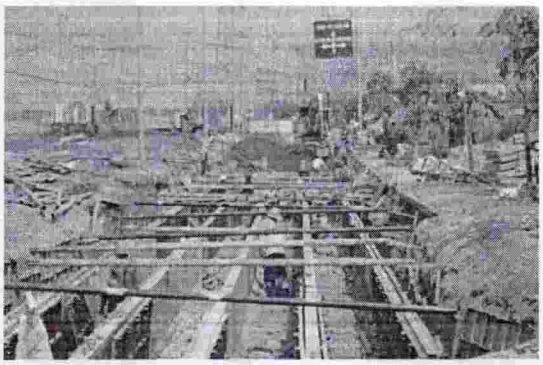

Tuyến cáp ngầm 220kV,
dự án EPC đi dời lưới điện qua khu Nhà Bè Metrocity

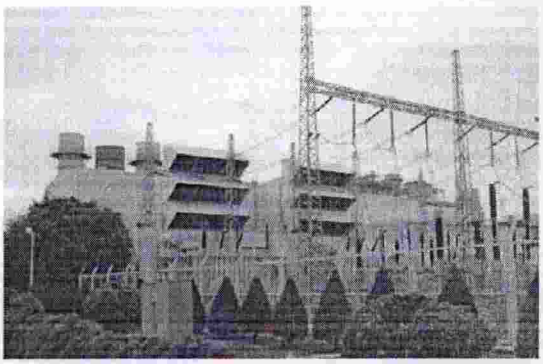

Sân phân phối NM Nhiệt điện Phú Mỹ 2.1
dự án EPC đấu nối NMNĐ Phú Mỹ 2.1 với hệ thống điện quốc gia

6.1.2. Gia công chế tạo cơ khí:

Xí nghiệp cơ điện (XNCĐ) của PECC2 thành lập năm 1996. Trong hơn 20 năm qua, Xí nghiệp đã chế tạo và cung cấp hơn 60.000 tấn kết cấu thép các loại phục vụ cho các công trình đường dây, trạm biến áp đến 500kV và các nhà máy điện trên toàn quốc. Được sự tin tưởng của khách hàng trong và ngoài nước, cùng mục tiêu chất lượng rõ ràng, XNCĐ đã trở thành một thương hiệu uy tín về chế tạo cơ khí phục vụ các công trình điện công nghiệp và dân dụng, kịp thời đáp ứng chủ trương nội địa hóa của Chính phủ, đồng thời phát huy nội lực và hợp tác quốc tế.

Máy móc thiết bị chế tạo cơ khí của Công ty:

Trạm biến áp 560kVA	1 trạm	Dây chuyền sản xuất CE cho ESP	1 HT
Trạm biến áp 3x25 kVA	1 trạm	Dây chuyền sản xuất DE cho ESP	2 HT
Cổng trục 10 tấn (2 pa-lăng) khẩu độ 20m	2 gian	Máy hàn các loại	35 cái
Cổng trục 3 tấn (2 pa-lăng)	1 gian	Hệ thống phun bi, phun sơn	1 HT
Dây truyền sản xuất tự động CNC dạng thanh	1 gian	Xe nâng, xe tải các loại	2 xe
Dây truyền sản xuất tự động CNC tấm bản mã	1 gian	Máy cắt tôn loại dao cắt dài 1.300m	1 cái
Máy cắt đột liên hợp	7 cái	Máy cắt Oxy, Axetylen (O2, C2H2)	10 cái
Máy khoan các loại	7 cái	Các loại máy khác phục vụ cho việc gia công kết cấu thép và xây lắp	
Máy mài, máy tiện, máy cán ren các loại	8 cái		
Máy thủy lực 80 tấn	1 cái	Mặt bằng kho bãi: 13.500m^2	
Dây chuyền cắt thép CNC Plasma	1 gian		

Các sản phẩm chủ yếu:

- ✓ Cột điện thép mạ kẽm nhúng nóng đến cấp điện áp 500kV;
- ✓ Cột ăngten, cột thông tin viễn thông, xây lắp (Hàng năm sản xuất khoảng 8.000 tấn cột điện thép và các kết cấu thép và đã xây dựng hơn 100 trạm thu phát sóng cho các mạng viễn thông);
- ✓ Giàn cột cổng; Giá đỡ thiết bị các loại cho các trạm biến áp đến 500kV;
- ✓ Giá đỡ mương cáp các loại; Các loại vỉ sàn thoát nước;
- ✓ Bulông móng các loại;
- ✓ Kết cấu thép nhà máy nhiệt điện (Hệ thống ESP, FGD, CHS ống khói...);
- ✓ Sản xuất thiết bị CE & DE cho hệ thống ESP nhà máy nhiệt điện;
- ✓ Kết cấu thép nhà tiền chế;

Kết cấu thép cho hệ thống CHS cho nhà máy nhiệt điện

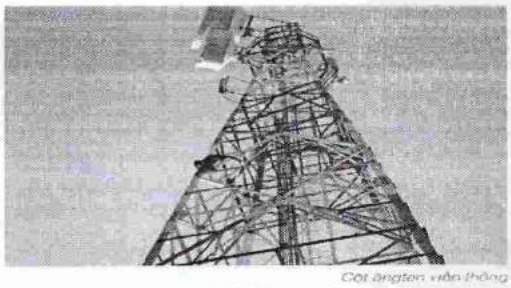

Cột ăngten viễn thông

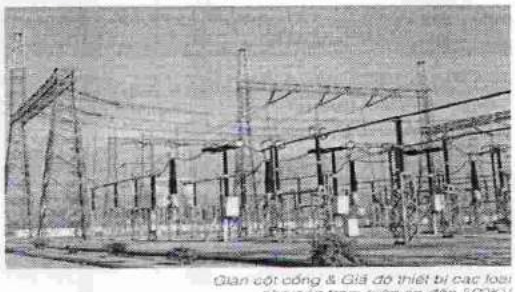

Giàn cột cổng & Giá đỡ thiết bị các loại cho các trạm biến áp đến 500KV

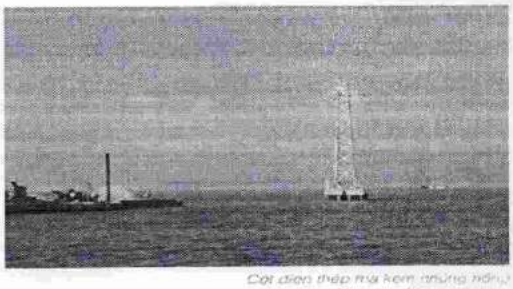

Cột điện thép mạ kẽm nhúng nóng đến cấp điện áp 500KV

6.1.3. Hoạt động bán vật tư và kinh doanh khác:

Hoạt động bán vật tư là khoản thu nhập không chủ yếu của Công ty. Đây là các khoản thanh lý, vật tư, bàn ghế, công cụ lao động, các tài sản cố định hết khấu hao và không có nhu cầu sử dụng.

6.2. Cơ cấu doanh thu thuần và Lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm

❖ **Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm, dịch vụ theo BCTC khối văn phòng:**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		% (+/-)
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	
Khảo sát, thiết kế và quản lý EPC	1.512,8	99,46%	1.694,8	100,00%	1.702,8	100%	0,47%

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		% (+/-)
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	
Bán vật tư & doanh thu khác	8,2	0,54%	0,0	0,00%	0,1	-	66,50%
Tổng cộng	1.521,0	100%	1.694,9	100%	1.702,9	100%	0,47%

(Nguồn: BCTC kiểm toán khối văn phòng Công ty năm 2017 và năm 2018 của PECC2)

Theo BCTC kiểm toán khối văn phòng Công ty, doanh thu của khối văn phòng có xu hướng tăng trong giai đoạn 2016 - 2017. Cụ thể, tổng doanh thu năm 2017 thuộc khối văn phòng Công ty đạt 1.694,9 tỷ đồng, tăng 11,4% so với tổng doanh thu năm 2016. Doanh thu cung cấp dịch vụ khảo sát thiết kế thuộc khối văn phòng Công ty luôn chiếm tỷ trọng trên 95% tổng doanh thu qua các năm. Còn lại là doanh thu từ hoạt động bán vật tư và doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Trong năm 2018, nhìn chung khối văn phòng công ty vẫn giữ được cơ cấu doanh thu ổn định so với giai đoạn trước khi doanh thu từ hoạt động tư vấn thiết kế chiếm tỷ trọng gần như 100% doanh thu thuần, đạt giá trị 1.702,8 tỷ đồng. Doanh thu từ hoạt động khác có tỷ trọng so với doanh thu thuần là 0,1%.

❖ **Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm, dịch vụ theo BCTC tổng hợp toàn Công ty:**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		% (+/-)
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	
Khảo sát, thiết kế và quản lý EPC	1.508,7	91,6%	1.703,1	92,7%	1.676,4	91,09%	(1,6%)
Gia công cơ khí	137,8	8,4%	134,3	7,3%	163,6	8,89%	21,8%
Bán vật tư & doanh thu khác	0,1	0,0%	0,6	0,0%	0,40	0,02%	(28,0%)
Tổng cộng	1.646,6	100%	1.838,0	100%	1.840,4	100%	0,1%

(Nguồn: BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2017 và năm 2018 của PECC2)

Tương tự như khối văn phòng Công ty, doanh thu ghi nhận của toàn Công ty có xu hướng tăng trong giai đoạn 2016 - 2017. Cụ thể, theo BCTC kiểm toán tổng hợp của TV2, tổng doanh thu năm 2017 của Công ty đạt 1.838 tỷ đồng, tăng 11,6% so với tổng doanh thu năm 2016. Công ty tập trung vào lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính, thể hiện qua doanh thu cung cấp dịch vụ khảo sát thiết kế luôn chiếm tỷ trọng trên 90% tổng doanh thu qua các năm. Khác với BCTC kiểm toán khối văn phòng, BCTC toàn Công ty ghi nhận thêm doanh thu phát sinh từ hoạt động gia công cơ khí của Xí nghiệp cơ điện trực thuộc Công ty. Doanh thu từ hoạt động gia công cơ khí dao động quanh mức 7,3% - 8,4% trên tổng doanh thu trong giai đoạn 2016 – 2017. Còn lại là doanh thu từ hoạt động bán vật tư và doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Trong năm 2018, nhìn chung toàn công ty vẫn giữ được cơ cấu doanh thu ổn định so với giai đoạn trước khi doanh thu từ hoạt động tư vấn thiết kế vẫn chiếm 91,09% so với doanh

thu thuần, đạt giá trị 1.676,4 tỷ đồng. Doanh thu từ hoạt động gia công cơ khí và hoạt động khác có tỷ trọng so với doanh thu thuần lần lượt là 8,89% và 0,02%. Năm 2018, Doanh thu khảo sát thiết kế giảm 1,6% và doanh thu gia công cơ khí tăng 21,8% so với năm 2017 do các dự án năng lượng tái tạo (chủ yếu là điện mặt trời) có tỉ trọng giá trị gia công cơ khí cao hơn tỉ trọng giá trị của khảo sát thiết kế trong tổng giá trị hợp đồng.

❖ **Lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm theo BCTC khối văn phòng:**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		% (+/-)
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	
Khảo sát, thiết kế và quản lý EPC	210,2	13,82%	363,4	21,44%	328,1	19,27%	(9,72%)
Bán vật tư & doanh thu khác	8,2	0,54%	0,0	0,00%	0,1	0,00%	66,50%
Tổng cộng	**218,4**	**14,36%**	**363,5**	**21,44%**	**328,1**	**19,27%**	**(9,71%)**

(Nguồn: BCTC kiểm toán khối văn phòng Công ty năm 2017 và năm 2018 của PECC2)

Về lợi nhuận gộp của khối văn phòng Công ty, theo BCTC tổng hợp của TV2, so với tổng doanh thu thuần, lợi nhuận gộp của hoạt động khảo sát, thiết kế chiếm tỷ trọng lớn nhất và có xu hướng duy trì ổn định trong thời gian gần đây, tăng từ mức 13,82% lên 21,44% năm 2017 và giảm nhẹ còn 19,27% trong năm 2018. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán vật tư và hoạt động khác so với tổng doanh thu thuần của khối văn phòng Công ty chiếm tỷ trọng không đáng kể qua các năm.

❖ **Lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm theo BCTC tổng hợp toàn Công ty:**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		% (+/-)
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	
Khảo sát, thiết kế và quản lý EPC	230,9	14,0%	381,2	20,7%	343,7	18,7%	(9,9%)
Gia công cơ khí	17,4	1,1%	16,7	0,9%	21,6	1,2%	29,6%
Bán vật tư & doanh thu khác	0,1	0,0%	0,1	0,0%	0,1	0,0%	34,9%
Tổng cộng	**248,5**	**15,1%**	**398,0**	**21,7%**	**365,4**	**19,9%**	**(8,2%)**

(Nguồn: BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2017 và năm 2018 của PECC2)

Tương tự như khối văn phòng Công ty, về lợi nhuận gộp, theo BCTC tổng hợp của TV2, so với tổng doanh thu thuần, lợi nhuận gộp của hoạt động khảo sát, thiết kế chiếm tỷ trọng lớn nhất, dao động từ 14% đến 20,7% trong giai đoạn 2016 đến hết năm 2018. Lợi nhuận gộp từ hoạt động gia công cơ khí chiếm tỷ trọng từ 0,9% đến 1,4% so với tổng doanh thu thuần. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán vật tư và hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể qua các năm. Lợi nhuận gộp toàn Công ty năm 2018 giảm chủ yếu do tốc độ tăng của giá vốn hàng bán năm 2018 (2,4%) tăng nhanh hơn tốc độ tăng của doanh thu (0,1%). Trong đó, giá vốn hàng bán tăng do chủ yếu là chi phí dịch vụ mua ngoài tăng.

6.3. Nguyên vật liệu

- **Nguồn nguyên vật liệu đầu vào**

Do tính chất đặc thù của PECC2 là Tư vấn xây dựng điện, nên chi phí đầu vào của Công ty không chỉ là nguyên vật liệu, mà còn là chi phí cho đội ngũ Chuyên viên Tư vấn, Kỹ sư cao cấp để thực hiện thiết kế, tư vấn xây dựng các công trình, dự án lớn.

Tư vấn khảo sát, thiết kế là hoạt động mang lại doanh thu chính cho Công ty. Vì thế con người đóng vai trò quan trọng mang lại hiệu quả công việc và thực hiện các dự án PECC2 ký kết. Công ty có lợi thế về trình độ nhân sự, kinh nghiệm tư vấn những công trình lớn với công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng nhu cầu công việc và của khách hàng. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến chính sách thu hút, đãi ngộ và đào tạo cán bộ để duy trì ổn định nguồn nhân lực có chất lượng cao thực hiện các dự án Tư vấn xây dựng các công trình, mạng lưới điện.

PECC2 có cơ cấu nhân sự ổn định và trình độ chuyên môn ngày càng cao qua các năm với tỷ trọng nhân sự có trình độ đại học và sau đại học ngày càng tăng, từ 56,2% năm 2016 lên 59,3% năm 2017 và đạt 61,75% năm 2018.

Cơ cấu nhân sự	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
+ Sau đại học	49	62	79
+ Đại học	391	392	386
+ Cao đẳng, trung cấp, công nhân kỹ thuật	298	272	234
+ Sơ cấp	45	43	45
Tổng số lượng lao động	**783**	**769**	**753**

Về sản xuất sản phẩm cơ khí, mạ kẽm, bê tông, nguồn nguyên vật liệu là xi măng, sắt, thép để phục vụ nhu cầu sản xuất sản phẩm cơ khí, mạ kẽm, bê tông của xí nghiệp cơ điện, cơ khí. Giá cả của sắt, thép, xi măng chịu sự ảnh hưởng biến động của thị trường và chính sách điều tiết vĩ mô của Chính phủ. Tuy nhiên, Công ty có mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp nguyên vật liệu và nhiều nhà cung cấp thay thế. Nên việc thực hiện đàm phán ký kết các hợp đồng, thời gian thanh toán với giá cả cạnh tranh đảm bảo về chất lượng và nguồn cung ổn định cho các dự án PECC2 đang triển khai đã giảm đáng kể sự ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới kết quả kinh doanh.

- **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty**

Về hoạt động khảo sát, tư vấn: Cùng với chính sách tăng lương cơ bản của nhà nước, tiền lương và phụ cấp cho nhân sự thời gian qua cũng có xu hướng gia tăng, nhất là chi phí cho các kỹ sư, chuyên gia giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực thi công công trình điện. Điều này tạo nên áp lực chung về chi phí cho từng dự án thi công và ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận gộp của từng hợp đồng tư vấn khác nhau.

Cùng với sự gia tăng chất lượng tư vấn, công ty chủ động điều chỉnh giá trị hợp đồng các dự án tư vấn thiết kế phù hợp với chi phí đầu tư nhân sự, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích công ty và người lao động. Các hợp đồng lao động được bộ phận nhân sự công ty thiết kế linh hoạt cho từng đối tượng lao động cũng như cân nhắc về thời gian giám sát thi công từng công trình điện.

Về hoạt động gia công cơ khí: Việc tăng giá thu mua các nguyên vật liệu đầu như sắt, thép,... sẽ làm giảm lợi nhuận của hoạt động gia công cơ khí. Tuy nhiên, theo cấu trúc chi phí của PECC2 thì tỷ trọng chi phí NVL/tổng chi phí cũng như trên tổng doanh thu thấp. Ngoài ra, khi chào giá thì đối tác, công ty đã có cập nhật giá nguyên vật liệu có tính đến biến động giá. Vì vậy, những biến động về giá nguyên liệu không ảnh hưởng nhiều đến doanh thu cũng như lợi nhuận của hợp đồng đã ký kết và trong giai đoạn triển khai. Những hợp đồng đang chào thầu/thương thảo thì sẽ bị ảnh hưởng nhẹ. Để tránh tác động của việc gia tăng giá sắt thép đầu vào, Công ty luôn chọn ký hợp đồng với các nhà cung cấp đủ khả năng cung cấp nguyên vật liệu với khối lượng và chất lượng theo yêu cầu và giá cả cạnh tranh nhất. Từ đó, Công ty có thể chủ động nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong mỗi năm và hạn chế được rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu trên thị trường. Một số nhà cung cấp nguyên vật liệu tiêu biểu của Công ty:

Stt	Tên nhà cung ứng	Loại hàng hóa, dịch vụ	Địa chỉ
1	Công ty CP 190	Cung cấp thép các loại	Lô N11-12 Đường số 5, KCN Long Hậu Mở rộng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
2	Công ty TNHH Thép IPC Sài Gòn	Cung cấp thép các loại	BO Tầng 10, Tòa nhà Bluesky Office, số 01 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
3	Công ty TNHH TM DV Đỗ Nga	Cung cấp thép các loại	Số 9, Đường số 34, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
4	Công ty CP Ống thép Dầu khí Việt Nam	Cung cấp thép các loại	KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp – Xã Kiểng Phước, Huyện Gò Công Đông, Tỉnh Tiền Giang
5	Công ty CP Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	Cung cấp thép các loại	Số 92, Yết Kiêu, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội

6.4. Chi phí sản xuất kinh doanh

Cơ cấu các loại chi phí của Công ty năm 2016, 2017 và 2018 theo BCTC khối văn phòng:

Đvt: tỷ đồng

Stt	Chi phí	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		% (+/-)
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	
1	Giá vốn hàng bán	1.302,6	85,64%	1.331,4	78,56%	1.374,7	80,73%	3,25%
2	Chi phí bán hàng	65,3	4,29%	71,7	4,23%	62,8	3,69%	(12,43%)
3	Chi phí QLDN	50,3	3,31%	66,4	3,92%	34,7	2,04%	(47,67%)
4	Chi phí tài chính	13,3	0,88%	4,0	0,23%	5,6	0,33%	41,70%
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*2,3*	*0,15%*	*4,0*	*0,23%*	*2,1*	*0,12%*	*(47,23%)*
@	Tổng cộng	1.431,5	94,12%	1.473,4	86,94%	1.477,9	86,79%	(15,16%)

(Nguồn: BCTC kiểm toán khối văn phòng Công ty năm 2017 và năm 2018 của PECC2)

Do đặc thù của hoạt động sản xuất ngành tư vấn và thi công công trình điện nên chi phí giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi phí hoạt động của khối văn phòng công ty trong giai đoạn từ 2016 - 2018. Cụ thể, theo BCTC khối văn phòng Công ty của TV2, so với tổng doanh thu thuần, chi phí giá vốn hàng bán của khối văn phòng đạt tỷ trọng lần lượt 85,64% trong năm 2016, 78,56% trong năm 2017 và 80,73% trong năm 2018. Các loại chi phí còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể so với doanh thu thuần qua các năm. Cụ thể, tỷ trọng chi phí bán hàng so với doanh thu thuần có xu hướng giảm dần từ 4,29% năm 2016, xuống 4,23% năm 2017 và 3,69% trong năm 2018. Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp so với doanh thu thuần cũng có xu hướng giảm dần khi đạt giá trị 3,31% năm 2016, tăng lên 3,92% năm 2017 và xuống mức 2,04% năm 2018. Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng không đáng kể so với tổng doanh thu của Công ty (dưới 1%) trong giai đoạn 2016 - 2018.

Cơ cấu các loại chi phí của Công ty năm 2016, năm 2017 và năm 2018 theo BCTC tổng hợp toàn Công ty:

Đvt: tỷ đồng

Stt	Chi phí	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		% (+/-)
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	
1	Giá vốn hàng bán	1.398,1	84,9%	1.440,0	78,3%	1.475,0	80,1%	2,4%
2	Chi phí bán hàng	67,4	4,1%	72,2	3,9%	62,6	3,4%	(13,3%)
3	Chi phí QLDN	67,0	4,1%	89,4	4,9%	58,9	3,2%	(34,2%)
4	Chi phí tài chính	14,2	0,9%	4,6	0,3%	6,1	0,3%	32,3%
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*3,1*	*0,2%*	*4,5*	*0,2%*	*2,5*	*0,1%*	*(43,2%)*
@	Tổng cộng	1.546,8	93,9%	1.606,3	87,4%	1.605,1	87,2%	(0,1%)

(Nguồn: BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2017 và năm 2018 của PECC2)

Cơ cấu tổng chi phí toàn công ty tương tự như cơ cấu chi phí khối văn phòng Công ty. Tổng chi phí toàn công ty năm 2018 đạt 1.605,1 tỷ đồng, giảm 0,1% so với năm 2017. Do đặc thù của hoạt động sản xuất ngành tư vấn và thi công công trình điện nên chi phí giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi phí hoạt động của toàn Công ty qua các năm trong giai đoạn từ 2016 - 2018. Cụ thể, theo BCTC tổng hợp của TV2, so với tổng doanh thu thuần, chi phí giá vốn hàng bán của Công ty đạt tỷ trọng lần lượt 84,9% trong năm 2016, 78,3% trong năm 2017 và 80,1% trong năm 2018. Các loại chi phí còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể so với doanh thu thuần qua các năm. Cụ thể, tỷ trọng chi phí bán hàng so với doanh thu thuần có xu hướng giảm dần từ 4,1% năm 2016, xuống 3,9% năm 2017 và 3,4% trong năm 2018. Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp so với doanh thu thuần cũng có xu hướng giảm dần khi đạt giá trị 4,1% năm 2016, tăng lên 4,9% năm 2017 và xuống mức 3,2% năm 2018. Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng không đáng kể so với tổng doanh thu của Công ty (dưới 1%) trong giai đoạn 2016 - 2018.

6.5. Trình độ công nghệ

PECC2 rất chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm thiểu sai sót, tiết kiệm thời gian trong trao đổi và xử lý thông tin, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của doanh nghiệp. Ngay từ rất sớm, PECC2 đã đầu tư và xây dựng thành công các hệ thống:

- **Kết nối thông tin:** tất cả mọi người lao động công ty đều có email riêng và tài khoản chat nội bộ, hệ thống gọi điện nội bộ (VoIP) và hệ thống họp qua web kết nối các chi nhánh và văn phòng dự án mọi lúc mọi nơi giúp việc thông tin liên lạc trong công ty luôn thông suốt, nhanh chóng, hiệu quả và tiết kiệm thời gian;
- **Về hệ thống quản lý:** PECC2 đã đưa vào ứng dụng quản lý như: nhân sự, công văn, kế hoạch, hợp đồng, dự án,... Các hệ thống này đã giúp PECC2 kiểm soát được các công việc liên quan, giảm thiểu sai sót, kiểm soát được tiến độ và quản lý dữ liệu tập trung;
- **Đối với công tác sản xuất:** PECC2 đã tiến hành trang bị các phần mềm hỗ trợ sản xuất như: AutoCAD, eTAP, Midas, PLS CADD, Mike, Windfarm, PVSyst, Meteonorm,... Các phần mềm thiết kế 3D như: Primtech, Integraph Smart 3D. Các phần mềm hỗ trợ trong quản lý dự án như: Primavera, quản lý phê duyệt tài liệu thiết kế (EMS) và nhiều phần mềm ứng dụng khác.

Bên cạnh đó, PECC2 cũng không ngừng tìm hiểu, nâng cấp các hệ thống quản lý hiện tại, cũng như ứng dụng phần mềm thiết kế, tính toán mới hơn nhằm đáp ứng được yêu cầu ngày càng khắc khe của khách hàng.

6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hằng năm, PECC2 đều có chính sách trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ và quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận sau thuế để đầu tư phát triển các đề tài, sản phẩm chuyên môn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Giá trị quỹ đầu tư phát triển và quỹ phát triển khoa học và công nghệ cuối năm 2018 lần lượt là 142,2 tỷ đồng và 1,11 tỷ đồng.

Kể từ ngày thành lập, PECC2 đã thực hiện hàng chục đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp Tổng Công ty với định hướng chính là Nghiên cứu các vấn đề mang tính lý luận chung của ngành và Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật – công nghệ nhằm nâng cao chất lượng công tác tư vấn. Cụ thể là:

- Nghiên cứu các giải pháp kết cấu hợp lý cho các dự án thủy điện; tổng kết ứng dụng các công nghệ mới trong xây dựng đập thủy điện;
- Nghiên cứu các giải pháp cho mạng truyền tải, mạng phân phối, điện khí hóa nông thôn, xây dựng và vận hành lưới điện thông minh;
- Xây dựng các phần mềm chuyên ngành tư vấn góp phần nâng cao trình độ tin học hóa trong công tác thiết kế, bao gồm giải bài toán giải tích chế độ, dự báo phụ tải, cân bằng năng lượng và công suất cho hệ thống, phần mềm giải các bài toán phân tích ổn định đập, tính toán kết cấu công trình, phần mềm xử lý vẽ bản đồ, xử lý dữ liệu và lập hồ sơ khảo sát địa chất, xây dựng thiết kế điển hình, các hướng dẫn tính toán thiết kế trạm, đường dây, tính toán thủy năng - thủy lợi - kinh tế năng lượng;
- Nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm thiết kế các dự án điển hình, các dự án áp dụng công nghệ mới;
- Nghiên cứu áp dụng công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, chuyển giao công nghệ thiết kế và chế tạo các hệ thống bảo vệ môi trường trong nhà máy điện, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa thiết bị nhà máy điện;
- Nghiên cứu và áp dụng công nghệ thiết kế 3D trong thiết kế các dự án nguồn và lưới điện, nâng cao chất lượng công tác thiết kế;
- Triển khai chương trình nghiên cứu khoa học cấp công ty bao gồm: xây dựng các cẩm nang thiết kế tiến tới quy chuẩn hoá công tác thiết kế các dự án nguồn và lưới điện;

Nhiều đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp ngành đã được Công ty thực hiện thành công, được nghiệm thu và đánh giá cao.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- **Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:**

Nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng sản phẩm tư vấn nhằm thỏa mãn các nhu cầu của khách hàng, PECC2 đã xây dựng và đưa vào áp dụng thành công Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

Hệ thống Quản lý chất lượng của Công ty đã được tổ chức BVQI chứng nhận từ năm 2002 và đã được Quacert tái chứng nhận vào các năm 2005, 2008 và 2012. Hệ thống gồm gần 30 quy trình tài liệu, chi phối mọi lĩnh vực hoạt động khảo sát và thiết kế của Công ty, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn về trách nhiệm của lãnh đạo, về quản lý nguồn lực, về các quá trình hình thành sản phẩm, về đo lường, phân tích và cải tiến.

Hệ thống quản lý chất lượng ISO của PECC2 thường xuyên được cải tiến và được đánh giá giám sát hàng năm. Qua 10 năm vận hành, hệ thống ISO này đã phát huy tác dụng, góp phần không ngừng nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ do PECC2 cung cấp.

Từ tháng 2/2014, PECC2 chính thức được TUV NORD cấp chứng chỉ và đưa vào vận hành Hệ thống Quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004.

Tất cả hoạt động sản xuất và kinh doanh của PECC2 luôn tuân thủ các quy định an toàn lao động và các quy định của ISO 14001 về môi trường.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ISO 9001:2008

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG: Với mong muốn vươn lên thành một thương hiệu mạnh về tư vấn năng lượng trong khu vực, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 cam kết: "Thường xuyên cập nhật và cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực hoạt động nhằm phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro về chất lượng, tạo sự đồng nhất về chất lượng của mọi sản phẩm, dịch vụ và giải pháp mà chúng tôi cung cấp, thỏa mãn các nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng".

HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ISO 9001:2008

CHÍNH SÁCH MÔI TRƯỜNG: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 cam kết: trong hoạt động sản xuất kinh doanh luôn thân thiện với môi trường, giảm tiêu hao tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm, đảm bảo phù hợp với các yêu cầu pháp luật và yêu cầu khác về môi trường; không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng môi trường làm việc, áp dụng công nghệ mới tiên tiến thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất.

Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ của Công ty:

Trên bước đường hội nhập và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Công ty luôn nhận thức đầy đủ về những khó khăn, thách thức phía trước và luôn đặt ra nhiệm vụ chiến lược là phải luôn phấn đấu hơn nữa để không ngừng cập nhật các tri thức công nghệ, nâng cao năng lực. Chính sách chất lượng của Công ty là từng bước cập nhật và cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực tư vấn xây dựng nhằm thỏa mãn một cách cao nhất các nhu cầu của khách hàng trên tất cả các sản phẩm dịch vụ mà Công ty cung cấp. Để thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng nội bộ Hệ thống Quản lý chất lượng của Công ty, Ban Chất lượng đã được thành lập. Ban Chất lượng là những cán bộ được đề cử từ một số đơn vị và

làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Trong nhiều năm đưa hệ thống quản lý chất lượng ISO vào vận hành, Ban Chất lượng đã phát huy được vai trò của mình trong việc theo dõi, đôn đốc các đơn vị trong Công ty thực hiện tốt hệ thống này.

6.8. Hoạt động Marketing

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam, số lượng các Công ty dịch vụ tư vấn trong và ngoài nước ngày càng gia tăng, thị phần do đó ngày càng bị chia nhỏ và sự cạnh tranh ngày càng trở nên khốc liệt. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 luôn cố gắng tạo cho mình một phong cách, một hình ảnh riêng nhằm quảng bá thương hiệu một cách hiệu quả với đối tác và khách hàng. Xác định rõ mục tiêu, trong thời gian vừa qua, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động quảng bá uy tín và xây dựng thương hiệu với khẩu hiệu: "**Giải pháp trí tuệ thành công bền vững**". Các hoạt động tiêu biểu được triển khai bao gồm:

- Thực hiện quảng cáo sản phẩm dịch vụ, quảng bá hình ảnh và hoạt động của Công ty thông qua hình thức công bố và đăng tải thông tin có liên quan lên báo chí, truyền thông, truyền hình, tổ chức sự kiện và hội nghị.
- Chú trọng xây dựng các tài liệu giới thiệu sản phẩm của Công ty theo hướng chuyên nghiệp và được cập nhật thường xuyên các sản phẩm, xu hướng phát triển của ngành.
- Đưa tin các buổi ký kết hợp tác chiến lược, lễ ký kết hợp đồng giữa Công ty, các Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án và Chương trình hoạt động đoàn thể - xã hội trên website của Công ty.
- Thiết lập và duy trì mối quan hệ với báo chí, giới truyền thông thông qua việc hợp tác các chương trình truyền hình và chuyên mục báo chí liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tập trung vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ, cải tiến các sản phẩm dịch vụ, nâng cấp và hoàn thiện website của Công ty với nội dung phong phú và kịp thời, khả năng truy cập nhanh và hiệu quả.
- Tích cực tham gia vào các hội doanh nghiệp để chia sẻ kinh nghiệm sản xuất kinh doanh và quảng bá rộng rãi hình ảnh, sản phẩm của Công ty ở thị trường trong nước cũng như Quốc tế. Công ty hiện nay là thành viên của:
  + Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam (VECAS);
  + Hiệp hội đầu tư xây dựng năng lượng;
  + Hội Điện lực Việt Nam;
  + Hội đập cao Việt Nam;
  + Hội Khoa học kỹ thuật nhiệt Việt Nam.

Song song với việc xây dựng hình ảnh ra công chúng, Công ty còn tập trung xây dựng văn hóa doanh nghiệp ngay trong nội bộ Công ty nhằm hình thành một văn hóa làm việc tích cực, phát huy thế mạnh của tập thể, tăng cường nội lực và sức mạnh của Công ty.

6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- PECC2 tuân thủ Logo được quy định cụ thể cho đơn vị thành viên trong Hồ sơ Hệ thống Nhãn hiệu Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) được ban hành theo Quyết định số 609/QĐ-EVN của Chủ tịch Hội đồng Quản trị EVN ngày 3/12/2009; Mẫu Nhãn hiệu EVN đã được đăng ký bảo hộ tại Cục Sở hữu Trí tuệ.
- Logo PECC2 theo phiên bản gốc tiêu chuẩn của Hệ thống nhận diện EVN được mã hóa bằng phần mềm đồ họa, cụ thể như sau:

EVNPECC2

Logo bố cục dọc

EVNPECC2

Logo bố cục ngang

- Ý nghĩa của Nhãn hiệu EVN:

Nhãn hiệu EVN gồm 03 ngôi sao bốn cánh đồng tâm được bố trí trong một hình tròn. Ngôi sao trong cùng có màu vàng, ngôi sao ở giữa có màu đỏ, ngôi sao ngoài cùng và vòng tròn bên ngoài có màu xanh đậm. Các ngôi sao tượng trưng cho ánh sáng điện năng là sản phẩm hàng hoá chính của Tập đoàn. Ba ngôi sao thể hiện ba pha điện - Đặc trưng của ngành công nghiệp điện.

Ngoài ra, ba ngôi sao đồng tâm lớn dần từ trong ra ngoài thể hiện ánh sáng đang toả chiếu tượng trưng cho tính liên tục, tính đáp ứng của Ngành điện đối với nền kinh tế quốc dân và đời sống xã hội. Màu sắc của các ngôi sao cũng có ý nghĩa đặc biệt: ngôi sao nhỏ màu vàng nằm giữa ngôi sao lớn hơn màu đỏ gợi lên mối liên hệ với Lá cờ Tổ quốc tượng trưng cho tổ quốc Việt Nam, sứ mạng quan trọng và sự cam kết của Tập đoàn trước đất nước.

Màu xanh đậm của ngôi sao ngoài cùng cũng như vòng tròn ở ngoài thể hiện sự quan tâm tới sự phát triển bền vững, tới môi trường của Tập đoàn. Vòng tròn hình địa cầu ở ngoài thể hiện mơ ước muốn vươn ra các thị trường khác trong khu vực và trên thế giới.

6.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện

Stt	Tên đối tác	Sản phẩm cung cấp	Giá trị (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
A	CÁC HỢP ĐỒNG EPC		4.378	

Stt	Tên đối tác	Sản phẩm cung cấp	Giá trị (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
1	Tập đoàn điện lực Việt Nam	Thiết kế, cung cấp xây lắp Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng	1.874	2016 - 2019
2	Sinohydro-Khidi Consortium	Thiết kế, cung cấp và xây lắp Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Tân 2	305	2018 - 2019
3	Công ty Cổ phần năng lượng tại tạo Sơn Mỹ (SSC)	Thiết kế, cung cấp, xây lắp Nhà máy điện mặt trời Sơn Mỹ 3.1	973	2018 - 2019
4	Công ty CP Năng lượng tái tạo và nông nghiệp Ninh Thuận (NITSA)	Thiết kế, cung cấp, xây lắp Nhà máy điện mặt trời Ninh Phước 6.1 và 6.2	1.226	2018 - 2019
B	HỢP ĐỒNG THỦY ĐIỆN VÀ NLTT		5	
1	Công ty Thủy điện Quảng Trị	Gói thầu số 1 (TV-01): Khảo sát, Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán các công trình chính; Lập hồ sơ mời thầu "Thi công xây dựng, cung cấp lắp đặt thiết bị các công trình chính" Thuộc dự án: Mở rộng lưu vực bổ sung nước cho công trình Thủy lợi – Thủy điện Quảng Trị và vùng hạ du	5	2018 - 2019
C	HỢP ĐỒNG LƯỚI ĐIỆN		125	
1	Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	Hợp đồng DVTV khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán xây dựng (TKKT-DTXD); Lập Thiết kế bản vẽ thi công (TKBVTC) và Hồ sơ mời thầu (HSMT) dự án TBA 220kV Bến Lức.	9	2018 - 2019
2	Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	Hợp đồng DVTV khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán xây dựng (TKKT-DTXD); Lập Thiết kế bản vẽ thi công (TKBVTC) và Hồ sơ mời thầu (HSMT) dự án TBA 220kV Giá Rai.	8	2018 - 2019

Stt	Tên đối tác	Sản phẩm cung cấp	Giá trị (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
3	Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	Hợp đồng Gói thầu số 1: Tư vấn khảo sát giai đoạn TKKT, lập TKKT-DT, BVTC và HSMT; Đo vẽ trích lục bản đồ phục vụ công tác GPMB	47	2018 - 2019
4	Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	Hợp đồng Gói thầu số 1: Tư vấn khảo sát giai đoạn TKKT, lập TKKT-DT, BVTC và HSMT; Đo vẽ trích lục bản đồ phục vụ công tác GPMB	24	2018 - 2019
6	Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo BIM	Hợp đồng thiết kế, mua sắm, sản xuất, xây dựng, lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh Trạm biến áp, và đường dây cho dự án Nhà máy điện mặt trời BIM 250MW Bắc và Nam	9	2018 - 2019
7	Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	Hợp đồng DVTV khảo sát xây dựng, lập BCNCKT và các báo cáo chuyên ngành dự án ĐD 220kV Sơn La - Điện Biên.	9	2018 - 2019
8	Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	Hợp đồng cung cấp DVTV khảo sát xây dựng, lập BCNCKT và các báo cáo chuyên ngành dự án ĐD 220kV mạch kép đấu nối TBA 220kV Bắc Quang.	4	2018 - 2019
9	Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	Hợp đồng TKKT-BVTC TBA 220kV Krông Ana	9	2018 - 2019
10	Ministry of Energy and Mines của Lào	Hợp đồng dịch vụ Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và Hồ sơ mời thầu cho dự án Đấu nối Lào – Việt	6	2018 - 2019
D	HỢP ĐỒNG NHIỆT ĐIỆN		89	
1	Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	Hợp đồng thực hiện gói thầu số 1TV-DQ1 "Khảo sát, lập BCNCTKT, BCNCKT ĐTXD dự án Nhà máy điện TBKHH Dung Quất 1".	27	2018 - 2019
2	Ban QLDA Nhà máy thủy điện Sơn La	Hợp đồng dự án Nhà máy điện TBKHH Dung Quất III.	21	2018 - 2019
3	EDF-Kuyden-Sojitz-Pacific	Cập nhật hiệu chỉnh FS NMĐ Sơn Mỹ 1 và Cơ sở hạ tầng TTĐL Sơn Mỹ	8	2018 - 2019

Stt	Tên đối tác	Sản phẩm cung cấp	Giá trị (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
5	PVN	Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và khảo sát, lập báo cáo nghiên cưu khả thi dự án nhà máy điện TBKHH Sơn Mỹ II	22	2018 - 2019
6	DNV GL Vietnam	Lập FS điện gió Thái Hòa	11	2018 - 2019
@	TỔNG CỘNG		4.597	

Nguồn: PECC2

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016, 2017 và năm 2018

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016, 2017 và năm 2018:

Bảng một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh khối văn phòng Công ty giai đoạn 2016 – 2018:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	% (+/-)
1.	Tổng giá trị tài sản	1.393,9	1.475,3	2.118,1	43,57%
2.	Vốn chủ sở hữu	302,7	501,7	699,0	39,34%
3.	Doanh thu thuần	1.521,0	1.694,9	1.702,9	0,47%
4.	Lợi nhuận gộp	218,4	363,5	328,1	(9,71%)
5.	Lợi nhuận từ HĐKD	115,3	262,0	267,8	2,20%
6.	Lợi nhuận khác	0,5	(1,2)	5,1	-
8.	Lợi nhuận trước thuế	115,8	260,8	272,9	4,62%
9.	Lợi nhuận sau thuế	89,8	242,4	216,1	(10,83%)
10.	Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (%)	35,15%	60,26%	36,00%	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán khối văn phòng Công ty năm 2017 và 2018 của PECC2)

Bảng một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh tổng hợp toàn Công ty giai đoạn 2016 – 2018:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	% (+/-)
1.	Tổng giá trị tài sản	1.460,4	1.561,4	2.192,7	40,4%
2.	Vốn chủ sở hữu	302,7	501,6	699,0	39,4%
3.	Doanh thu thuần	1.646,6	1.838,0	1.840,4	0,1%
4.	Lợi nhuận gộp	248,5	398,0	365,4	(8,2%)
5.	Lợi nhuận từ HĐKD	124,2	270,0	276,8	2,5%
6.	Lợi nhuận khác	1,2	(1,3)	5,1	-

8.	Lợi nhuận trước thuế	125,4	268,7	281,9	4,9%
9.	Lợi nhuận sau thuế	99,4	250,2	225,1	(10%)
10	Tỷ lệ cổ tức (%)	25%	110%	-	-
11	Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (%)	42,1%	53,3%	37,50%	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2017 và năm 2018 của PECC2, số liệu lợi nhuận sau thuế năm 2017 dựa trên số liệu được điều chỉnh tại BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2018)

Tuy có sự khác biệt về giá trị, xu hướng tăng giảm của một số chỉ tiêu tài chính giữa BCTC khối văn phòng Công ty và BCTC tổng hợp toàn Công ty giai đoạn 2016 – 2018 có sự tương đồng thống nhất với nhau.

Trong giai đoạn 2017 - 2018, nền kinh tế trong nước mặc dù đã có tín hiệu phục hồi tốt, nhưng việc thu xếp đủ vốn cho các dự án Đầu tư ngành Điện vẫn là bài toán khó khăn. Các chủ Đầu tư, do khó khăn về vốn, nên việc thanh toán các khối lượng khảo sát thiết kế hoàn thành chậm, dẫn Đến những khó khăn trong việc cân Đối tài chính và triển khai các kế hoạch kinh doanh của công ty.

Việc mở rộng thị trường và khách hàng mới có phong cách quản lý khác so với khách hàng truyền thống nên các đơn vị bị động và gặp nhiều khó khăn trong triển khai thực hiện. Bên cạnh đó nguồn vốn một số dự án không được bố trí đầy đủ, rất nhiều dự án hoàn thành công tác lập Báo cáo nghiên cứu khả thi nhưng không được trình phê duyệt hoặc chủ đầu tư ngừng dự án và không hợp tác gây khó khăn cho công tác nghiệm thu thanh toán và thanh lý hợp đồng cũng như thu hồi công nợ; Ngoài ra, với yêu cầu về môi trường ngày càng cao nên các dự án điện than đang bị xã hội phản đối cũng đã có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác tìm kiếm việc làm mới cũng như triển khai các dự án nhiệt điện là lĩnh vực Công ty có thế mạnh hiện nay.

Tuy nhiên, được sự chỉ đạo và định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị, cán bộ công nhân viên có tinh thần làm việc chủ động, sáng tạo, nỗ lực phát huy khả năng để khắc phục khó khăn, biến thách thức thành cơ hội của Công ty trong sản xuất kinh doanh. Tính đến 31/12/2018, Công ty đã đạt được những kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

- **Tổng Tài sản và Nguồn vốn** của PECC2 tăng từ 1.475,3 tỷ đồng năm 2017 lên 2.118,1 tỷ đồng năm 2018 tương ứng tỷ lệ tăng 43,57% so với năm 2017 theo BCTC khối văn phòng Công ty. Theo số liệu BCTC kiểm toán toàn Công ty, tổng tài sản tăng từ 1.561 tỷ đồng trong năm 2017 lên 2.192 tỷ đồng trong năm 2018, tương ứng tỷ lệ tăng 40,4% so với năm 2017.
- **Tổng doanh thu thuần năm 2018** của khối văn phòng Công ty đạt 1.702,9 tỷ đồng, tăng nhẹ hơn 0,47% so với năm 2017 và của toàn Công ty đạt 1.840,4 tỷ đồng, tăng nhẹ hơn 0,1% so với năm 2017.

- **Về lợi nhuận,** lợi nhuận trước thuế năm 2018 của khối văn phòng Công ty đạt 272,9 tỷ đồng, tăng hơn 4,62% so với năm 2017 và của toàn Công ty đạt 281,9 tỷ đồng, tăng hơn 4,9% so với lợi nhuận trước thuế năm 2017. Lợi nhuận trước thuế năm 2018 cao hơn năm 2017, nhưng lợi nhuận sau thuế của khối văn phòng cũng như toàn công ty năm 2018 lại giảm so với năm 2017 (hơn 10%) do năm 2018 thuế TNDN phải nộp cao hơn năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu liên quan đến các khoản chi phí trích trước của các dự án mà Công ty đã ghi nhận cho phù hợp giữa doanh thu và chi phí, do đó Công ty đã dùng thuế hoãn lại, tăng thuế phải nộp liên quan các khoản chi phí này.

8.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi:

- Công ty có được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc cùng sự đoàn kết, quyết tâm của lãnh đạo và toàn thể CBCNV trong Công ty, từ đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của Công ty.
- Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ, chuyên môn khoa học kỹ thuật chuyên sâu, nhiều kinh nghiệm, được đào tạo ở các trường uy tín trong nước và nước ngoài, phương pháp quản lý và làm việc đang từng bước được chuyên nghiệp hóa. Trong từng lĩnh vực hoạt động, Công ty đều có các kỹ sư chủ chốt đảm nhận chức danh Chủ nhiệm đồ án. Với năng lực tầm cỡ quốc tế, thể hiện tính chuyên nghiệp và trình độ chuyên môn cao, có năng lực điều hành quản lý và kỹ năng ngoại ngữ, tin học, đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu nhiệm vụ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chủ đầu tư khác về dịch vụ tư vấn đầu tư khảo sát thiết kế các dự án nguồn và lưới điện. Các sản phẩm của Công ty sau khi hoàn thành và bàn giao đều được khách hàng thỏa mãn và tạo được lòng tin vững chắc của khách hàng.
- Tính chuyên nghiệp, trình độ và kinh nghiệm của Công ty được tích lũy thông qua sự hợp tác có hiệu quả với các cơ quan tư vấn nước ngoài của Mỹ, Canada, Thụy Điển, Pháp, Thụy Sỹ, Ailen, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Úc, v.v...
- Trang thiết bị máy móc của Công ty hiện đại. Việc chú trọng nâng cao năng lực thiết bị dùng trong các lĩnh vực khảo sát, thiết kế, thí nghiệm, đầu tư bổ sung đổi mới công nghệ tiên tiến đã góp phần nâng cao năng suất lao động, rút ngắn thời gian thực hiện các công việc, giảm chi phí giá thành, nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Khó khăn:

- Trong quá trình triển khai các dự án, việc thanh toán các khối lượng khảo sát thiết kế hoàn thành chậm, dẫn Đến những khó khăn trong việc cân Đối tài chính và triển khai các kế hoạch kinh doanh của công ty.

- Với yêu cầu về môi trường ngày càng cao nên các dự án điện than đang bị xã hội phản đối cũng đã có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác tìm kiếm việc làm mới cũng như triển khai các dự án nhiệt điện là lĩnh vực Công ty có thế mạnh hiện nay.
- Đối với việc phát triển thị trường ở Mynamar có một số khó khăn hạn chế như: (i) chính sách, luật pháp, qui định của Myanmar chưa ổn định, mặc dù đất nước có nhiều tiềm năng về phát triển điện năng tuy nhiên các kế hoạch về vốn và kế hoạch phát triển chưa ổn định dẫn đến hàng loạt các dự án điện bị đình trệ; (ii) Chính phủ hầu như không có chính sách bảo đảm cho các nhà đầu tư, đa phần là do các nhà đầu tư tự tìm hiểu, tự lập kế hoạch rồi trình cho Chính phủ xem xét phê duyệt. Thời gian phê duyệt thường kéo dài, nhiều dự án vẫn đang trong quá trình chờ duyệt hơn nhiều năm nay; Bên cạnh đó, vấn đề thanh toán tại Myanmar cũng sẽ gây rất nhiều khó khăn cho các công ty nước ngoài vì Chính phủ chỉ thanh toán bằng đồng tiền Myanmar, không phải bằng ngoại tệ như thông lệ quốc tế.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Trải qua hơn 30 năm hoạt động trong lĩnh vực khảo sát thiết kế và giám sát xây dựng các công trình nguồn và lưới điện, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 đã trưởng thành vượt bậc với quy mô lớn mạnh về năng lực tư vấn, nguồn nhân lực và các phương tiện chuyên dụng.

Về năng lực tư vấn:

Sự vươn lên không ngừng và thành quả đạt được của Công ty gắn liền với hàng chục công trình nguồn điện (nhà máy thủy điện và nhiệt điện) và hàng trăm công trình lưới điện (đường dây tải điện và trạm biến áp) đã được đưa vào vận hành, đang thi công và đang chuẩn bị khởi công xây dựng. Trong đó, các công trình tiêu biểu là thủy điện Trị An, Thác Mơ, Hàm Thuận – Đa Mi, Srokphumiêng, Đại Ninh, a Vương, Buôn Kuốp, Srêpok 3, Đồng Nai 3 & 4, Đakmi 4, thủy điện tích năng Đơn Dương, ĐakTi'h, Hạ Sê San 1/5; các công trình nhiệt điện tại Trung tâm Điện lực Phú Mỹ, Ô Môn, Cà Mau, Nhơn Trạch, Vĩnh Tân, Duyên Hải, Sơn Mỹ , Kiên Lương, Mông Dương 2, Sông Hậu 1, 2; đường dây 500kV Phú mỹ - Nhà Bè – Phú lâm, 500kV Bắc Nam mạch 1 và 2, 500kV Sơn La - Hiệp Hòa, cáp ngầm 220kV Nhà Bè – Tao Đàn; cáp ngầm xuyên biển Hà Tiên - Phú Quốc, TBa 500/220kV Nhà Bè, TBa 500kV Tân Định, TBa 500kV ô môn, trạm Gis Tao Đàn, v.v...

Phạm vi, loại hình và chất lượng dịch vụ của PECC2 cũng không ngừng được nỗ lực mở rộng và nâng cao, với các dự án EPC, PMC, các dự án điện hạt nhân, thủy điện tích năng, lưới điện thông minh, năng lượng tái tạo, ứng dụng công nghệ mới trong khảo sát và thiết kế.

Slogan "**giải pháp trí tuệ, thành công bền vững**" đã đúc kết quá trình bền bỉ, đoàn kết lao động, sáng tạo và phát triển của tập thể Tư vấn Điện 2. Từ chỗ chỉ là tư vấn phụ của tư vấn nước ngoài cho các dự án điện tại Việt Nam, PECC2 đã từng bước trưởng thành làm tư vấn chính cho thiết kế xây dựng hàng loạt công trình. uy tín của PECC2 dần được khẳng định nhờ tinh thần năng động tiếp thu, tiên phong ứng dụng công nghệ hiện đại, đổi mới phương thức làm việc, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Về nguồn nhân lực và phương tiện chuyên dụng:

Là đơn vị tư vấn, lợi thế của Công ty là nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm, máy móc thiết bị hiện đại, phương pháp quản lý và làm việc đang từng bước được chuyên nghiệp hóa. Trong từng lĩnh vực hoạt động, Công ty đều có các chuyên gia kỹ thuật giàu kinh nghiệm đảm nhận chức danh Chủ nhiệm đồ án, thể hiện tính chuyên nghiệp và trình độ chuyên môn cao, có kỹ năng ngoại ngữ, tin học và năng lực điều hành quản lý dự án.

Về hợp tác quốc tế:

Vươn lên cùng với sự phát triển không ngừng của ngành điện trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, PECC2 luôn nỗ lực chinh phục từng vận hội, khẳng định một thương hiệu Việt uy tín trên các công trình Điện trong nước và khu vực.

Cùng với chính sách mở cửa và đa dạng hóa các nhà đầu tư vào ngành điện, ngoài khách hàng chính là các đơn vị thuộc EVN, Công ty đã và đang thực hiện dịch vụ tư vấn cho nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. như PV, TKV, CSG, EGATI, Janakuasa, Toyo Ink,... Sự hợp tác tích cực với các công ty, tổ chức tư vấn nước ngoài cũng đã góp phần nâng cao năng lực và tính chuyên nghiệp của PECC2 qua từng dự án.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong hai thập kỷ vừa qua, Việt Nam là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh trên thế giới. Tăng trưởng kinh tế có ý nghĩa then chốt đối với việc nâng cao chất lượng sống của người dân, thể hiện rõ nét nhất thông qua tỉ lệ đói nghèo đã giảm rõ rệt.

Tăng trưởng sản lượng tiêu thụ điện và tăng trưởng GDP

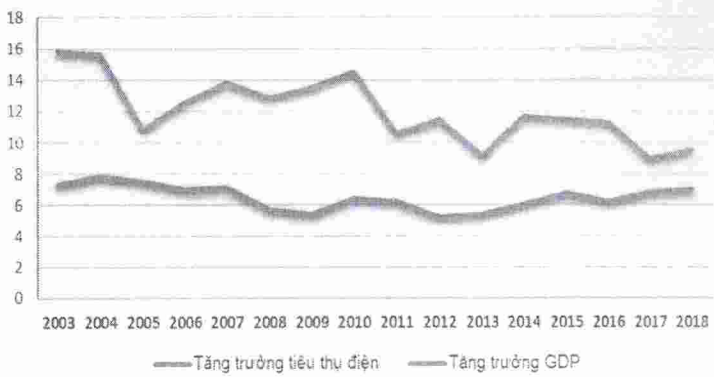

Theo đó, Chính phủ Việt Nam luôn coi việc tăng trưởng kinh tế

là một ưu tiên hàng đầu, tuy nhiên các chiến lược của chính phủ đều nhấn mạnh rằng tăng trưởng phải song song với bền vững, gắn liền với công bằng và hòa nhập xã hội.

Riêng đối với ngành Điện, sự phát triển của ngành năng lượng nói chung và ngành điện nói riêng đã đóng góp một phần đáng kể vào việc gia tăng năng suất chung của nền kinh tế. Trong đó, tư vấn xây dựng điện luôn là ngành tiên phong về trình độ và kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng và vận hành các nhà máy điện.

Theo báo cáo triển vọng năng lượng Việt Nam năm 2017 của Bộ Công Thương, điện năng đang ngày càng chiếm tỉ trọng lớn hơn trong cơ cấu tiêu thụ năng lượng cuối cùng và nhu cầu điện dự kiến sẽ tăng bình quân gần 8% mỗi năm cho đến năm 2035, tương ứng với nhu cầu công suất sản xuất điện tăng thêm 93 GW trong cùng giai đoạn. Khoảng gần một nửa công suất nguồn điện mới này sẽ được cung cấp từ nhiệt điện than và khoảng 25% là từ năng lượng tái tạo.

Hiện nay, thủy điện chiếm gần 40% tổng điện năng sản xuất hàng năm, nhưng hầu như tiềm năng này đã được khai thác hết. Trong 10 năm tới, tỷ trọng các nguồn nhiệt điện than, khí sẽ tăng lên. Việt Nam đã bắt đầu phải nhập khẩu than và đang tính đến việc phải nhập khẩu khí đốt. Do đó, giá điện từ các nguồn này cũng khá cao, khó có khả năng hỗ trợ, bù đắp cho phần chênh lệch của giá điện năng lượng tái tạo như gió, mặt trời.

Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030

Nội dung của Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030 đã tập trung vào 6 quan điểm phát triển và 4 mục tiêu cụ thể cho toàn bộ hệ thống điện trong giai đoạn 2011 – 2030 cụ thể như sau:

- **Về quan điểm phát triển**
  - + Phát triển điện đi trước một bước nhằm cung cấp đủ điện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu điện cho sinh hoạt của nhân dân.
  - + Sử dụng có hiệu quả nguồn năng lượng sơ cấp trong nước, kết hợp với nhập khẩu điện, nhập khẩu nhiên liệu hợp lý nhằm đa dạng hóa các nguồn năng lượng sơ cấp cho sản xuất điện. Ưu tiên phát triển nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo, tạo đột phá trong việc đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, góp phần bảo tồn tài nguyên năng lượng, giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường trong sản xuất điện.

+ Phát triển đồng bộ nguồn và lưới điện trên cơ sở các nguồn lực và nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội; thực hiện đầu tư cân đối giữa phát triển nguồn điện và nhu cầu điện giữa các vùng, miền trên cơ sở sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng sơ cấp của mỗi vùng, miền.

+ Phát triển lưới truyền tải 220 kV, 500 kV trong hệ thống điện quốc gia nhằm bảo đảm truyền tải điện từ các trung tâm điện lực tới các trung tâm phụ tải một cách an toàn, tin cậy và kinh tế; đồng thời chú trọng phát triển các nguồn điện nhỏ sử dụng năng lượng tái tạo đấu nối với lưới điện phân phối, góp phần giảm tổn thất điện năng.

+ Từng bước nâng cao chất lượng điện năng để cung cấp dịch vụ điện với chất lượng ngày càng cao. Thực hiện giá bán điện theo cơ chế thị trường nhằm khuyến khích đầu tư phát triển ngành điện; khuyến khích sử dụng điện tiết kiệm và có hiệu quả.

+ Phát triển thị trường điện lực cạnh tranh theo đúng lộ trình nhằm đa dạng hóa phương thức đầu tư và kinh doanh điện. Nhà nước chỉ giữ độc quyền lưới điện truyền tải để đảm bảo an ninh hệ thống năng lượng quốc gia.

- **Mục tiêu tổng quát:**

Huy động mọi nguồn lực trong nước và quốc tế cho phát triển điện lực để bảo đảm cung cấp đủ điện với chất lượng ngày càng cao, giá điện hợp lý cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; sử dụng đa dạng, hiệu quả các nguồn năng lượng sơ cấp cho sản xuất điện; đẩy mạnh phát triển và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo cho sản xuất điện, từng bước nâng cao tỷ trọng nguồn điện sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo nhằm giảm nhẹ sự phụ thuộc vào nguồn điện sản xuất từ than nhập khẩu, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, giảm nhẹ biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội bền vững; hình thành và phát triển hệ thống điện thông minh, có khả năng tích hợp với nguồn năng lượng tái tạo có tỷ lệ cao.

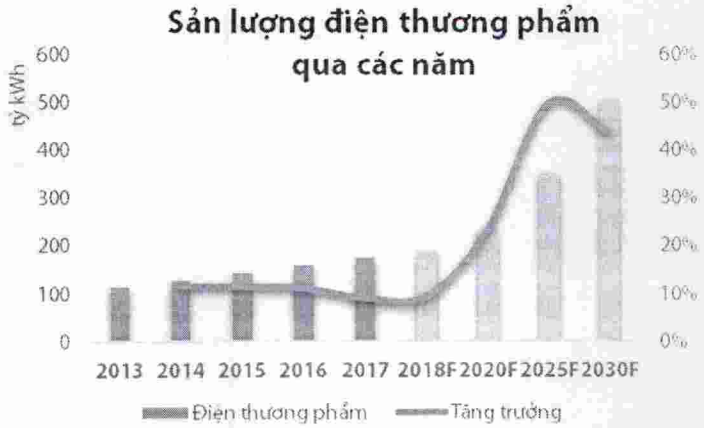

Nguồn: EVN, Rồng Việt tổng hợp

- **Mục tiêu cụ thể**

+ Cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước, đáp ứng cho Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với mức tăng trưởng GDP bình quân Khoảng 7,0%/năm trong giai đoạn 2016 – 2030.

+ Điện thương phẩm: Năm 2020 Khoảng 235 - 245 tỷ kWh; năm 2025 Khoảng 352 - 379 tỷ kWh; năm 2030 Khoảng 506 - 559 tỷ kWh.
+ Điện sản xuất và nhập khẩu: Năm 2020 Khoảng 265 - 278 tỷ kWh; năm 2025 Khoảng 400 - 431 tỷ kWh và năm 2030 Khoảng 572 - 632 tỷ kWh.
+ Ưu tiên phát triển nguồn năng lượng tái tạo cho sản xuất điện; tăng tỷ lệ điện năng sản xuất từ các nguồn năng lượng tái tạo (không kể nguồn thủy điện lớn và vừa, thủy điện tích năng) đạt khoảng 7% năm 2020 và trên 10% năm 2030.
+ Xây dựng hệ thống lưới điện vận hành linh hoạt, khả năng tự động hóa cao từ khâu truyền tải đến khâu phân phối; thực hiện phát triển các trạm biến áp không người trực và bán người trực để nâng cao năng suất lao động ngành điện.
+ Đẩy nhanh chương trình điện khí hóa nông thôn, miền núi, đảm bảo đến năm 2020 hầu hết số hộ dân nông thôn được tiếp cận và sử dụng điện.

Thách thức của ngành năng lượng Việt Nam trong thời gian tới:

- Tăng trưởng nhu cầu năng lượng và nhất là nhu cầu điện tăng nhanh;
- Từ năm 2015 Việt Nam đã trở thành quốc gia nhập khẩu tịnh năng lượng, với tỷ lệ nhập ròng khoảng 5% tổng năng lượng cung cấp. Tỷ lệ nhập khẩu ròng được dự báo sẽ ngày càng tăng.
- Tài nguyên năng lượng sơ cấp truyền thống đang dần cạn kiệt.
- Yêu cầu giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ ngành năng lượng đang ngày càng cao để đảm bảo phát triển bền vững.

8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành:

Hiện nay, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có nhiều công ty có cổ phiếu đang niêm yết/ giao dịch có ngành nghề hoạt động tương tự với PECC2 như: CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 1 (TV1, UpCOM), CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 3 (TV3, HNX), CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 4 (TV4, HNX). Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2018 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	TV1	TV2	TV3	TV4
1.	Tổng giá trị tài sản	1.702.981	2.192.694	290.976	269.127
2.	Vốn chủ sở hữu	293.486	699.033	101.756	183.513
3.	Doanh thu thuần	655.988	1.840.415	380.265	247.467
4.	Lợi nhuận gộp	183.341	365.427	106.131	53.908
5.	Lợi nhuận từ HĐKD	27.514	276.752	29.295	28.915

Stt	Chỉ tiêu	TV1	TV2	TV3	TV4
6.	Lợi nhuận trước thuế	20.382	281.853	18.692	28.951
7.	Lợi nhuận sau thuế	2.494	225.105	14.456	25.221

Nguồn: BCTC kiểm toán tổng hợp/hợp nhất kiểm toán năm 2018 của TV1, TV2, TV3, TV4

Bảng một số chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và lợi nhuận của các doanh nghiệp năm 2018:

Các chỉ tiêu	ĐVT	TV1	TV2	TV3	TV4
1. Khả năng thanh toán					
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,05	1,63	1,14	1,53
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,46	1,52	1,00	1,44
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,83	0,68	0,65	0,32
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	4,80	2,14	1,86	0,47
3. Năng lực hoạt động					
+ Vòng quay hàng tồn kho:	vòng	1,38	8,15	9,08	19,66
+ DTT /Tổng tài sản BQ	vòng	0,39	0,98	1,34	0,93
4. Tỷ suất sinh lời					
+ Hệ số LNST/DTT	%	0,38	12,23	3,80	10,19
+ Hệ số LNST/VCSH BQ	%	0,84	37,50	14,52	13,76
+ Hệ số LNST/Tài sản BQ	%	0,15	11,99	5,10	9,51
+ Hệ số LN từ HĐKD/DTT	%	4,19	15,04	7,70	11,68
+ EPS	đồng/cp	-	18.282	1.760	1.626

Nguồn: Rồng Việt tổng hợp dựa trên BCTC kiểm toán tổng hợp/hợp nhất năm 2018 của TV1, TV2, TV3, TV4.

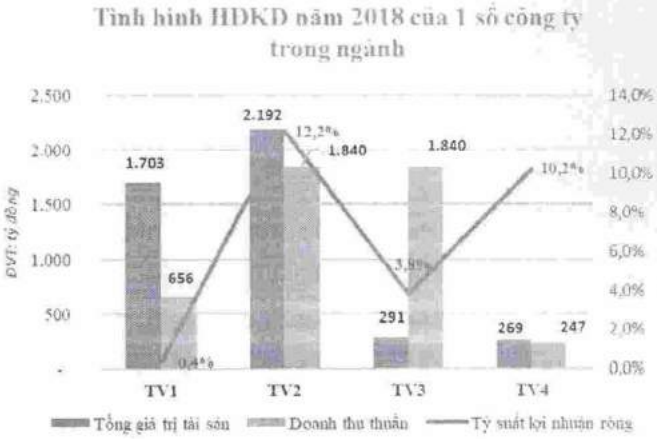

Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của PECC2 có hiệu quả tốt hơn so với mức bình quân các nhóm công ty có hoạt động tương tự với Công ty. Trong năm vừa qua, doanh thu và lợi nhuận đạt được của PECC2 có sự tăng trưởng tích cực so với với cùng kỳ năm 2017 và so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành. Cụ thể, tổng tài sản của Công ty năm 2018 đạt giá trị gần 2.192 tỷ đồng, doanh thu thuần của Công ty được ghi nhận hơn 1.840 tỷ đồng trong năm 2018.

Dựa theo số liệu bảng trên, các chỉ tiêu hoạt động và tài chính của PECC2 luôn được đảm bảo tính hiệu quả và an toàn so với các công ty trong cùng ngành. Trong đó, một số chỉ tiêu một số chỉ tiêu về khả năng thanh toán như khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh cho thấy tình hình thanh khoản tích cực của công ty so với các doanh nghiệp khác. Ngoài ra, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn cho thấy PECC2 hiện nay đang dùng đòn bẩy tài chính nhiều hơn so với các công ty khác, tuy nhiên điều này đã giúp hiệu quả kinh doanh của Công ty tốt hơn và PECC2 đã có nhiều biện pháp kiểm soát các khoản vay nợ tài chính của mình một cách phù hợp và an toàn nhất.

Về tỷ suất sinh lời, PECC2 có hiệu quả cao nhất trong số các công ty trong cùng ngành thể hiện qua việc các chỉ số tỷ suất lợi nhuận ròng, ROAE, ROAA, tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đều lớn hơn các tỷ số tương ứng của các công ty được xem xét trong cùng một giai đoạn báo cáo tài chính. Điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hiện đang rất tốt, mang lại hiệu quả và lợi nhuận cho các cổ đông của Công ty.

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Có thể thấy, mục tiêu chung mà ngành điện dược đặt ra cho đến năm 2020, tầm nhìn 2030 là huy động mọi nguồn lực trong nước và quốc tế cho phát triển điện lực để bảo đảm cung cấp đủ điện với chất lượng ngày càng cao, giá điện hợp lý cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; sử dụng đa dạng, hiệu quả các nguồn năng lượng sơ cấp cho sản xuất điện,... CTCP Tư vấn Xây Dựng Điện 2 là doanh nghiệp đi tiên phong trong việc xây dựng các phương án xây dựng các công trình điện như dự án nhà máy nhiệt điện, thủy điện, hệ thống lưới điện,... phù hợp với đề án phát triển mà Chính phủ đề ra.

Bên cạnh đó, nắm bắt được định hướng phát triển nguồn năng lượng tái tạo theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Công ty đã và đang đầu tư những dự án điện gió, điện mặt trời trong giai đoạn 2017 – 2020 nhắm hướng đến mục tiêu làm chủ đầu tư tối thiểu 100MW nguồn điện.

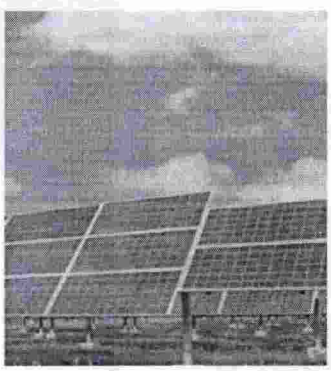

Dự án Nhà máy điện mặt trời Sơn Mỹ 3-1

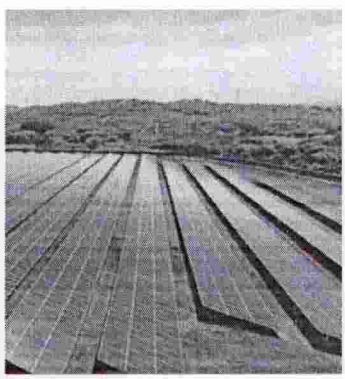

Dự án Nhà máy điện mặt trời Trung tâm điện lực Vĩnh Tân – Giai đoạn 1

Dự án điện gió Tân Thuận – Giai đoạn 1

Như vậy, về cơ bản cho thấy các hoạt động kinh doanh của PECC2 trong giai đoạn hiện nay và định hướng phát triển trong giai đoạn tiếp theo được xem là hoàn toàn phù hợp với xu hướng phát triển, tạo tiền đề cho việc tăng trưởng bền vững và ổn định trong những năm tiếp theo của Công ty, từ đó tiến tới việc khẳng định vị thế và thương hiệu của Công ty trong ngành.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty tại thời điểm 31/12/2018

Yếu tố	Số lượng	Tỷ lệ
I. Phân loại theo trình độ lao động	**753**	**100%**
+ Sau đại học	79	10,49%
+ Đại học	386	51,26%
+ Cao đẳng, trung cấp, công nhân kỹ thuật	234	31,08%
+ Sơ cấp	45	5,97%

Nguồn: PECC2

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Với quan niệm nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất của Công ty, chất lượng con người quyết định chất lượng công việc và dịch vụ, PECC2 luôn coi nhiệm vụ đào tạo và đầu tư vào nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong chính sách phát triển. Công ty đã có nhiều chính sách để ổn định và nâng cao đời sống về tinh thần lẫn vật chất cho NLĐ như sau:

Chế độ làm việc

- Công ty thực hiện đúng chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của pháp luật;
- Công ty trang bị cơ sở vật chất, văn phòng làm việc, nhà xưởng hiện đại, thoáng mát, đầy đủ trang thiết bị đảm bảo phục vụ tốt công việc, khoa học và hiệu quả;
- Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho NLĐ

Công ty luôn đưa ra các chế độ đãi ngộ như tiền lương, thưởng, trợ cấp phù hợp theo từng thời điểm để thu hút nhân tài. Hàng quý tổ chức xét thưởng đối với những NLĐ có thành tích xuất sắc. Đặc biệt là các chế độ khen thưởng cho những sáng kiến, cải tiến hữu ích mang lại lợi nhuận cho Công ty hoặc tiết kiệm chi phí.

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, NLĐ của PECC2 còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vào vị trí công tác, hiệu quả công việc và kết quả hoạt động của Công ty. Các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm sức khỏe cho NLĐ được Công ty thực hiện đầy đủ theo quy định.

Ngoài ra, các hoạt động văn hóa, thể thao cũng được Công ty rất quan tâm, thường xuyên tổ chức nhân các ngày kỷ niệm/ ngày lễ để NLĐ tham gia, sinh hoạt. PECC2 cũng xây dựng Văn hóa doanh nghiệp để hướng NLĐ của Công ty hiểu rõ về và gắn kết với Công ty hơn nữa, không chỉ cố gắng nỗ lực trong công việc mà còn phải quan tâm đến xã hội, cộng đồng.

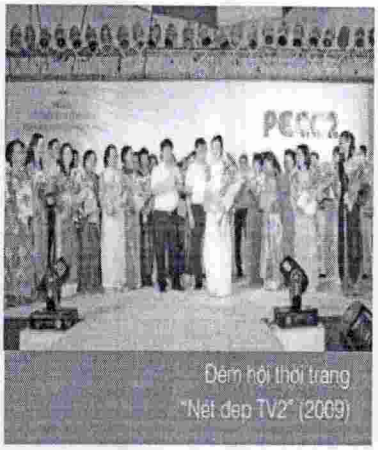

Đêm hội thời trang "Nét đẹp TV2" (2009)

TV2's Got Talent 2013

Teambuilding hàng năm của TV2

Tết Trung thu TV2 hàng năm

Hội thao TV2 hàng năm

Hoạt động về nguồn của Đoàn thanh niên Thăm NM Thủy điện Tri An (2016)

Chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực

Không những trân trọng và tạo điều kiện phát huy cao nhất những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng nghề nghiệp của NLĐ có thâm niên, Công ty còn đánh giá cao năng lực của lực lượng kỹ sư trẻ, xem đó là sức sống mạnh mẽ của Công ty hiện tại và trong tương lai. Cùng với việc nâng cao chất lượng tuyển dụng, đội ngũ NLĐ của Công ty thường xuyên được đào tạo nâng cao trình độ dưới nhiều hình thức khác nhau: đào tạo qua các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn trong và ngoài nước, đào tạo qua thực tế công việc, qua các hội thảo chuyên đề, hội nghị tổng kết trao đổi kinh nghiệm, qua các dự án, qua các chương trình hợp tác giữa Công ty và các tổ chức tư vấn quốc tế. Chính sách nâng cao năng lực tư vấn được Công ty xây dựng và áp dụng tạo cho NLĐ nhiều cơ hội thăng tiến. Chế độ đãi ngộ của Công ty được dựa trên năng lực và hiệu quả làm việc của NLĐ. Nhờ đó, Công ty đã tạo được ưu thế trong việc thu hút nguồn "chất xám", đào tạo phát triển cũng như sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực.

Văn hóa doanh nghiệp

Công ty luôn chú trọng tạo điều kiện và khuyến khích tính năng động, sáng tạo của cá nhân, xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, tập thể và tạo sự gắn bó giữa NLĐ với Công ty, phấn đấu nâng cao thu nhập cho NLĐ trên cơ sở đánh giá đúng năng lực và hiệu quả công việc của mỗi người, xây dựng tinh thần hợp tác, đoàn kết là động lực để Công ty không ngừng phát triển.

Thông qua "**Tài liệu văn hóa**" và "**Quy tắc Ứng xử & Tác phong làm việc PECC2**", Công ty quy định và cam kết thực hiện các hành vi ứng xử và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của mọi thành viên PECC2 trong nội bộ, và đối với khách hàng, đối tác, cộng đồng và xã hội.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Như vậy, Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của từng năm.

Cổ tức năm 2016 và 2017 và dự kiến 2018

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Vốn điều lệ (đồng)	50.987.640.000	58.634.700.000	123.131.590.000
Tỷ lệ cổ tức /vốn điều lệ	25%	110%	Dự kiến 25%

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

11.1.2. Mức lương bình quân

Hiện nay, bình quân thu nhập của NLĐ của Công ty là 20 triệu đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập trung bình khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Hiện nay, Công ty đang được các ngân hàng đánh giá rất cao về khả năng thanh toán lãi và vốn vay của mình. Đây cũng là một lợi thế của Công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho các dự án của mình một cách dễ dàng.

11.1.4. Các khoản phải nộp ngân sách theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản phải nộp ngân sách tại ngày 31/12/2016, 31/12/2017 và 31/12/2018 như sau:

Bảng các khoản phải nộp ngân sách khối văn phòng Công ty năm 2016, 2017 và 2018:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
1	Thuế GTGT	-	8.696	34.864
2	Thuế TNDN	24.063	47.644	28.937
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.417	3.179	11.571
4	Thuế khác	11	-	-
	TỔNG CỘNG	**25.492**	**59.520**	**75.372**

(Nguồn: BCTC kiểm toán khối văn phòng Công ty năm 2017 và năm 2018 của PECC2)

Bảng các khoản phải nộp ngân sách tổng hợp toàn Công ty năm 2016, 2017 và 2018:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
1	Thuế GTGT	-	8.696	34.864
2	Thuế TNDN	24.063	47.644	28.937
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.417	3.179	11.571
4	Thuế khác	11	-	-
	TỔNG CỘNG	**25.492**	**59.520**	**75.372**

(Nguồn: BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2017 và năm 2018 của PECC2)

11.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các Quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Số dư các quỹ tại ngày 31/12/2016, 31/12/2017 và 31/12/2018 như sau:

- **Bảng các khoản trích lập quỹ khối văn phòng Công ty năm 2016, 2017 và 2018:**

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	CHỈ TIÊU	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.779	15.827	34.036
2	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.540	1.110	1.110
3	Quỹ đầu tư phát triển	48.913	77.885	142.220
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	186.022	347.521	416.061
@	**TỔNG CỘNG**	**247.254**	**442.344**	**593.427**

(Nguồn: BCTC kiểm toán khối văn phòng Công ty năm 2017 và năm 2018 của PECC2)

- **Bảng các khoản trích lập quỹ toàn Công ty năm 2016, 2017 và 2018:**

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	CHỈ TIÊU	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.793	16.012	34.048
2	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.540	1.110	1.110
3	Quỹ đầu tư phát triển	48.913	77.885	142.220
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	186.022	347.521	416.061
@	**TỔNG CỘNG**	**247.268**	**442.528**	**593.440**

(Nguồn: BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2017 và năm 2018 của PECC2)

11.1.6. Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 31/12/2016, 31/12/2017 và 31/12/2018, Công ty có các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn như sau:

Bảng các khoản nợ vay khối văn phòng Công ty tại 31/12/2016, 31/12/2017 và 31/12/2018:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	CHỈ TIÊU	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
I)	**Vay ngắn hạn**	**30.424**	**27.450**	**24.168**
1	Vay ngân hàng BIDV – CN TP.HCM (1)	30.424	27.450	14.214
2	Vay ngân hàng MB – CN SGD 2 (2)	-	-	9.953
II)	**Vay dài hạn**	**17.482**	**8.467**	**17.329**
1	Vay cán bộ công nhân viên (3)	17.482	8.467	17.329
@	**TỔNG CỘNG**	**47.906**	**35.918**	**41.497**

(Nguồn: Thuyết minh số 19, trang 31, BCTC kiểm toán khối văn phòng năm 2018 của PECC2)

(1) Là khoản vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh tại thời điểm 31/12/2018 theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn số 06/2018/93115/HĐTD ngày 19/03/2018. Hạn mức tín dụng được cấp 90 tỷ đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, hình thức đảm bảo tại thời điểm 31/12/2018bảo tiền vay là thế chấp, cầm cố dây chuyền thiết bị tại Xí nghiệp Cơ điện và các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn có giá trị 12 tỷ đồng.

(2) Là khoản vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động với Ngân hàng Quân đội – Sở GD 2 tại thời điểm 31/12/2018 theo Hợp đồng tín dụng số 23850.17.103.2637171.TD ngày 06/12/2017. Hạn mức tín dụng là 200 tỷ trong đó hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán tối đa 50 tỷ, Hạn mức LC là 150 tỷ; Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Hình thức đảm bảo là tín chấp.

(3) Cán bộ công nhân viên ủy quyền cho Công đoàn Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 3 cho Công ty vay với mức lãi suất 3%/năm, thời hạn vay là 5 năm.

Bảng các khoản nợ vay tổng hợp toàn Công ty tại 31/12/2016, 31/12/2017 và 31/12/2018:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	CHỈ TIÊU	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
I)	**Vay ngắn hạn**	**38.418**	**34.443**	**31.132**
1	Vay ngân hàng BIDV – CN TP.HCM (1)	38.418	34.443	21.178
2	Vay ngân hàng MB – CN SGD 2 (2)	-	-	9.953
II)	**Vay dài hạn**	**17.482**	**8.467**	**17.329**

Stt	CHỈ TIÊU	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
1	Vay cán bộ công nhân viên (3)	17.482	8.467	17.329
@	**TỔNG CỘNG**	**55.900**	**42.910**	**48.461**

(Nguồn: Thuyết minh số 19, trang 32, BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2018 của PECC2)

(1) Là khoản vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh tại thời điểm 31/12/2018 theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn số 06/2018/93115/HĐTD ngày 19/03/2018. Hạn mức tín dụng được cấp 90 tỷ đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, hình thức đảm bảo tại thời điểm 31/12/2018bảo tiền vay là thế chấp, cầm cố dây chuyền thiết bị tại Xí nghiệp Cơ điện và các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn có giá trị 12 tỷ đồng.

(2) Là khoản vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động với Ngân hàng Quân đội – Sở GD 2 tại thời điểm 31/12/2018 theo Hợp đồng tín dụng số 23850.17.103.2637171.TD ngày 06/12/2017. Hạn mức tín dụng là 200 tỷ trong đó hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán tối đa 50 tỷ, Hạn mức LC là 150 tỷ; Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Hình thức đảm bảo là tín chấp.

(3) Cán bộ công nhân viên ủy quyền cho Công đoàn Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 3 cho Công ty vay với mức lãi suất 3%/năm, thời hạn vay là 5 năm.

Tại thời điểm 31/12/2018, BCTC Công ty không ghi nhận các khoản nợ quá hạn theo BCTC kiểm toán khối văn phòng và BCTC kiểm toán tổng hợp toàn Công ty.

11.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

- **Các khoản phải thu:**
  - ***Các khoản phải thu theo BCTC khối văn phòng Công ty:***

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	% (+/-)
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**148.433**	**250.794**	**668.443**	**166,53%**
1	Phải thu khách hàng (*)	97.570	196.736	502.493	155,42%
2	Trả trước cho người bán	57.809	43.540	62.937	44,55%
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	15.761	31.617	14.797	(53,20%)
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	295	201	(31,87%)
5	Các khoản phải thu khác	3.622	10.837	95.868	784,65%
6	Dự phòng phải thu khó đòi	(26.329)	(32.230)	(7.854)	75,63%

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	% (+/-)
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**24.077**	**31.939**	**26.857**	**(15,91%)**
1	Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	7.948	-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	23.941	23.941	23.941	0%
3	Phải thu dài hạn khác	136	51	2.916	5627,42%

(Nguồn: BCTC kiểm toán khối văn phòng Công ty năm 2017 và năm 2018 của PECC2)

(*) Chi tiết khoản mục phải thu khách hàng ngắn hạn tại Mục 5 thuyết minh BCTC kiểm toán khối văn phòng Công ty năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Đối tượng	31/12/2017	31/12/2018
1	Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân	98.115.952.600	358.005.031.519
2	Limited liability company "Energo Project Technology"	34.288.125.816	-
3	Các khoản phải thu của khách hàng khác (**)	64.331.623.228	144.488.001.681
	TỔNG CỘNG	**196.735.701.644**	**502.493.033.200**

(**) Đối với khoản mục các khoản phải thu các khách hàng khác, không có đối tượng có số dư chiếm từ 10% tổng khoản mục phải thu khách hàng. Chi tiết về các bên liên quan khác được trình bày tại Thuyết minh 38 – Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan thuyết minh BCTC kiểm toán khối văn phòng Công ty năm 2018.

- ***Các khoản phải thu theo BCTC tổng hợp toàn Công ty:***

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	% (+/-)
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**172.606**	**260.265**	**679.419**	**261,0%**
1	Phải thu khách hàng (*)	137.906	238.395	525.588	220,5%
2	Trả trước cho người bán	61.202	46.920	69.924	149,0%
3	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	295	201	68,1%
4	Các khoản phải thu khác	4.085	11.401	96.735	848,5%
5	Dự phòng phải thu khó đòi	(30.589)	(36.746)	- 13.028	35,5%

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	% (+/-)
6	Tài sản thiếu chờ xử lý	1	-	-	-
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**227**	**8.110**	**3.012**	**37,1%**
1	Trả trước cho người bán dài hạn	-	7.948	-	0,0%
2	Phải thu dài hạn khác	227	162	3.012	1860,3%

(Nguồn: BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2017 và năm 2018 của PECC2)

(*) Chi tiết khoản mục phải thu khách hàng ngắn hạn tại Mục 5 thuyết minh BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Đối tượng	31/12/2017	31/12/2018
1	Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân	98.115.952.600	358.005.031.519
2	Limited liability company "Energo Project Technology"	34.288.125.816	-
3	Các khoản phải thu của khách hàng khác (**)	105.991.028.702	167.582.737.189
	TỔNG CỘNG	**238.395.107.118**	**525.587.768.708**

(**) Đối với khoản mục các khoản phải thu các khách hàng khác, không có đối tượng có số dư chiếm từ 10% tổng khoản mục phải thu khách hàng. Chi tiết về các bên liên quan khác được trình bày tại Thuyết minh 39 – Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan thuyết minh BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2018.

- **Các khoản phải trả:**
  - ***Các khoản phải trả theo BCTC khối văn phòng Công ty:***

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	% (+/-)
I	**Nợ ngắn hạn**	987.382	759.488	1.060.943	39,69%
1	Vay và nợ ngắn hạn	30.424	27.450	24.168	(11,96%)
2	Phải trả người bán (*)	191.863	114.327	273.626	139,34%
3	Người mua trả tiền trước	338.790	85.229	68.904	(19,15%)
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	25.492	59.520	75.372	26,63%
5	Phải trả người lao động	110.575	238.366	238.207	(0,07%)
6	Chi phí phải trả	178.487	151.469	298.029	96,76%
7	Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	17.085	-

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	% (+/-)
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	7.236	-	-	-
9	Các khoản phải trả khác	4.340	15.059	25.666	70,44%
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	89.396	52.242	5.849	(88,80%)
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.779	15.827	34.036	115,04%
II	**Nợ dài hạn**	103.841	214.119	358.131	67,26%
1	Người mua trả tiền trước dài hạn	-	48.546	121.957	-
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17.482	8.467	17.329	104,66%
3	Dự phòng phải trả dài hạn	84.819	155.996	217.735	39,58%
4	Quỹ phát triển KH công nghệ	1.540	1.110	1.110	0,00%

(Nguồn: BCTC kiểm toán khối văn phòng Công ty năm 2017 và năm 2018 của PECC2)

(*) Chi tiết phải trả người bán tại trang 13, thuyết minh BCTC kiểm toán khối văn phòng Công ty năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Đối tượng	31/12/2017	31/12/2018
1	China Energy egineering group Shanxi Electric Power Engineering Co., Ltd (SEPEC)	66.067.040.614	80.449.826.660
2	China Ocean Engineering Corporation	13.021.083.996	-
3	Hefei JA Solar Technology Co., Ltd.	-	36.339.458.400
4	Các khoản phải trả đối tượng khác (**)	35.238.466.964	156.837.163.815
	TỔNG CỘNG	**114.326.591.574**	**273.626.448.875**

(**) Đối với các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác, không có đối tượng phải trả nào có số dư chiếm hơn 10% tổng khoản mục phải trả người bán tương ứng. Chi tiết về các bên liên quan khác được trình bày tại Thuyết minh 38 – Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan thuyết minh BCTC kiểm toán khối văn phòng Công ty năm 2018.

- ***Các khoản phải trả theo BCTC tổng hợp toàn Công ty:***

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	% (+/-)
I	**Nợ ngắn hạn**	**1.053.918**	**890.273**	**1.132.672**	**27,2%**
1	Vay và nợ ngắn hạn	38.418	34.443	31.132	(9,6%)
2	Phải trả người bán (*)	218.222	158.261	312.620	97,5%

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	% (+/-)
3	Người mua trả tiền trước	339.977	134.938	71.859	(46,7%)
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	25.492	59.520	75.372	26,6%
5	Phải trả người lao động	135.132	264.463	274.113	3,6%
6	Chi phí phải trả	178.619	152.048	298.605	96,4%
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	7.236	-	-	-
8	Các khoản phải trả khác	6.248	17.356	27.185	56,6%
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	93.781	53.233	7.737	(85,5%)
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.793	16.012	34.048	112,6%
II	**Nợ dài hạn**	**103.841**	**169.494**	**360.989**	**113,0%**
1	Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	121.957	-
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17.482	8.467	17.329	104,7%
3	Dự phòng phải trả dài hạn	84.819	159.917	220.593	37,9%
4	Quỹ phát triển KH công nghệ	1.540	1.110	1.110	0,0%

(Nguồn: BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2017 và năm 2018 của PECC2)

(*) Chi tiết phải trả người bán tại trang 13, thuyết minh BCTC kiểm toán năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Đối tượng	31/12/2017	31/12/2018
1	HAMON Research – Cottrell S.A	8.676.017.934	-
2	China Energy egineering group Shanxi Electric Power Engineering Co., Ltd (SEPEC)	66.067.040.614	80.449.826.660
3	China Ocean Engineering Corporation	13.021.083.996	-
4	Hefei JA Solar Technology Co., Ltd.	-	36.339.458.400
5	Các khoản phải trả đối tượng khác (**)	79.172.549.795	195.830.222.963
	TỔNG CỘNG	**158.260.674.405**	**312.619.508.023**

(**) Đối với các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác, không có đối tượng phải trả nào có số dư chiếm hơn 10% tổng khoản mục phải trả người bán tương ứng. Chi tiết về các bên liên quan khác được trình bày tại Thuyết minh 39 – Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan thuyết minh BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2018.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

- **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu khối văn phòng Công ty giai đoạn 2017 – 2018:**

Các chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2017	31/12/2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,48	1,68
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	1,28	1,63
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,66	0,66
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,94	2,01
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho BQ	vòng	4,11	12,92
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	vòng	1,18	0,95
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	14,30%	12,69%
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	60,26%	36,00%
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	16,89%	12,03%
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	15,46%	15,73%

(Nguồn: BCTC kiểm toán khối văn phòng Công ty năm 2017 và năm 2018 của PECC2)

- **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu toàn Công ty giai đoạn 2017 – 2018:**

Các chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2017	31/12/2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,46	1,63
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	1,19	1,52
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,68	0,68
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,11	2,14
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

Các chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2017	31/12/2018
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho BQ	vòng	3,67	8,15
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	vòng	1,22	0,98
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	13,61%	12,23%
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	62,22%	37,50%
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	16,56%	11,99%
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	14,69%	15,04%
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VND/cp	20.322	18.282

(Nguồn: BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2017 và năm 2018 của PECC2, số liệu lợi nhuận sau thuế năm 2017 dựa trên số liệu được điều chỉnh tại BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2018)

- **Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán:**

Nhóm chỉ tiêu này thể hiện khả năng thanh toán của Công ty khi đến hạn trả nợ ngắn hạn. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của PECC2 trong các năm gần đây được duy trì ở mức an toàn. Tính theo BCTC kiểm toán khối văn phòng Công ty, giá trị hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2018 lần lượt đạt 1,68 lần và 1,63 lần. Tính theo BCTC kiểm toán tổng hợp toàn Công ty, giá trị hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2018 lần lượt đạt 1,63 lần và 1,52 lần. Các chỉ số trên đều cao hơn so với năm 2017 tính theo từng báo cáo tài chính kiểm toán tương ứng.

- **Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn:**

Nhóm chỉ tiêu này thể hiện tỷ trọng nợ của Công ty trên tổng tài sản hoặc vốn chủ sở hữu. Nhìn chung, cơ cấu vốn của Công ty giai đoạn 2017 – 2018 được giữ ổn định, thể hiện qua hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu năm 2018 của khối văn phòng công ty lần lượt đạt 0,66 và 2,01 và của toàn Công ty lần lượt là 0,68 và 2,14 lần, đều gần bằng các hệ số tương ứng năm 2017 tính theo từng loại BCTC tương ứng.

- **Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động:**

Vòng quay hàng tồn kho của PECC2 tăng dần qua các năm. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho của khối văn phòng Công ty đạt 12,92 vòng, cao hơn mức 4,11 vòng năm 2017 và vòng quay hàng tồn kho của toàn Công ty ở mức 8,15 vòng năm 2018, cao hơn so với mức 3,67 vòng trong năm 2017. Vòng quay tổng tài sản nhìn chung vẫn giữ ổn định qua hai năm 2017 và 2018 (lần lượt là 1,08 và 0,95 đối với khối văn phòng và 1,22 lần và 0,98 lần đối với công ty).

- **Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời:**

Đối với toàn Công ty, tỷ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần tăng từ 11,67% năm 2017 lên 12,23% năm 2018. Đối với khối văn phòng, tỷ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần ghi nhận giảm từ 14,3% năm 2017 xuống còn 12,69% năm 2018. Ngoài ra, các chỉ

tiêu còn lại về khả năng sinh lời của năm 2018 của khối văn phòng và toàn Công ty đều giảm nhẹ so với năm 2017. Nguyên nhân là trong năm 2018 công ty tiến hành tăng vốn điều lệ lên hơn gấp đôi so với năm 2017 làm cho vốn chủ sở hữu bình quân, tổng tài sản bình quân đều tăng lên, và tương ứng làm cho các tỷ số đo lường khả năng sinh lời có liên quan đến tài sản, nguồn vốn có xu hướng giảm sút.

11.3. Giải trình bổ sung số liệu BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2018:

- **Về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu trên BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2017 tại BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2018:**

  Theo nội dung tại thuyết minh số 40 bản Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2018 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán, Công ty công bố việc phân loại lại một số chỉ tiêu như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Mã số	Đã trình bày trên BCTC kiểm toán năm nay	Đã trình bày trên BCTC kiểm toán năm trước	Chênh lệch	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	46.919.570.917	54.867.370.917	(7.947.800.000)	(1)
Trả trước cho người bán dài hạn	212	7.947.800.000	-	7.947.800.000	(1)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	86.392.542.431	134.938.454.931	(48.545.912.500)	(2)
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	48.545.912.500	-	48.545.912.500	(2)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	97.295.154.351	133.070.288.893	(35.775.134.542)	(3)
LNST chưa phân phối năm nay	421b	250.226.269.450	214.451.134.908	35.775.134.542	(3)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39.754.653.627	75.529.788.169	(35.775.134.542)	(3)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	53	20.322	36.574	(16.252)	(4)

(1) Công ty thực hiện việc trình bày lại một số khách hàng trả trước người bán từ ngắn hạn sang dài hạn đảm bảo sự phù hợp số liệu so sánh năm nay.

(2) Công ty thực hiện việc trình bày lại một số khách hàng người mua trả tiền trước từ ngắn hạn sang dài hạn đảm bảo sự phù hợp số liệu so sánh năm nay.

(3) Đây là khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") liên quan đến các khoản trích chi phí dự phòng dự án trong năm 2015 và năm 2016 chưa được tính thuế thu nhập hoãn lại, Ban Tổng giám đốc nhận định sẽ có rủi ro về thuế khi cơ quan thuế thanh kiểm tra, do đó Công ty thực hiện kê khai trích nộp bổ sung và ghi nhận vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2017, Tuy nhiên khi lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí ghi nhận phải phù hợp với niên độ phát sinh từng năm do đó đã thực hiện điều chỉnh hồi tố chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp nêu trên cho năm 2015 và năm 2016 đảm bảo sự phù hợp với số liệu so sánh năm 2018.

(4) Chênh lệch do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố thuế TNDN năm 2017 làm ảnh hưởng Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (mã số 60) trên báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 tăng số tiền tương ứng dẫn tới ảnh hưởng chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" năm 2017, Mặt khác, Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu do việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/08/2018.

Việc điều chỉnh trên đã được Công ty TNHH Kiểm toán Chi nhánh Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán xác nhận.

- **Về nội dung ký cược, ký quỹ tại thuyết minh số 7a, trang 24, BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2018:**

Khoản ký quỹ này bao gồm khoản đặt cọc có giá trị 67.464.345.047 đồng cho CTCP Năng lượng tái tạo và Nông nghiệp Ninh Thuận (NITSA) để đảm bảo thực hiện hợp đồng số NP-EPC/001 ngày 28/10/2018 về thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ, và thi công xây dựng công trình Nhà máy điện mặt trời Ninh Phước 6.1 và Ninh Phước 6.2. Khoản đặt cọc này sẽ được hoàn trả ngay khi NITSA cung cấp chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Ngân hàng.

Theo điều kiện hợp đồng EPC này, PECC2 phải mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho hợp đồng này. Cho đến hiện tại, PECC2 đã hoàn tất việc mở bảo lãnh và đang triển khai cấp cho Chủ đầu tư để được hoàn trả khoản ký quỹ này.

- **Về cấu trúc doanh nghiệp:**

Theo thuyết minh số 4b, Mục 4, trang 21-22 Thuyết minh báo cáo tài chính kiểm toán tổng hợp năm 2018, PECC2 có các công ty con, công ty liên kết liên doanh như sau:

Tên công ty	Hình thức	Nơi thành lập	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty cổ phần tái tạo năng lượng Sơn Mỹ (1)	Công ty liên kết	Bình Thuận	Sản xuất truyền tải và phân phối điện	5,81%	25%
Công ty cổ phần Thủy điện yên Bình (2)	Công ty liên kết	Yên Bái	Sản xuất truyền tải và phân phối điện	0%	30%
Công ty cổ phần đầu tư năng lượng tái tạo Cà Mau (3)	Công ty con	Cà Mau	Sản xuất truyền tải và phân phối điện	0%	50,50%

(1) Theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-TV2 ngày 28 tháng 07 năm 2017 của Hội đồng quản trị về việc thành lập Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ (gọi tắt là Công ty Sơn Mỹ), vốn điều lệ của Công ty Sơn Mỹ là 20.000.000.000 VND, trong đó, tỷ lệ quyền biểu quyết và lợi ích của Công ty là 25%. Theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐQT ngày 01/03/2018, Công ty nhận thêm ủy quyền biểu quyết gián tiếp thông qua thỏa thuận với các cổ đông khác là 26%. Ngoài ra, Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Do đó, tại thời điểm 30/06/2018, khoản đầu tư vào Công ty Sơn Mỹ được trình bày trên Báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2018 là đầu tư vào Công ty con. Theo Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐQT ngày 28/11/2018, Công ty không nhận thêm ủy quyền biểu quyết gián tiếp thông qua thỏa thuận với các cổ đông khác là 26% vào Công ty Sơn Mỹ, nên tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Sơn Mỹ vào ngày 31/12/2018 là 25%. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty này được trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên kết. Trong năm, Công ty đã thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ với tổng giá trị là 5.000.000.000 VND. Tính đến thời điểm 31/12/2018, vốn thực góp của các cổ đông tại Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ là 86.039.590.000 đồng, tương ứng với tỷ lệ lợi ích thực tế của PECC2 tại Công ty là 5,81% (5.000.000.000 đồng/86.039.590.000 đồng). Tại thời điểm 31/12/2018, khoản đầu tư vào Công ty này được trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên kết. Do đó, ***Công ty không thực hiện lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018****.*

(2) Theo Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐQT ngày 03/04/2017, Công ty đã đăng ký góp vốn thành lập Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Thủy điện Yên Bình với tỷ lệ góp vốn là 30%. Công ty Cổ phần Thủy điện Yên Bình đã bắt đầu hoạt động vào ngày 05/04/2017, tuy nhiên đến ngày 31/12/2018, Công ty vẫn chưa thực hiện góp vốn vào Công ty này.

(3) Theo Nghị quyết 11/2018/NQ-HĐQT ngày 28/06/2018, Công ty đã đăng ký góp vốn

thành lập Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Cà Mau với tỷ lệ góp vốn là 50,5%. Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Cà Mau đã bắt đầu hoạt động vào ngày 28/06/2018, tuy nhiên đến ngày 31/12/2018, Công ty vẫn chưa thực hiện góp vốn vào Công ty này.

- **Về các cam kết và nợ tiềm tàng của Công ty tại thuyết minh số 37, trang 42, BCTC kiểm toán tổng hợp năm 2018:**

Theo hợp đồng số 02/HĐMBN-QLKDN ngày 16/01/2017 được ký giữa Công ty TNHH Một thành viên quản lý Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và mua lại công trình trên đất tại Trụ sở Công ty số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay, công ty đã thực hiện xong các nghĩa vụ tài chính theo quy định Hợp đồng đã ký vào tháng 03/2017 và đang thực hiện các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty đang liên hệ Sở tài nguyên và Môi trường, Sở tài chính, Cục thuế để được hướng dẫn xác định lại nghĩa vụ tài chính về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Sau khi hoàn thành các nghĩa vụ tài chính bổ sung mới triển khai các bước tiếp theo.

Cho đến thời điểm hiện tại, do Văn bản pháp luật làm căn cứ cho việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như trên là Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 hiện vẫn chưa có thông tư hướng dẫn, do đó các Sở/Ban/Ngành chưa thực hiện việc cấp sổ cho PECC2.

Công ty cam kết các thông tin trên là đúng sự thật và nghiêm chỉnh chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đất đai trong quá trình thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất và mua lại công trình trên đất tại địa chỉ 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	NGUYỄN CHƠN HÙNG	Chủ tịch HĐQT
2	TRẦN QUANG LÂM	Thành viên HĐQT
3	VÕ VĂN BÌNH	Thành viên HĐQT
4	NGUYỄN TRỌNG NAM	Thành viên HĐQT
5	TRƯƠNG KHẮC LEN	Thành viên HĐQT

12.1.1. Ông NGUYỄN CHƠN HÙNG - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên:	**NGUYỄN CHƠN HÙNG**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	02/6/1970

Nơi sinh:	Quảng Trị
CMND:	023652202 do CA TP.HCM cấp ngày 05/10/2013
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quảng Trị
Địa chỉ thường trú:	159/66 Hoà Hưng, Phường 12 Q.10, TP. Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc:	84.28.22216468
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Cơ nhiệt

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
01/1996 – 12/2003	Kỹ sư thiết kế - PECC2
01/2004 – 5/2006	Tổ trưởng Tổ Cơ nhiệt – PECC2
6/2006 – 10/2007	Phó Trưởng phòng Thiết kế Nhiệt điện – PECC2
11/2007 – 4/2010	Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện – PECC2
5/2010 – 12/2011	Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện – PECC2
01/2012 – 9/2013	Phó TGĐ – PECC2
10/2013 – 3/2015	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ – PECC2
4/2015 đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ – PECC2

Chức vụ công tác tại Công ty:	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ (chức vụ đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên từ năm 2015 đến 2018)
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT: CTCP Năng lượng tái tạo Sơn Mỹ, CTCP Thủy điện Yên Bình, CTCP Đầu tư Năng lượng tái tạo Cà Mau.
Số CP nắm giữ (thời điểm 18/03/2019)	2.537.281 cổ phiếu, chiếm 20,61% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	2.527.840 cổ phiếu, chiếm 20,534% vốn điều lệ (đại diện sở hữu cho EVN)
+ Cá nhân sở hữu:	9.441 cổ phiếu, chiếm 0,076% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:	Bà Trần Thị Lam Phương (vợ ông Nguyễn Chơn Hùng) sở hữu 83.976 cổ phiếu, chiếm 0,66% vốn điều lệ.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

12.1.2. Ông TRẦN QUANG LÂM – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **TRẦN QUANG LÂM**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 14/01/1961

Nơi sinh: Nghệ An

CMND: 040061000305 do : Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 7/02/2018

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nghệ An

Địa chỉ thường trú: 399/15 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP.HCM

Số ĐT liên lạc: 84.28.22216468

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết bị thủy năng

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
12/1986 – 8/1994	Kỹ sư thiết kế - PECC2
9/1994 – 02/1997	Phó Trưởng phòng Thiết kế Thủy điện – PECC2
3/1997 – 10/2007	Trưởng phòng Thiết kế Thủy điện – PECC2
11/2007 – 12/2011	Giám đốc Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng tái tạo – PECC2
01/2012 – 4/2016	Phó Tổng Giám đốc – PECC2
4/2016 đến nay	TV HĐQT kiêm Phó TGĐ – PECC2

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT, Phó TGĐ

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (thời điểm 18/03/2019): 1.904.574 cổ phiếu, chiếm 15,47% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 1.895.880 cổ phiếu, chiếm 15,4% vốn điều lệ (đại diện sở hữu cho EVN)

+ Cá nhân sở hữu: 8.694 cổ phiếu, chiếm 0,070% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

12.1.3. Ông VÕ VĂN BÌNH – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	**VÕ VĂN BÌNH**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20/8/1979
Nơi sinh:	Đồng Nai
CMND:	025989720 do CA TP.HCM cấp ngày 27/04/2015
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quảng Trị
Địa chỉ thường trú:	309/2A Nguyễn Văn Trỗi, P. 1, Q. Tân Bình, TP. HCM
Số ĐT liên lạc:	84.28.22216468
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Điện năng

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
11/2005 - 9/2011	Kỹ sư thiết kế - PECC2
10/2011 - 12/2013	Phó Trưởng phòng - Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện – PECC2
01/2014 - 6/2014	Phó Giám đốc - Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân – PECC2
7/2014 – 9/2014	Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và điện hạt nhân kiêm Phó Giám đốc Ban QLDA EPC – PECC2
10/2014 – 01/2017	Giám đốc Ban QLDA EPC kiêm Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân – PECC2
02/2017 - 7/2017	Giám đốc Ban QLDA EPC kiêm Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân – PECC2
8/2017 – 02/2018	Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân – PECC2
2/2018 đến nay	Thành viên HĐQT, Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân – PECC2

Chức vụ công tác tại Công ty:	Thành viên HĐQT, Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm 18/03/2019):	1.900.323 cổ phiếu, chiếm 15,43% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	1.895.880 cổ phiếu, chiếm 15,394% vốn điều lệ (đại diện sở hữu cho EVN)
+ Cá nhân sở hữu:	4.443 cổ phiếu, chiếm 0,036% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

12.1.4. Ông NGUYỄN TRỌNG NAM – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	**NGUYỄN TRỌNG NAM**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	8/11/1965
Nơi sinh:	Hải Phòng
CMND:	031065001832 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 29/04/2016
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thừa Thiên - Huế
Địa chỉ thường trú:	86/25 Trương Quyền P.6 Q.3, TP. HCM
Số ĐT liên lạc:	84.28.22216468
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
6/1990 – 2/1998	Kỹ sư thiết kế - PECC2
3/1998 – 8/2000	Phó Trưởng phòng Thiết kế Đường dây – PECC2
9/2000 – 11/2008	Trưởng phòng Thiết kế Đường dây – PECC2
12/2008 – 3/2012	Phó TGĐ PECC2
4/2012 – 10/2012	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ PECC2
11/2012 – 12/2013	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ kiêm Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp Cơ điện – PECC2
01/2014 – 9/2014	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ kiêm GĐ Trung tâm Tư vấn Lưới điện – PECC2
10/2014 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ PECC2

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT, Phó TGĐ

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (thời điểm 18/03/2019): 4.164 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 4.164 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu những người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi phạm pháp luật: Không có

12.1.5. Ông TRƯƠNG KHẮC LEN – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **TRƯƠNG KHẮC LEN**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 8/7/1952

CMND: 024304948 do CA TP.HCM cấp ngày 21/09/2004

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 28/5 Trần Thiện Chánh, Phường 12, Quận 10, TP. HCM

Số ĐT liên lạc: 84.28.22216468

Trình độ văn hóa: 12/12

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
8/1975 – 9/1981	Kỹ sư - Công ty Khảo sát Địa chất Sông Đà – Hòa Bình
10/1981 – 02/1983	Kỹ sư Địa hình - Xí nghiệp Khảo sát công trình 2
10/1981 – 02/1983	Kỹ sư Địa hình - Xí nghiệp Khảo sát công trình 2
3/1983 – 8/1984	Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật – Xí nghiệp Khảo sát công trình 2 – PECC2
7/1985 – 6/1987	Phó Trưởng phòng Địa chất – Địa hình - PECC2
7/1987 – 5/1994	Phó Đoàn Khảo sát Tổng hợp miền Nam – PECC2
6/1994 – 10/2007	Phó Giám đốc PECC2
11/2007 – 4/2009	Giám đốc PECC2
5/2009 – 7/2012	Chủ tịch HĐQT PECC2
10/2013 đến nay	Thành viên HĐQT - PECC2

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên HĐQT
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm 18/03/2019):	22.218 cổ phiếu, chiếm 0,180% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	22.218 cổ phiếu, chiếm 0,180% vốn điều lệ
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Ông Trương Minh Tuấn (con Ông Trương Khắc Len) sở hữu 4.998 cổ phiếu, chiếm 0,040% vốn điều lệ.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi phạm pháp luật:	Không có

12.2. Ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Trưởng BKS
2	VÕ DUY BÁCH	Thành viên BKS
3	TRẦN THỊ HÒA	Thành viên BKS

12.2.1. Bà NGUYỄN THỊ THU HIỀN – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên:	**NGUYỄN THỊ THU HIỀN**
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	15/9/1981
Nơi sinh:	Hải Phòng
CMND:	025148675 do CA TP.HCM cấp ngày 11/05/2015
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hải Phòng
Địa chỉ thường trú:	781/A14 Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận10, TP.HCM
Số ĐT liên lạc:	84.28.22216468
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Kinh tế chuyên ngành Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
9/2004 - 6/2007	Kế toán Công ty Cổ phần Quang Tiến
7/2007 - 4/2008	Kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp Thông tin Tín Hiệu
5/2008 - 4/2012	Kế toán – Trung tâm Tư vấn Lưới Điện – PECC2
4/2012 – 3/2016	Thành viên BKS – PECC2
4/2016 đến nay	Trưởng BKS – PECC2

Chức vụ công tác tại Công ty:	Trưởng BKS
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm 18/03/2019):	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

12.2.2. Ông VÕ DUY BÁCH - Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	VÕ DUY BÁCH
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	03/5/1987

Nơi sinh:	Đà Nẵng
CMND:	013586369 do CA Hà Nội cấp ngày 04/12/2012
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú:	14/56 Trần Quang Diệu, Đống Đa, Hà Nội
Số ĐT liên lạc:	84.28.22216468
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
02/2012 - 9/2012	Kỹ sư, Trung tâm Điều độ Hệ Thống điện Quốc Gia
10/2012 - 4/2015	Phó Chánh Văn phòng - Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực
05/2015 – 4/2016	Chuyên viên – EVN
4/2016 đến nay	Thành viên BKS – PECC2, chuyên viên - EVN

Chức vụ công tác tại Công ty:	Thành viên BKS
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Chuyên viên - EVN
Số CP nắm giữ (thời điểm 18/03/2019):	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

12.2.3. Bà TRẦN THỊ HÒA – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	TRẦN THỊ HÒA
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	01/01/1956
Nơi sinh:	Bình Thuận
CMND:	025199268 do CA TP.HCM cấp ngày 29/09/2009
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Ninh Bình

Địa chỉ thường trú: Số 17, Đường 5, KDC Kim Sơn, Tân Phong, Q7, TP. HCM

Số ĐT liên lạc: 84.28.22216468

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
2/1978 - 2/1997	Cán bộ tín dụng, Phó phòng Tín dụng - Ngân hàng Đầu tư và phát triển Thuận Hải (Bình Thuận)
3/1997 - 6/2000	Trưởng Quỹ tiết kiệm Sở giao dịch 2 - Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Việt Nam
7/2000 - 11/2007	Giám đốc Phòng giao dịch 2 – Sở giao dịch 2 - Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Việt Nam
Từ năm 2012 đến nay	Thành viên BKS – PECC2

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (thời điểm 18/03/2019): 13.500 cổ phiếu, chiếm 0,11 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 13.500 cổ phiếu, chiếm 0,11 % vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Bà Nguyễn Thị Quế Chi (con Bà Trần Thị Hòa) sở hữu 5.554 cổ phiếu, chiếm 0,045% vốn điều lệ.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

12.3. Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người Công bố thông tin

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	NGUYỄN CHƠN HÙNG	Tổng Giám Đốc
2	NGUYỄN TRỌNG NAM	Phó Tổng Giám Đốc
3	VÕ VĂN BÌNH	Phó Tổng Giám Đốc
4	NGUYỄN HẢI PHÚ	Phó Tổng Giám Đốc
5	PHẠM LIÊN HẢI	Phó Tổng Giám Đốc
6	BÙI THỊ NGỌC LÝ	Kế toán trưởng
7	HUỲNH VĂN QUANG	Người công bố thông tin

12.3.1. Ông NGUYỄN CHƠN HÙNG – Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ (xem mục 12.1.1)

12.3.2. Ông NGUYỄN TRỌNG NAM – Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ (xem mục 12.1.4)

12.3.3. Ông VÕ VĂN BÌNH – Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ (xem mục 12.1.3)

12.3.4. Ông NGUYỄN HẢI PHÚ – Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên:	NGUYỄN HẢI PHÚ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	18/9/1974
Nơi sinh:	Thừa Thiên - Huế
CMND:	046074000131 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 03/01/2017
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thừa Thiên - Huế
Địa chỉ thường trú:	C 17-2 Chung cư Khánh Hội 2, số 360A, Bến Vân Đồn, P.1 Q.4, TP. Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc:	84.28.22216468
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư Kỹ thuật Nhiệt

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
6/1999 – 10/2007	Kỹ sư Thiết kế - PECC2
11/2007 – 4/2009	Phó Trưởng phòng Công nghệ - Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân – PECC2
5/2009 – 9/2010	Trưởng phòng Công nghệ - Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân – PECC2
10/2010 – 8/2014	Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân – PECC2
9/2014 – 11/2016	Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân – PECC2
12/2016 đến nay	Phó TGĐ – PECC2

Chức vụ công tác tại Công ty:	Phó TGĐ
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm 18/03/2019):	10.920 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	10.920 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

12.3.5. Bà PHẠM LIÊN HẢI – Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên:	PHẠM LIÊN HẢI
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	31/12/1974
Nơi sinh:	Hà Nội
CMND:	023061461 do CA TP.HCM cấp ngày 26/10/2010
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hà Nội
Địa chỉ thường trú:	493/11 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
Số ĐT liên lạc:	84.28.22216468
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
5/2004 – 2/2010	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán - PECC2
3/2010 – 6/2013	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán - PECC2
7/2013 – 3/2014	Trưởng phòng Kế hoạch - Tổng hợp - Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân – PECC2
3/2014 - 7/2017	Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án EPC – PECC2
8/2017 – 7/2018	Giám đốc Ban Quản lý Dự án EPC – PECC2
8/2018 đến nay	Phó TGĐ – PECC2

Chức vụ công tác tại Công ty:	Phó TGĐ
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm 18/03/2019):	38.159 cổ phiếu, chiếm 0,31% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	38.159 cổ phiếu, chiếm 0,31% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

12.3.6. Bà BÙI THỊ NGỌC LÝ – Kế Toán Trưởng:

Họ và tên:	**BÙI THỊ NGỌC LÝ**
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	09/6/1974
Nơi sinh:	Bắc Giang
CMND:	024138655 do CA TP.HCM cấp ngày 09/06/2014
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú:	30/2A Thích Quảng Đức, P.5, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
Số ĐT liên lạc:	84.28.22216468
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, cử nhân Kế toán – Kiểm toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
12/1997 – 7/2003	Chuyên viên Kế toán – PECC2
8/2003 – 6/2004	Phó Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán – PECC2
7/2004 – 3/2008	Kế toán trưởng - Chi nhánh Xí nghiệp khảo sát tổng hợp Miền Nam – PECC2
4/2008 – 8/2009	Phó Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán – PECC2
9/2009 – 11/2016	Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán – PECC2
12/2016 đến nay	Kế toán trưởng – PECC2

Chức vụ công tác tại Công ty:	Kế toán trưởng
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm 18/03/2019):	1.810 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	1.810 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

12.3.7. Ông HUỲNH VĂN QUANG – Người Công bố thông tin:

Họ và tên: HUỲNH VĂN QUANG

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1983

Nơi sinh: Quảng Ngãi

CMND: 025280003 do Công an TP.HCM cấp ngày 27/03/2010

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: 307 Lô K, CC Bàu Cát 2, Phường 10, Quận Tân Bình, TP.HCM

Số ĐT liên lạc: 84.28.22216468

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư Xây dựng.

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
8/2005 – 7/2010	Chuyên viên - Phòng Tổ chức - Nhân sự - PECC2
8/2010 – 7/2013	Tổ trưởng - Phòng Tổ chức - Nhân sự – PECC2
8/2013 – 9/2017	Phó Trưởng phòng - Phòng Tổ chức - Nhân sự – PECC2
02/2015 đến nay	Thư ký Công ty – PECC2
10/2017 – đến nay	Trưởng phòng - Phòng Tổ chức - Nhân sự – PECC2
01/2018 đến nay	Người phụ trách quản trị công ty – PECC2

Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Nhân sự, người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (thời điểm 18/03/2019): 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

13. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

- Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 theo BCTC khối văn phòng:

Stt	Danh mục tài sản	BCTC khối văn phòng năm 2018		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
I.	**TSCĐ hữu hình**	**63.879**	**16.815**	**26,32%**
1.	Nhà cửa. vật kiến trúc	30.646	12.602	41,12%
2.	Máy móc thiết bị	5.576	989	17,73%
3.	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	21.776	2.268	10,42%
4.	Thiết bị dụng cụ quản lý	5.881	956	16,25%
II.	**TSCĐ vô hình**	**183.262**	**160.518**	**87,59%**
1	Quyền sử dụng đất	155.121	149.286	96,24%
2	Phần mềm vi tính	28.141	11.233	39,92%
@	**Tổng cộng**	**247.140**	**177.333**	**71,75%**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán khối văn phòng Công ty năm 2018 của PECC2

- Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 theo BCTC tổng hợp:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Danh mục tài sản	BCTC tổng hợp năm 2018		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
I.	**TSCĐ hữu hình**	**112.288**	**29.360**	**26,1%**
1.	Nhà cửa. vật kiến trúc	38.361	16.561	43,2%
2.	Máy móc thiết bị	35.311	7.387	20,9%
3.	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	30.709	4.255	13,9%
4.	Thiết bị dụng cụ quản lý	7.561	1.075	14,2%
5.	Khác	347	82	23,6%
II.	**TSCĐ vô hình**	**183.262**	**160.518**	**87,6%**
1	Quyền sử dụng đất (*)	155.121	149.286	96,2%
2	Phần mềm vi tính	28.141	11.233	39,9%
@	**Tổng cộng**	**295.549**	**189.878**	**64,2%**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán tổng hợp năm 2018 của PECC2

(*) Quyền sử dụng đất tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP.HCM.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2019 - 2020

14.1. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ thách thức

Điểm mạnh

- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ và chỉ đạo kịp thời của Công ty mẹ là Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Là doanh nghiệp hoạt động lâu năm trong ngành, ban lãnh đạo chủ chốt của Công ty giàu kinh nghiệm có trình độ chuyên môn tốt và am hiểu thị trường. Đội ngũ công nhân sản xuất lành nghề, được huấn luyện và đào tạo thường xuyên.

Điểm yếu:

- Nền kinh tế trong nước mặc dù Đã có tín hiệu phục hồi tốt, nhưng việc thu xếp đủ vốn cho các dự án đầu tư ngành Điện vẫn là bài toán khó khăn. Các chủ đầu tư, do khó khăn về vốn, nên việc thanh toán các khối lượng khảo sát thiết kế hoàn thành chậm, dẫn đến những khó khăn trong việc cân Đối tài chính và triển khai các kế hoạch kinh doanh của công ty.
- Việc mở rộng thị trường và khách hàng mới có phong cách quản lý khác so với khách hàng truyền thống nên các đơn vị trong Công ty bị động và gặp nhiều khó khăn trong triển khai thực hiện.

Cơ hội:

- Sự quan tâm và chú trọng rất cao của Chính phủ đối với sự phát triển kinh tế và các vấn đề an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường;
- Tiềm năng tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết kiệm và hiệu quả năng lượng tại Việt Nam còn lớn;
- Tiềm năng năng lượng tái tạo, nhất là năng lượng mặt trời và năng lượng gió, được đánh giá là khá lớn, có thể đóng vai trò quan trọng trong cung cấp năng lượng trung và dài hạn;
- Hợp tác trong lĩnh vực năng lượng ngày càng phát triển với sự tham gia của các tổ chức quốc tế và thành phần tư nhân trong lĩnh vực năng lượng ngày càng nhiều.

Nguy cơ, thách thức:

- Tài nguyên năng lượng sơ cấp truyền thống đang dần cạn kiệt: thủy điện lớn và vừa sẽ được khai thác hầu hết khi từ gần 18 GW hiện nay sẽ đạt công suất khoảng 21,6 GW vào năm 2020; than nội địa hiện nay đã không đủ cung cấp cho các nhà máy điện. Với quy hoạch khai thác than đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, than còn có thể khai thác được trong vòng 70 năm, nhưng không đáp ứng được nhu cầu; tài nguyên dầu mỏ khí đốt sẽ giảm dần và cạn kiệt trong 60 năm tới;

- Bối cảnh nền kinh tế cả nước có nhiều chuyển đổi về mô hình tăng trưởng theo hướng giảm dần khai thác tài nguyên, chuyển sang công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển các ngành dịch vụ, du lịch. Đây là thách thức lớn đối với ngành điện để phát triển nguồn điện đủ đáp ứng nhu cầu nhưng phải đảm bảo vấn đề môi trường.

14.2. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận giai đoạn 2019 - 2020:

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của PECC2 đối với các ngành kinh doanh lợi thế cạnh tranh của Công ty và tiềm năng phát triển thị trường, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019		Kế hoạch 2020	
		Giá trị	+/- (%) so với 2018	Giá trị	+/- (%) so với 2019
Vốn điều lệ	123	123	0%	123	0,0%
Doanh thu tổng	1.889	1.959	3,7%	2.000	2,1%
LN trước thuế	280	282	0,7%	288	2,1%
LN sau thuế	224	226	0,7%	230	2,1%
Tỷ lệ LNST/DT tổng	11,9%	11,5%	-	11,5%	-
Tỷ lệ LNST/VĐL	182%	183%	-	187%	-
Tỷ lệ cổ tức/năm	25%	25%	-	25%	-

Nguồn: PECC2

14.3. Cơ sở thực hiện kế hoạch

Để đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng và đạt được các mục tiêu chiến lược đề ra, HĐQT PECC2 chủ động đề xuất chương trình hoạt động và các giải pháp trọng tâm sau đây:

- **Các giải pháp trước mắt:**

Năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh được dự báo tiếp tục chịu nhiều khó khăn, thử thách và rủi ro lớn. Việc huy động vốn đầu tư cho các dự án trong lĩnh vực điện tiếp tục gặp nhiều khó khăn,... Vì thế, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã cân nhắc, rà soát kỹ sản lượng của từng đơn vị trong Công ty để chỉ đạo Ban Điều hành tăng cường tìm kiếm thêm việc làm, tăng cường công tác nghiệm thu với mục tiêu chung là phấn đấu để đạt mức cao hơn các chỉ tiêu đã thực hiện trong năm 2018.

Các hợp đồng lớn đã ký kết và đang thực hiện trong giai đoạn 2018 - 2019 đã nêu tại mục 6.10 có tổng doanh thu là 4.597 tỷ. Trong đó, Kế hoạch doanh thu năm 2019 được phân bổ nghiệm thu dự kiến là 1.959 tỷ. Phần còn lại là 2.638 tỷ được dự kiến ghi nhận trong năm 2020. Giá trị các hợp đồng nêu tại mục 6.10 trên là chưa bao gồm các hợp đồng nhỏ và các hợp đồng được ký kết trong năm 2019 và 2020. Do đó, việc đạt được kế hoạch doanh thu được Ban điều hành Công ty đánh giá là hoàn toàn khả thi.

Ngoài ra, để có thể gia tăng thêm thị phần để đạt được tốc độ tăng trưởng trong và sau giai đoạn 2019 – 2020, Công ty có kế hoạch triển khai tổ chức các hội nghị khoa học kỹ thuật chuyên về ngành điện, hội nghị khách hàng, tích cực tìm kiếm thêm các cơ hội ký hợp đồng tư vấn tại các nước khác ngoài Myanmar, Lào, Campuchia, mở rộng tư vấn, tổng thầu các dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió, tư vấn quản lý vận hành; tư vấn đầu tư năng lượng tái tạo.

- **Các giải pháp chung trong dài hạn:**

Nhóm giải pháp phát triển nguồn nhân lực:

- Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tư vấn, hàm lượng chất xám kết tinh trong mỗi sản phẩm là rất cao. Do vậy, yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cần chú trọng và hết sức quan tâm. Việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực không chỉ là một giải pháp mà là một chuỗi xuyên suốt từ khâu tuyển dụng đến đào tạo phát triển năng lực cho người lao động cũng như các chế độ ưu đãi đặc biệt nhằm khuyến khích và giữ chân được nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Xây dựng và thực hiện các chính sách đãi ngộ để thu hút thị trường lao động chất lượng cao phù hợp với yêu cầu công việc; Xây dựng quy trình làm việc rõ ràng và chuyên môn hóa cao kết hợp ứng dụng các phần mềm tính toán chạy trên cơ sở dữ liệu chung để quản lý và hạn chế chảy máu chất xám; Các kỹ sư có thể phát huy năng lực làm việc hiệu quả trong điều kiện đầy đủ chương trình và cơ sở dữ liệu của Công ty.
- Đẩy mạnh công tác lập báo cáo tổng kết kinh nghiệm thực hiện các dự án, công tác chủ trì thiết kế, chủ nhiệm khảo sát tại các dự án trọng điểm của Công ty.
- Đào tạo chuyên sâu về năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành cho các bộ quản lý các cấp, đặc biệt là cấp cao và cấp trung.
- Tiếp tục tổ chức các báo cáo chuyên đề, hội thảo khoa học, nhằm đánh giá kết quả thực hiện và giải pháp khắc phục, tối ưu các giải pháp kỹ thuật chuyên môn, cập nhật thành tựu khoa học công nghệ mới của các nước phát triển, đưa ra định hướng phát triển cho Công ty.
- Tập trung quản lý, tổ chức và điều phối tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh giữa các đơn vị thành viên, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị, các khu vực để sử dụng tối đa nguồn lực hiện có trong công ty.

Nhóm giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ:

- Khuyến khích các đơn vị nghiên cứu, tiếp cận công nghệ mới để đề xuất áp dụng trong thiết kế, quản lý. Khuyến khích cá nhân, tập thể đề xuất sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư trang bị các phần mềm chuyên ngành có bản quyền, phát triển thiết kế 3D, thiết kế EPC chuyên sâu, đảm bảo sự phát triển bền vững, ổn định của công ty.

- Đẩy nhanh quá trình nghiên cứu, cải tiến sản phẩm, cải tiến quy trình sản xuất, phối hợp với quá trình đầu tư đổi mới máy móc thiết bị để giảm hao phí nhiên liệu.
- Thực hiện đầu tư và trang bị các máy móc thiết bị cho công tác khảo sát, thí nghiệm nhằm nâng cao chất lượng, kiểm soát chặt chẽ tiến độ thi công, đáp ứng yêu cầu về tiến độ của khách hàng hoặc sẵng sàng thỏa mãng những yêu cầu thêm ngoài hợp đồng.
- Đầu tư trang bị các phần mềm chuyên ngành nhằm tạo sự khác biệt cho sản phẩm khảo sát, thiết kế để có thể để lại mỗi dấu ấn trên mỗi sản phẩm, mỗi công trình công ty đã thực hiện.

Nhóm giải pháp quản lý:

- Tiếp tục thực hiện rà soát, hiệu chỉnh và biên soạn mới các quy chế quy định phối hợp hoạt động giữa các đơn vị, các ban và bộ phận, giảm hội họp. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm chứng cả về lý luận lẫn thực tiễn trong đội ngũ lãnh đạo quản lý tại các đơn vị.
- Tiếp tục rà soát, kiện toàn cơ cấu nhân sự, tổ chức lại các đơn vị và toàn công ty. Triển khai thực hiện hệ thống thang bảng lương phù hợp với hệ thống đánh giá KPI.
- Áp dụng hệ thống đánh giá KPI vào công tác quản lý điều hành và làm cơ sở xem xét đánh giá nhân lực phù hợp cũng như có chế độ khen thưởng tương xứng kịp thời.
- Áp dụng triệt để hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2010 trong tổ chức và triển khai công tác quản lý, khảo sát và thiết kế, gia công chế tạo các sản phẩm nhằm thỏa mãn tối đa yêu cầu của khách hàng.
- Thường xuyên rà soát, hiệu chỉnh và hoàn thiện chính sách chất lượng, bao gồm các mục tiêu chất lượng đúng đắn và biện pháp để thực hiện các mục tiêu đó. Coi nhà cung ứng là một bộ phận không thể tách rời của Công ty. Mỗi thành viên trong công ty đều là nhà cung ứng và là khách hàng, để chất lượng không ngừng cải tiến trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng và hoàn thiện bộ quy định và quy trình quản lý kỹ thuật, cẩm nang thiết kế và giám sát, sổ tay hướng dẫn, nhằm chuẩn hóa công tác thiết kế và giám sát thi công dự án. Tăng cường kiểm tra, và kiểm soát chất lượng đồ án khảo sát, thiết kế bằng hình thức kiểm tra chéo giữa những tổ nhóm, hội đồng thiết kế tại các đơn vị.
- Phát huy vai trò, trách nhiệm trong tổ chức kiểm tra, thẩm tra và thẩm định của đơn vị quản lý kỹ thuật, các Hội đồng thiết kế, các tổ/ nhóm thiết kế trong lập hồ sơ khảo sát thiết kế các đồ án, không để tồn tại các sai sót, trước khi hoàn chỉnh cho xuất bản và giao nộp cho chủ đầu tư dự án.

Nghiên cứu phân tích để phát triển thị trường:

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, hoạt động marketing, nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, khảo sát đánh giá thái độ của khách hàng nhằm xây dựng các tiêu chí về chất lượng, giá cả và dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt nhất.

- Xây dựng lòng tin đối với khách hàng mới ở thị trường nước ngoài, có chính sách chăm sóc khách hàng lớn, khách hàng truyền thống và tiềm năng.
- Triển khai nghiên cứu thị trường khu vực, mở rộng và phát triển thêm thị phần dịch vụ tư vấn ở các nước trong khu vực.
- Xây dựng chính sách giá sản phẩm dành cho các thị trường trong nước và ngoài nước mang tính cạnh tranh đối với các đối thủ trong ngành.

Tiếp tục thực hiện tối ưu hóa chi phí:

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các định mức chi phí. Tối ưu chi phí hoạt động thường xuyên để giảm chi phí nguyên vật liệu, dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.
- Tăng cường kiểm soát dòng tiền: Công ty, các trung tâm và Xí nghiệp lập kế hoạch dòng tiền để theo dõi, kiểm tra dòng tiền định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm, sử dụng hiệu quả dòng tiền trong sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của từng đơn vị.
- Thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí, giảm giá thành: tiết kiệm chi phí vật tư vật liệu trong mua sắm trang thiết bị, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, chi phí đi lại, chi phí hội họp, tiếp khách. Thanh, xử lý dứt điểm vật tư; thiết bị ứ đọng, kém, mất phẩm chất; tài sản cố định không cần dùng, hư hỏng chờ thanh lý.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu tư ngay từ khâu chuẩn bị, triển khai của từng dự án.
- Quản lý chặt chẽ tiến độ và chất lượng đồ án khảo sát thiết kế. Hoàn thiện và giao nộp tài liệu đúng tiến độ yêu cầu của chủ đầu tư và quy định hợp đồng, không để xảy ra sai sót phải thay đổi thiết kế, xử lý chất lượng dẫn đến kéo dài hoàn thành, tăng chi phí quản lý và chi phí sản xuất.
- Thu thập và phân tích thông tin tài chính, dự đoán nhu cầu và đưa ra các quyết định tối ưu để đạt được các mục tiêu sản xuất kinh doanh phù hợp, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển, tối đa hóa lợi nhuận, tối đa hóa doanh thu và tối ưu lợi ích của cổ đông.

Nâng cao ý thức kỷ luật lao động, tinh thần trách nhiệm và văn hóa doanh nghiệp cho người lao động:

- Tiếp tục vận dụng các hình thức hoạt động để nâng cao tầm nhận thức cho người lao động về giá trị văn hóa PECC2. Đẩy mạnh hoạt động văn hóa doanh nghiệp có hiệu quả, hướng đến kỷ niệm các sự kiện trong năm của công ty.
- Phối hợp các tổ chức đoàn thể triển khai các phong trào thi đua hướng đến giá trị văn hóa PECC2. Tăng cường triển khai thực hiện quy tắc ứng xử văn hóa và xây dựng tiêu chí đánh giá thực hiện Quy tắc ứng xử văn hóa tại các đơn vị.
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tạo động lực cho người lao động phát huy khả năng làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, hết lòng phục vụ khách hàng với chất lượng dịch vụ tốt hơn.

- **Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua:**
  - ✓ **DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI TRUNG TÂM ĐIỆN LỰC VĨNH TÂN – GIAI ĐOẠN 1:** Đây là dự án điện mặt trời nằm trong Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, tỉnh Bình Thuận. Với công suất khoảng 5MWp và tổng mức đầu tư khoảng 120 tỷ đồng. Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đã được thẩm định và phê duyệt vào tháng 5/2018. Công ty đã tổ chức đấu thầu mua sắm thiết bị, thi công xây lắp, và khởi công dự án vào tháng 11/2018, đưa công trình vào vận hành phát điện tháng 01/2019.
  - ✓ **DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI SƠN MỸ 3-1:** là dự án điện mặt trời thứ 2 được Công ty phát triển tại tỉnh Bình Thuận với công suất khoảng 50MWp và tổng mức đầu tư khoảng 1.149 tỷ đồng. Dự án đã được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung quy hoạch và thiết kế cơ sở. Công ty đã thành lập Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Sơn Mỹ để triển khai các công tác đầu tư dự án như: đền bù và giải phóng mặt bằng, đấu thầu EPC, thu xếp vốn,... để đảm bảo dự án đóng điện và vận hành thương mại trước ngày 30/6/2019.
  - ✓ **DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ TÂN THUẬN GIAI ĐOẠN 1:** Đây là dự án điện gió được Công ty phát triển tại tỉnh Cà mau với công suất: 24MWp và tổng mức đầu tư khoảng 817 tỷ. Công ty đã đầu tư lắp dựng xong cột đo gió để tiến hành đo gió trong 12 tháng theo quy định. Để nâng cao chất lượng lập FS cho dự án, Công ty tích cực tìm kiếm và đã nhận được khoản tài trợ kỹ thuật từ Cơ quan Thương mại và Phát triển Hoa Kỳ (USTDA) với giá trị gần 01 triệu USD cho Công ty tư vấn DNV của Hoa Kỳ lập FS và hoàn thành vào tháng 12 năm 2018. Dự kiến khởi công vào tháng 9/2019.
  - ✓ **DỰ ÁN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ 2:** Đây là dự án thủy điện nhỏ được Công ty phát triển tại tỉnh Yên Bái với công suất: 14,1MW và tổng mức đầu tư khoảng 575 tỷ đồng. Hồ sơ bổ sung quy hoạch đã được Bộ Công Thương phê duyệt, đang thực hiện thủ tục cấp phép đầu tư cho dự án. Công tác lập FS đã hoàn thành cơ bản. Hiện đã có ý kiến của các Sở ngành và Sở KH&ĐT tỉnh Yên Bái đang tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Yên Bái cấp Quyết định chủ trương đầu tư dự án cho PECC2.
  - ✓ **DỰ ÁN XÂY DỰNG TÒA NHÀ VĂN PHÒNG PECC2 TẠI 32 NGÔ THỜI NHIỆM:** Ủy Ban Nhân dân Thành phố đã cấp phép quy hoạch cho dự án, Công ty đã tổ chức lựa chọn Tư vấn thiết kế kiến trúc cho dự án và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án. Công ty chuẩn bị cho công tác mặt bằng khởi công dự án với mục tiêu khánh thành tòa nhà vào lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty.

Như vậy, trong giai đoạn tới, PECC2 sẽ tiếp tục nỗ lực xây dựng các giải pháp hữu hiệu cũng như tận dụng tối đa các nguồn lực để phấn đấu thực hiện và hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch năm 2018. Từ đó hướng tới sự phát triển liên tục và bền vững, đem lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với góc độ là một tổ chức tư vấn, Chúng tôi đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của PECC2.

Với đà phát triển liên tục và ổn định, chiến lược hoạt động linh hoạt và năng động của PECC2, trong bối cảnh tiềm năng phát triển của ngành năng lượng nói chung và ngành điện nói riêng vẫn còn rất lớn, Chúng tôi cho rằng các kế hoạch lợi nhuận, cổ tức và các mục tiêu phát triển của Công ty là hoàn toàn khả thi nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, ngành và Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
3. **Tổng số chứng khoán niêm yết:** 12.313.159 cổ phần.
4. **Tổng giá trị chứng khoán niêm yết:** 123.131.590.000 đồng.
5. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:** 0 cổ phần.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 53, Nghị định 58/2012/NĐ - CP ngày 20/07/2012 về điều kiện đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM: *"Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ".*

Tuy nhiên, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 13/10/2009 nên các cam kết này đã hết thời hạn có hiệu lực. Do đó, toàn bộ số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty đều là cổ phiếu tự do chuyển nhượng.

6. **Phương pháp tính giá:**

Theo quy định tại khoản 2.5, Điều 5, Quy chế niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM số 85/QĐ-SGDHCM ngày 19/03/2018: *"Trường hợp chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội chuyển sang đăng ký niêm yết trên SGDCK không phải xác định giá dự kiến niêm yết cho ngày giao dịch đầu tiên trên SGDCK trước khi SGDCK cấp Quyết định niêm yết. Phương pháp tính giá trong Bản cáo bạch niêm yết tối thiểu phải có phương pháp giá trị sổ sách và phương pháp bình quân giá đóng cửa của ít nhất hai mươi (20) phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy niêm yết/đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội".*

- **Phương pháp giá trị sổ sách:**

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu TV2 được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu} = \frac{\text{Tổng tài sản} - (\text{Tài sản vô hình} + \text{Nợ})}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu TV2 tại các thời điểm 31/12/2016, 31/12/2017 và 31/12/2018 theo BCTC tổng hợp như sau:

Khoản mục	ĐVT	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
TTS – (TSVH + Nợ)	Nghìn Đồng	289.339.278	340.416.225	538.514.941
SLCP đang lưu hành	Cổ phần	5.098.764	5.863.470	12.313.159
Giá trị sổ sách TV2	Đồng/CP	**56.747**	**58.057**	**43.735**

- **Phương pháp bình quân giá đóng cửa:**

Giá của cổ phiếu TV2 theo phương pháp bình quân giản đơn giá đóng cửa trong 20 phiên giao dịch liên tiếp tại SGDCK Hà Nội (HNX) từ ngày 13/03/2019 đến ngày 09/04/2019 là: **129.850 đồng/cổ phần**.

Kết luận: Giá tham chiếu trong ngày giao dịch ngày đầu tiên của cổ phiếu TV2 trên SGDCK TP.HCM (HSX) là bình quân giá đóng cửa của 20 phiên giao dịch cuối cùng của cổ phiếu TV2 tại SGDCK Hà Nội (HNX) với biên độ dao động là +/- 20%.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo khoản 10, Điều 8 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty: *"Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là không quá mười lăm phần trăm (15%) vốn điều lệ."*

Sau khi niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện tại Công ty đang kinh doanh một số ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện như sản xuất, truyền tải, phân phối điện và kinh doanh bất động sản. Vì vậy giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài của Công ty tối đa theo các quy định trên là 49%.

Tổng hợp lại, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại PECC2 là 15%. Số lượng cổ phần của các cổ đông nước ngoài đến ngày 18/03/2019 là 1.778.648 cổ phần tương ứng với tỷ lệ 14,45% tổng số lượng cổ phần đã phát hành.

Công ty cam kết tuân thủ quy định pháp luật có liên quan đến tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty.

8. Các loại thuế có liên quan

Trong hoạt động, Công ty cần thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng,... phụ thuộc các lĩnh vực kinh doanh, đầu tư của Công ty và tuân thủ theo chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ.

I. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Hội sở:

Địa chỉ: Tầng 1-2-3-4, Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, P.Bến Thành, Q.1, TP. HCM

Điện thoại: 84.28.6299 2006 - Fax: 84.28.6291 7986

Website: www.vdsc.com.vn - Email: vdsc@vdsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 84.24.6288 2006 - Fax: 84.24.6288 2008

Chi nhánh Nha Trang:

Địa chỉ: 50 Bis Yersin, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại: 84.258.3820 006 - Fax: 84.258.3820 008

Chi nhánh Cần Thơ:

Địa chỉ: Tầng 8 Tòa nhà Sacombank, số 95-97-99, Võ Văn Tần, P.Tân An, Ninh Kiều, Cần Thơ

Điện thoại: 84.271. 0381 7578 - Fax: 84. 271 0381 8387

2. Tổ chức kiểm toán

Đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 và 2017:

CÔNG TY TNHH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà HL, 82 phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 84.24.37557 446 - Fax : 84.28.6291 7986

Website: http://uhy.vn

Đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Galaxy 9, Số 09, đường Nguyễn Khoái, P.1, Q.4, TP.HCM

Điện thoại: (024) 3824 1990 Fax: (024) 3825 3973

Website: https://aasc.com.vn

II. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty;
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính kiểm toán khối văn phòng năm 2017 và năm 2018, Báo cáo tài chính kiểm toán tổng hợp năm 2017 và năm 2018.
4. **Phụ lục IV:** Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2019

CHỮ KÝ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0300420157 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2 - QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN CHƠN HÙNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN THỊ THU HIỀN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÙI THỊ NGỌC LÝ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC

S.Q.Đ: 312 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - QUẬN 1 - TP HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HIẾU